

TUỆ QUÁN

NẾO VỀ CHÂN NHƯ

TUỆ QUÁN
NẸO VỀ CHÂN NHƯ

Định Hy biên soạn
Thích Đức Trí dịch

MỤC LỤC

Lời người dịch	7
Bài tựa của Pháp sư Đàm Hư	9
Bài tựa tán thán của Pháp sư Ấn Thuận	11
Bài tựa của Cư sĩ Khuất Ảnh Quang	13
Bài tựa của Cư sĩ Lý Bình Nam	15
Bài tựa của Cư sĩ Phương Luận	19
VŨ TRỤ VẠN HỮU BẢN THỂ LUẬN	21
Lời đầu của luận giả	21
Chương I: NGHĨA LÝ BÁT NHÃ	39
Chương II: VẠN PHÁP DUYÊN SANH	59
Chương III: PHÁP VỐN TỊCH DIỆT	67
Chương IV: TÂM VỐN THANH TỊNH	71
Chương V: BẢN THỂ TỰ TÍNH	77
Chương VI: BẮT GIÁC VÔ MINH	85
Chương VII: QUÁN CHIẾU NGƯỢC DÒNG	97
Chương VIII: BIẾT HUYỄN CHẴNG THẬT	111
Chương IX: TÂM KHÔNG THÌ CẢNH KHÔNG	119
Chương X: NGÃ KHÔNG	125
Chương XI: PHÁP KHÔNG	133
Chương XII: TRIỆT ĐỂ KHÔNG	139
Chương XIII: ĐẠO KHÔNG THUỘC TU	145

Chương XIV: SIÊU VIỆT KIẾN GIẢI	151
Chương XV: LÌA VỌNG CHẤP	157
Chương XVI: VÔ NIỆM VÔ TRỤ	163
Chương XVII: NHẤT TƯỚNG BÌNH ĐẲNG	167
Chương XVIII: ĐỊNH HUỆ VIÊN DUNG	173
Chương XIX: GIẢI THOÁT DO TÂM	177
Chương XX: THẬT NGHĨA TINH TẤN	181
Chương XXI: TÁNH NHƯ HƯ KHÔNG	185
Chương XXII: TÂM CỦA BẠC THÁNH	189
Chương XXIII: THƯỜNG GIỮ CHÁNH NIỆM	199
Chương XXIV: NGĂN NGỪA MA CHƯỚNG	207
Chương XXV: ĐẠI BI BÌNH ĐẲNG	211
Chương XXVI: TU TỊNH ĐỘ	217

Lời người dịch

“Vũ trụ vạn hữu bản thể luận” của Định Hy là một kiến giải nhân sinh vũ trụ trên hai phương diện bản thể và hiện tượng, tuy vậy không rời tính thực dụng của Phật pháp trong đời sống tu tập, giúp người học Phật nhận thức thêm một nẻo về suối nguồn Chân như theo quan điểm Phật giáo Đại thừa. Suy nghĩ như thế, chúng tôi đã đặt tên cho bản dịch tiếng Việt là “Tuệ quán nẻo về chân như”. Về giá trị của tác phẩm, có lẽ năm bài tựa tán thán của các bậc Pháp sư thực học chân tu cũng như các nhà học Phật nghiêm túc đã viết lời giới thiệu cho tác phẩm này đã nói lên đầy đủ.

Bản luận này ngoài các bài tựa ra còn có 26 chương. 25 chương đầu trình bày cụ thể triết lý căn bản giáo lý Phật giáo, giải thích thể giới hiện tượng là sự biểu hiện tác dụng của thể tâm chân như tuyệt đối. Chương thứ 26 trình bày vai trò của pháp tu Tịnh độ; và có phải đây là mục đích Luận chủ giúp người đọc trước hết nhận thức rõ ràng vấn đề và sau đó tìm về một pháp tu thích hợp? Mong những ai có dịp đọc trọn tác phẩm này có thể tìm được câu trả lời cho chính mình!

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Trong khi dịch tác phẩm, tôi vô cùng tri ân Pháp sư Huệ Luật đã nghiên cứu tác phẩm này khá tường tận và đã giảng cho thính chúng tại giảng đường Văn Thù, thuộc thành phố Cao Hùng, Đài Loan. Vì thông qua bài giảng của Pháp sư, tôi đã đối chiếu các thuật ngữ liên quan về điển tích văn hóa Trung Hoa khi dịch tác phẩm này ra tiếng Việt.

Hơn nữa, tác phẩm này giúp tôi hiểu thêm nhiều vấn đề liên quan đến kinh nghiệm tu học; đặc biệt là nhận thức thêm ý nghĩa thiết thực về vai trò giáo lý Tịnh độ, một pháp môn tu đang phổ biến trong xã hội hiện đại. Cuối cùng, với tất cả thành ý, rất mong nhận được sự chỉ giáo từ chư vị thiện hữu tri thức khi đọc dịch phẩm này.

Thành Phố Tulsa, OK, Hoa Kỳ; mùa hạ Quý Tỵ - 2013

Kính bút: T.K Thích Đức Trí

Bài tựa của Pháp sư Đàm Hư

Nhận được thư của Giang Sĩ Kiềm gửi đến, trong thư có nói: Tình cờ đọc được tác phẩm “Vũ Trụ vạn hữu bản thể luận”, không kể tác giả là ai, một khi đã trình qua Pháp sư Ấn Thuận và Cư sĩ Lý Bình Nam thì có thể xuất bản để phát hành rộng rãi làm lợi ích cho mọi người; đặc biệt hơn nữa các vị ấy còn viết lời tựa tán thán.

Nay theo yêu cầu, tôi viết thêm lời giới thiệu để tăng niềm tin cho độc giả. Vừa đọc qua một lượt, tôi cũng nhận thấy rằng, bản luận này hợp ý nghĩa giáo pháp Như Lai đã dạy, có thể làm thuyên báu tế độ chúng sanh. Đó đúng là một tác phẩm pháp luận quý hiếm trong thời mạt pháp! Bản thân tôi, tự thẹn với lòng chưa báo đáp trọn bốn ân, xét một đời người qua mau, nên đối tất cả thiện tri thức đang lấy hùng văn hoằng dương luận nghĩa Phật pháp thì hết lòng hoan hỉ tán thán, mong phổ biến rộng rãi. Ước nguyện rằng Phật tuệ sáng soi, nước cam lồ tưới mát nhân sinh, gió từ bi thổi khắp mọi nẻo, quét sạch màn vô minh tội lỗi, khai mở pháp âm, hiển bày chánh lý cho bao người

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

mê mờ sớm hôm quy Tịnh độ. Với tác phẩm này, xác định rõ phương pháp tu hành và hoằng pháp thì vô cùng lợi lạc. Đối với tôi, cương yếu của tác phẩm “Vũ trụ vạn hữu bản thể luận” giúp thêm nhiều nhận thức mới. Luận đến vũ trụ như là thiết lập quan niệm về không gian vô tận, về thời gian vô hạn. Vạn hữu chính là sự kết hợp hai yếu tố của không gian và thời gian đó, vì bản thể là cội nguồn của chư pháp. Trước tám vạn bốn ngàn chúng trời người trên pháp hội Linh Sơn, Thế Tôn đưa cành hoa lên, ai ai cũng xem trong tầm mắt và im lặng; riêng ngài Ca Diếp mỉm cười, vậy là chỉ có một người đương cơ ngộ được thể tính.

(Đàm Hư, viết vào ngày 16 tháng 5)

Bài tựa tán thán của Pháp sư Ấn Thuận

Thông đạt kinh luận rớt ráo
Khai mở tông yếu Phật pháp
Rõ biết mê ngộ tại tâm
Thấu triệt Thiên Tịnh một nguồn
Cư sĩ Định Hy phát tâm
Chỉ vì xác thực pháp tu
Luận giải giáo nghĩa cho đời
Đượm nhuần từ bi ân nghĩa
Bồ-tát cứu thời mạt pháp!
(*Pháp sư Ấn Thuận*)

Bài tựa của Cư sĩ Khuất Ánh Quang

Phật pháp rộng lớn như hư không, xuyên suốt ba thời, đoạn tứ cú tuyệt bách phi^[1], chẳng phải cái mà vũ trụ có thể dung nhiếp, chẳng phải chỗ cùng tận của vạn hữu. Nếu nói nghĩa không thì phải nói nghĩa có; nếu nói chẳng phải có, chẳng phải không, thì phải nói cũng có và cũng không. Cư sĩ Định Hy thông đạt kinh giáo, biên tập “Vũ trụ vạn hữu bản thể luận”. Theo luận, vũ trụ tức là tận hư không, vạn hữu cùng khắp ba thời; tham cứu nó rõ ràng để mà luận giải có thứ lớp. Có thể nói rằng, chúng ta chỉ nhận thức được tự tánh chỉ là thuộc phạm trù tư duy và khái niệm, thực chất các pháp không như vậy, vì tự tánh thanh tịnh vốn siêu việt tất cả; tự tánh ấy không thể giới hạn trong phạm vi nhận thức về thời gian và không gian mà

1. *Tứ cú*: Một là nói hữu, hai là nói vô, ba là nói cũng là hữu cũng là vô, bốn là chẳng phải hữu chẳng phải vô. Đó là tứ cú. Bách phi là khai triển từ bốn câu, bên trong hữu có 4, bên trong vô có 4, thành 16 sáu câu. Mười sáu câu trong ba thời gian: quá khứ, hiện tại và vị lai thành 48 câu. 48 câu đã khởi cộng 48 câu chưa sanh khởi thành 96 câu; cộng thêm bốn: hữu, vô, diệc hữu diệc vô, phi hữu phi vô thành 100 câu; gọi là Bách phi.

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

thành lập. Vì Tứ tế^[1] (quá khứ, hiện tại, vị lai và không gian) như sừng thỏ, thực sự không tồn tại. Nhưng y theo trí Bát nhã mà phá sự thấy biết chấp thật có, vì sự thật vốn xa rời tứ tế. Tất cả các pháp vốn là chân không. Trí tuệ ấy thông đạt nghĩa chân không thì thấy tất cả pháp vốn xa rời tứ tế. Đồng học Giang Sĩ Khiêm đến đàm luận về tác phẩm này với tôi với tinh thần cởi mở và nhờ tôi viết lời nhận xét này để làm lời tựa.

(Trung Hoa dân quốc, thành phố Lâm Hải năm thứ 47 (1958), giữa xuân Bính Tuất, Khuất Ánh Quang biên soạn)

1. *Tứ tế*: thời gian quá khứ, hiện tại và vị lai gọi là Tam tế, thêm vào yếu tố không gian vô tận nữa là bốn; nên gọi là Tứ tế.

Bài tựa của Cư sĩ Lý Bình Nam

Vũ trụ sum la vạn tượng, thành trụ hoại không, tại sao như vậy? Y báo và chánh báo của chúng sanh có sanh, trụ, di, diệt, tại sao như vậy? Đó là do sự mê hoặc vô cùng tận từ muôn kiếp xa xưa. Do mê mà có tạo nghiệp, mê nên thấy điên đảo về lý và sự, từ đó mà khổ sâu trói buộc, tức do tâm tham ái trói buộc, mong thi ân để cầu giải thoát mà lại càng tạo nghiệp, còn tạo nghiệp thì còn điên đảo, xoay chuyển không ngừng, không biết bắt đầu từ đâu mà khởi, không biết khi nào mới dừng. Nhân sinh vũ trụ sanh diệt vô thường, luân chuyển không ngừng. Cho nên cổ nhân nói, thiên hạ vốn vô sự, người mê nhiều loạn chính mình. Ai ngộ đạo lý này? Không chỉ người nghe chưa hiểu rõ, người nói cũng chưa thấu triệt lời của chính mình! Nếu có nói ra đi nữa cũng trong sự mê lầm. May thay có đấng Đại giác Thế Tôn, thương xót cảnh chúng sanh dùng động để dừng động, từ khổ nhập vào khổ, cũng giống như dùng gậy khua nước theo vòng bên trái, lại chuyển qua bên phải để muốn nước dừng lại, nước càng không lắng dừng. Cho nên, Thế Tôn đưa ra phương pháp tháo cạn hết nước ái

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

nhiệm, chấm dứt khoáy động tâm ý thì tự nhiên thiên hạ thái bình. Quán sát thấu triệt tâm tánh mà thực hành thì có được bao nhiêu người! Tất cả do nhiều kiếp sanh tâm phân biệt, đi lang thang trong nẻo luân hồi, chưa từng phản tỉnh để buông xả mê lầm. Một nhọc cho Đức Thế Tôn muốn nói chân lý rất ráo phải trải qua bốn mươi chín năm khai mở tám vạn bốn ngàn pháp môn để phá mê dứt vọng. Như thầy thuốc giỏi, cảm lạnh thì cấp quế phụ, cảm nhiệt thì cấp liên linh, nếu không bệnh thì không cần cho thuốc.

Đối người tâm còn mê loạn, chấp không bỏ cái có, chấp có thì bỏ cái không; lấy pháp làm loạn pháp; quy y Phật lại hủy báng ý Phật. Nếu như vị thầy thuốc bắt tài dùng một bài thuốc mà trị ngàn bệnh, không hại chết người là điều ít có! Ví như bệnh tật làm chết người gọi là hiển, thầy thuốc làm chết người thì gọi là ẩn. Cũng vậy, người có trí muốn cầu khai ngộ chỉ bày thì còn dễ; còn người mê lầm sâu kín khuyển cải tà quy chánh thì khó. Như vậy thuốc trị bệnh và người trị bệnh ai là kẻ giết hại bệnh nhân? Giáo pháp và tâm chấp giáo pháp là cái nào làm hại người? Lỗi lầm tại điểm nào?

Nay tôi vì mục đích giới thiệu tác phẩm “Vũ trụ vạn hữu bản thể luận” của khai sĩ^[1] Định Hy nên viết lời tựa. Thấy rõ nội dung Thiên, Mật và Luật quy nạp về một mối, sau cùng tán thán ý nghĩa hồi quy Tịnh độ, lý sự viên dung, sung mãn Phật

1. Khai sĩ: bậc phát tâm rộng lớn như tâm nguyện của Bồ-tát.

chất. Thể loại văn chương dùng nhiều thi kệ, âm hưởng thi ca dễ dàng đọc tụng. Bản luận ngôn từ tuyệt mỹ, bút pháp thanh lịch. Đọc suốt toàn văn có nhận định rằng: Luận này lưu hành có thể làm khuôn mẫu tu hành trong thời mạt pháp. Lại nữa, thế nào là Phật pháp? Tức là đối với vũ trụ vạn hữu chứng ngộ mới thể nghiệm thấu triệt. Vũ trụ vạn hữu tức là do duyên sanh giả lập không có tự thể, cái có thì chẳng phải thật có, mà thể của vạn pháp vốn chân không. Nghĩa là xa rời có thì chẳng thể hiện cái không, xa rời không thì chẳng thể hiện cái có. Có và không chẳng phải một và chẳng phải khác. Chân tướng vốn như vậy, biện luận đâu dễ thành! Duy chỉ có Thế Tôn với pháp âm vi diệu, giải thuyết vô ngại, thiết lập ngôn giáo, làm siêu việt ngôn giáo để hiển bày chân lý; thiết lập quyền và thật, siêu việt trên quyền và thật hiển rõ ý nghĩa chẳng phải một và chẳng phải khác. Giống như hạt minh châu phát ra nhiều màu sắc khác nhau, như xanh, vàng, đỏ và trắng lúc ẩn lúc hiện. Nhưng người mê chưa thấy nói ẩn nói hiện đều là lời nói hư dối; người ngộ đã thấy nói ẩn nói hiện là lời nói thật. Cũng vậy, ngôn từ người mê là tự lừa dối mình và lừa dối người; ngôn từ người ngộ thì khai mở đạo lý làm lợi ích mọi người; cái lợi ích và cái nguy hại khoảng giữa một tâm niệm! Khai sĩ^[1] đã triệt ngộ chẳng? Tại sao người hiện tại bỏ quên thánh giáo, bậc khai sĩ có như vậy hay sao? Thông thường nghe pháp, ngôn ngữ tương ứng với đạo lý; vướng chấp ngôn từ thì biết tâm chướng ngại, siêu việt ngôn từ thì biết là tâm thông đạt. Lành thay! Lời hay, tâm thông đạt, tâm và pháp tương ứng. Bản luận này có

1. Khai sĩ ở đây chỉ cho Định Hy, tác giả của bản luận này.

thể làm sáng đạo lý, lợi ích mọi người. Cho nên nói rằng: Đó là khuôn phép tu hành cho người trong thời mạt pháp. Ở đây, với bản thân tôi vẫn từ mọt mọt, thật đáng thẹn với lòng mình, nhưng lòng vô cùng hoan hỉ với bản luận này mà viết lời tựa. (*Trung Hoa Dân Quốc, thành phố Tế Nam năm Mậu Tuất thứ 47(1958); Lý Bình Nam kính bút*)

Bài tựa của Cư sĩ Phương Luận

Bản luận này là một tuyệt tác bàn về phạm trù tâm tánh. Người chưa chứng ngộ xem thì không dễ hiểu, người đã chứng ngộ thì không còn nhu cầu. Nhưng đối với người thượng căn, nội tâm thành thực, đang thời sắp chứng ngộ và chưa ngộ xem được luận này như ngón tay chỉ mặt trăng; như lá bùa hộ mạng cho người mẹ sanh con; khi một tiếng kêu Oa, tức vương tử ra đời, đứng đầu trăm vị quan gia. Đó là điều đáng quý vậy!

Bản luận này, từng từ từng câu, hoặc ẩn hoặc hiện nói nghĩa đệ nhất nghĩa đế. Người thông lợi luận về tánh như người lái thuyền nói về biển, không hạn chế mà còn tương ưng.

Vũ trụ vạn hữu từ tâm sanh, ngoài tâm không một pháp khả đắc. Trong kinh *Lăng nghiêm*, Phật bảo ngài A Nan: “Sắc thân cho đến sơn hà, hư không và đại địa đều là sự vật của chân tâm diệu minh hiện ra.” Cho nên bản luận lấy phạm trù tâm tánh làm thể luận vũ trụ vạn hữu để phá triết quan niệm có thực tướng cực vi cho đến tà luận Thượng đế tạo vật; giúp cho người tu học phát khởi chánh kiến,

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

công này rất lớn. Luận nghĩa không chấp có, không chấp không, tuy đề cao Chơn tánh mà chú trọng thực tế công phu tu tập, sau cùng lại tán dương Tịnh độ để quy kết. Lành thay! Xứng đáng là bậc đặc pháp nhãn thanh tịnh.
(*Học nhân Phương Luận kính bút*)

VỮ TRỤ VẠN HỮU BẢN THỂ LUẬN

Lời đầu của luận giả

Không gian vô biên khắp cả mười phương là vũ, thời gian vô cùng tận quá khứ, hiện tại và vị lai là trụ. Hữu vi, vô vi, sắc tâm, nhiễm tịnh, tất cả vạn pháp đều gọi là vạn hữu. Tất cả vạn pháp từ xưa cho tới nay tịch diệt vắng lặng, vốn không sanh diệt, tồn tại không lay chuyển, cùng một thể với hư không trong mọi thời, cùng một chân như pháp tánh, cái đó gọi là bản thể. Vạn hữu từ tướng trạng mà nói; bản thể từ phương diện lý tánh mà nói, cũng gọi là thật tướng của chư pháp.

(1) Chúng ta ai cũng sẵn có tánh giác ngộ vắng lặng viên dung, linh hoạt thông suốt, chẳng mê chẳng lầm, vô danh vô tướng. Mọi người đều có đủ thể tính bản giác, cho đến đại thể vũ trụ vạn hữu cũng vậy. Do mê chân tìm cái vọng (chân là chân tướng, chân lý, chân như, chân không, chân thật, chân tế, chân giác, chân tính, chân trí, thánh trí, thật trí, thật tế, thật tướng, thật tánh, pháp tánh, pháp giới, bản

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHƯ

thể, nhất thể, nhất như, nhất vị, nhất tướng, không tướng, Niết-bàn, bình đẳng, cứu cánh). Vọng là tướng hư dối, là bị ô nhiễm bởi sáu trần. Từ đó chịu chìm đắm trong vòng sanh tử.

Đức Thế Tôn vì muốn chúng sanh ngộ nhập trí tuệ chân thật nên thị hiện trong thế giới Ta bà, lao nhọc bốn mươi chín năm tuyên dương Chánh pháp, khai mở quyền thật, tùy căn cơ trình độ mà giáo hóa. Chính là muốn chúng sanh lìa xa huyền hóa, dẹp bỏ cấu nhiễm, diệt hết phiền não, phá hết vọng chấp, giác ngộ tự tâm, trở về bản thể thanh tịnh vốn có. Ba tạng kinh điển, năm thời giáo pháp^[1], chính là phương tiện dạy đạo. Từ các phương tiện quyền xảo, khiến người giải hết mê hoặc và trói buộc, dần dần ngộ được bản thể tự tánh.

Các tông Tánh, Tướng, Đài, Hiền, Mật, Luật; giúp hết thầy mọi người có trình độ sai biệt đều tiếp nhận pháp môn tu học, chứng ngộ thể tính bất động. Tổ Đạt Ma dạy: Người liễu ngộ tại tâm, tức là chặt cành, bỏ lá để tìm tận gốc rễ để đốn ngộ thực thể chân không. Phương tiện tu tập thường có thay đổi, phân lập các nhánh, chính là tùy bệnh cho thuốc, vì cứu cánh mà lập phương tiện, khiến đốn ngộ thật thể chân như. Chí hướng Tịnh độ là gì? Chính là mượn

1. *Ngũ thời thuyết giáo*: Thiên Thai tông có lập thuyết Ngũ thì giáo, tức giáo pháp của Phật được phân giảng thành năm thời kỳ: 1. Thời kỳ Hoa nghiêm 2. Thời kỳ Lộc uyển 3. Thời kỳ Phương đẳng 4. Thời kỳ Bát nhã 5. Thời kỳ Pháp hoa và Niết-bàn.

tăng thượng duyên cõi Tịnh độ, đó là điều kiện ưu việt, nương nhờ đại nguyện của Phật để khỏi bị thối tâm giác ngộ, tạo thuận lợi cho việc tiến tu đạo nghiệp, từ đó mà chứng bản thể thực tướng. Các bậc thánh giả mười phương trong quá khứ đạt nhất thiết trí phải trải qua vô lượng kiếp tu hành thoát khổ để cầu quả vị giác ngộ. Đó là khả năng chứng ngộ bản thể của vạn pháp. Sở dĩ các bậc thánh giả thành đại giác, tự tại giải thoát có vô số diệu dụng là do chứng ngộ bản thể. Hàng phàm phu chúng ta bị nghiệp lực trói buộc trầm luân trong ngũ thú là do mê bản thể. Cho nên bản luận này thuyết minh vấn đề mê và ngộ là dựa trên nguyên tắc căn bản giáo pháp xưa nay.

(2) Tham cứu cùng tận nhân sanh vũ trụ, vô tận không gian, thời gian và suốt vô lượng thế giới tương dung tương nhiếp lẫn nhau, cho đến tướng chân thật của của bản thể vạn hữu là chẳng phải cái chỗ thấy biết do suy luận và do ước tính hoặc do thế trí biện thông của con người. Đó chẳng phải chỗ đạt đến của ý thức, tư tưởng, biến kế hay phân biệt, cho đến dứt sạch vọng niệm, danh ngôn, phan duyên, xa rời đối đãi, hí luận và năng sở; chẳng phải thấy, nghe, hay, biết; chẳng phải tham sân si; ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt. Duy chỉ có trí Bát nhā thậm thâm mới chiếu soi đến được, duy chỉ có trí giác ngộ mới có thể tương ứng. Cái trí như như mới khế hợp với chân lý như như; lý trí nhất như, thể dụng không hai. Nghĩa lý không cùng tận, quán chiếu vô cùng tận, xa lìa ngôn ngữ và khái niệm; trí viên minh tỏ rạng, tướng vốn không hai, thông suốt không

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

dời đổi. Phân biệt là thuộc về thức, không phân biệt thuộc về trí. Theo thức là nhiễm, theo trí là tịnh. Nếu khởi kiến giải tức lạc vào ý thức, không thấy tướng chân thật. Thực tướng các pháp, một thể chân như. Thể của vạn pháp là một, phạm thánh không khác, tính như như xa rời ý niệm cảnh giới, không danh tự, không ngôn ngữ diễn đạt, chỉ giả danh gọi là đệ nhất nghĩa đế. Luận Đại trí độ nói: “Đệ nhất nghĩa không là chư pháp thật tướng”. Tất cả vạn pháp, không có pháp nào mà không quy về chân như. Như là thể tính bất động, cũng gọi là chư pháp thật tướng, nhất chân pháp giới, bản thể chân như. Tất cả tướng vạn pháp sắc và tâm là hư vọng huyễn hóa, đều là tướng dụng khởi từ bản thể. Tức là từ đại quang minh tạng, một niệm đầu khởi động, tâm thức phân biệt mà hiện huyễn ảnh. Từ đó theo sự tướng rồi mê lầm bản thể, giữ cảnh thì xa rời chân như. Nhiễm trước tức là chướng ngại, hợp với trần và quay lưng với giác ngộ. Nếu rõ biết như vậy, không nhiễm không chấp trước, không y cứ, không trụ tướng, đồng mãnh hồi hướng Niết-bàn, tự ngộ nhập bản lai diện mục, siêu xuất phạm tục, hướng nhập cảnh giới vô ngại tự tại, vĩnh viễn thoát ly sanh tử, gọi là xuất thế. Nếu không rõ điều này, bị cảnh mê hoặc, bị tướng trói buộc. Một khi hành động đã chiêu cảm quả báo thì bị nghiệp lực giam cầm, theo dòng sanh tử nhập vào biển khổ, đó gọi là vô minh. Cái gọi là nhất niệm tâm sanh tức thành tam giới, nhất niệm tâm diệt tức ra khỏi tam giới vậy.

Lại nữa, từ giả nhập không, bất thọ nhất trần, tùy thuận

pháp tánh, rời xa sanh tử, gọi là đại trí. Dùng trí vô lậu không trụ Niết-bàn, từ chân xuất tục, phổ nhập thế giới, không xả một pháp, tùy thuận chúng sanh mà mở đường cứu độ, đó gọi là đại bi. Bi trí song hành, tự lợi lợi tha, giác hạnh viên mãn, phước huệ vẹn toàn, tức thành tựu vô thượng chánh giác. Đây chính là chân lý mà chúng ta nên tích cực truy cầu. Quả thực, chân lý này thâm sâu không hạn lượng, bậc giác ngộ trọn vẹn mới thấu triệt. Bản luận này muốn đề cập đến nguyên tắc căn bản của chân lý phổ thông. Đó là định luật xưa nay bất biến, tận hư không thế giới, không thay đổi không sai khác.

(3) Phật pháp toàn vẹn, vi diệu rộng lớn, xa rời kiến chấp và vọng tình, thiết lập trên phương diện bản tâm thanh tịnh, thống nhiếp tất cả vạn pháp thế gian và xuất thế gian. Cái gọi là cội nguồn của vạn pháp là bản thể của vũ trụ, bao gồm tứ thánh lục phàm, pháp tịnh, pháp lạc, tự tâm vốn đầy đủ, nhân quả, y báo, chánh báo, thế gian và xuất thế gian; tất cả nương vào đó mà thành lập. Thiện ác tội phước đều do tâm tạo, cảnh giới lục trần do thức biến hiện. Tất cả các pháp tùy nhân duyên khởi. Ý trí mà thành tựu vô vi pháp trang nghiêm thanh tịnh và các bậc thánh hiền sai biệt, tức là pháp thanh tịnh Bồ-đề Niết-bàn giải thoát tự tại.

Y thức mà thành lập tất cả pháp hữu vi thế gian và các cảnh giới phàm phu, tức là pháp nhiễm từ vô minh phiền não và nghiệp lực sanh tử. Cho nên từ cái gốc vạn pháp

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

trong vũ trụ mà luận giải nghĩa lý. Thanh tịnh tâm tức là đệ nhất nghĩa đế, cho đến toàn bộ trung tâm tư tưởng của thánh giáo. Ly nhiễm hoàn tịnh là thấu triệt bản tâm và tối thượng thừa pháp, cũng gọi là Bát nhã trí, là đạo lý tuyệt đối. Tất cả pháp môn các tông Hiền và Mật đều nhập đệ nhất nghĩa đế, đều lấy kiến tánh làm chỗ quy nhất. Xa rời đệ nhất nghĩa thì chẳng phải cứu cánh. Đây là phạm vi tự chứng trí tuệ của bậc thánh cùng với tha lực nhiếp trì của đại nguyện, đầy đủ đạo lý. Phương pháp ở đây là tóm tắt nhưng luận giải rõ ràng để nhận thức, thâm tóm điểm then chốt của kinh giáo và pháp ngữ các bậc hiền triết xưa nay trích ra ý nghĩa chủ đạo trình bày nguyên tắc phổ thông để rõ nghĩa tinh yếu của Phật pháp. Chương đầu tiên nói về nghĩa lý Bát nhã, đây là nói về nguyên lý để trình bày yếu nghĩa kiến tánh. Cũng là có ý mượn công thức này hiển bày triết lý thâm uyên, xa rời ngôn ngữ và khái niệm, vì đó là lập trường chung của các tông phái Phật giáo. Nghĩa lý dung thông, từ đó mới quy về một nghĩa, thâm nhập một nghĩa mà thâm nhiếp nhiều nghĩa. Chương cuối cùng thuyết minh sự xác chứng về phương tiện sai biệt, nó vô cùng thỏa đáng với vấn đề tu học nhanh chóng thành tựu của pháp môn Tịnh độ. Bát nhã làm tông chỉ, thực hành tại pháp tu niệm Di Đà, Tịnh độ là con đường tắt của sự tu hành hướng đến cốt tủy của Phật pháp. Không luận là pháp môn tham thiền, quán chiếu, trì tụng đều từ hữu tướng nhập vô tướng, từ phương tiện quyền xảo để nhập thực tế chân như. Từ nguyên tắc căn bản đó, tận hư không biến khắp pháp giới, từ kiếp xa xưa cho đến vị lai, cho đến

tất cả quốc độ không hai không khác. Phương tiện tuy có tám vạn bốn ngàn pháp môn, xuyên suốt quy về không hai, nếu kế nhập đệ nhất nghĩa để tức nhập vào dòng thánh giác ngộ, như cùng lỗ mũi chỉ để hít thở. Sanh tử tức Niết-bàn như hoa đóm giữa hư không, ngôn ngữ văn tự, phương tiện quyền xảo trở thành hí luận trôi buộc, như tùy bệnh cho thuốc mà thôi.

(4) Bản thể vạn hữu tức là thật tướng các pháp, tức là đệ nhất nghĩa đế. Thế nào là đệ nhất nghĩa đế? Có thể từ tất cả sự thể nghiệm của nghĩa lý sau:

1. Từ vũ trụ vạn hữu gồm tất cả hiện tượng, thể nghiệm vạn pháp từ xưa đến nay thường hằng bất biến, đương thể vốn nó như vậy, tướng của nó chân thật xa rời ngôn ngữ.

2. Triệt ngộ tánh không tịch của các pháp vốn do duyên khởi, không lập tại hai bên và không có khái niệm giữa của hai bên, chỉ nhập tại đệ nhất nghĩa chân thật.

3. Từ trong bản chất sanh diệt thể nghiệm pháp tánh vốn rời xa ngôn ngữ, vắng lặng không sanh diệt, thường trụ bất động.

4. Từ trong biển vọng tưởng sai biệt muôn trùng quán thể tính chân thật của nó vốn như như không biến đổi, không sai khác mà quy về đại không vốn không khả đắc, vắng lặng và sáng suốt.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

5. Liều đạt cụ thể sự thật của vọng tưởng huyền hóa mà tùy thuận pháp tánh hiện ra các tướng sanh diệt.

6. Diệt tất cả tướng đối đãi sai biệt, không theo tướng chuyển, không theo pháp chuyển, an trụ vào tánh không của tất cả pháp mà thâm nhập trọn vẹn, triệt ngộ tánh bình đẳng nhất như.

7. Hiện bày tính chất không tự tánh của huyền pháp, an trú trong chánh kiến, khế nhập tính chân thật không sanh diệt của tất cả pháp, ngộ chân tâm thanh tịnh.

8. Vô nhiễm vô trước, dứt hẳn hí luận, vọng niệm không sanh, tâm ngã sở diệt, không còn trước sau, không rơi vào sai biệt, không mê mờ vọng động, trú trong vi diệu tịch tịnh, thấu triệt bản thể bất động.

9. Sanh diệt đã diệt thì tịch diệt hiện tiền.

10. Biết tất cả pháp là chân như tuyệt đối, các pháp bản tính không, các pháp thường vắng lặng, chân như tuyệt đối bình đẳng không sai biệt, xa rời tất cả tâm duyên vào ngôn ngữ văn tự, ngộ nhập pháp tính bình đẳng vô sai biệt, mới có chân thật thể nghiệm tính không của tất cả pháp, nhập vào tướng chân thật như như.

11. Từ tất cả pháp vốn không có chỗ sanh, không chút nương tựa, cắt bỏ vạn duyên, triệt để quét sạch và buông xả

hoàn toàn. Từ trong thể không rớt ráo ấy kiến thọ khởi lên, vắng bật thất thức đại, pháp thân hiện tiền. (Kiến thọ là gì? Là chân lý tuyệt đối; là trí tuệ chân thật, đệ nhất nghĩa, pháp vô sanh, trong thể vắng lặng đầy đủ diệu dụng biết khắp mọi sự. Pháp ấy sanh vô lượng diệu nghĩa; tất cả trí tuệ diệu dụng thân thông giải thoát tự tại. Cảnh giới công phu cao nhất, thâm sâu không lường; trên biết dưới, dưới không thể biết trên. Đây là những công đức diệu dụng của bậc thánh nhân đại giác, thâm sâu như đáy biển, nói không bao giờ hết. Có nghĩa là khi chưa giác ngộ nói ra đều là hư dối, là tác dụng của tâm sanh diệt; như người ăn bánh vẽ, như giấy trắng và mực đen vốn không tương ứng. Cần phải tự bản thân thể nghiệm chứng ngộ, cái thấy của sự chứng đắc mới là chân thật. Nếu còn tồn tại niệm chứng đắc cũng là đại sai lầm! Nếu không sống lại từ trạng thái tuyệt xứ, không buông xả hết vọng tình là không thể nhập vào cảnh giới này. Viên giáo đốn ngộ khó gặp, một khi mất thân này, hối cải không kịp. Đời này không lo độ thân này thì còn đợi đến kiếp nào mới làm được, để rồi trôi dạt trong biển sống chết vô cùng bi thương; sống chết là việc lớn, vô thường qua mau, chớ để thời gian quý báu trôi qua trong oan uổng!)

12. Tức là thoát căn trần, cảnh thức đều triệt tiêu, còn duy nhất tính nhất như các pháp

14. Tức là vô trụ mà trụ, Niết-bàn thường trụ tức là niệm trước không sanh niệm sau không diệt.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

15. Tức là tự giác ngộ thánh trí, là minh tâm kiến tánh, tức là phát Bồ-đề vô thượng, phát tâm vô sở đắc, tức là khai phát cái bản nhiên vốn thanh tịnh của tự tánh, tức là khai mở trí tuệ quang minh vốn tròn đầy xưa nay.

16. Đó chính là nhập pháp môn không hai, nhập vào biển giác tánh, nhập vào nhất chân pháp giới, nhập đại tổng trì, nhập thẳng nghĩa đế, nhập thật tế, nhập pháp tánh, nhập giác tánh, nhập pháp thân, nhập chân tế, nhập Niết-bàn, nhập đạo tràng, tọa đạo tràng, tây lai ý; tất cả chỉ cùng một nghĩa vậy.

17. Lại nữa, pháp tánh chân như, tự tánh thường trụ, biển giác ngộ thanh tịnh, biển tánh giác tịch diệt, chân tâm vô trụ, diệu tâm viên giác, chân như thanh tịnh, thật tế chân như, đại quang minh tạng, đại viên cảnh trí, diệu giác minh thể, thể đại giác viên thường, bản địa thanh quang, bản lai diện mục, bản thể tự tánh, bản thể bất động, tất cả đều cùng một thể mà khác nhau tên gọi vậy. Nên biết thể giác ngộ viên minh là đức tánh đầy đủ vốn có của chúng ta. Tất cả kinh luận Hiển-Mật-Tánh-Tướng đều là hiển bày trong giác thể này vậy.

(5) Phật pháp tức là tâm pháp, có nghĩa rộng lớn, cũng có nghĩa tóm gọn. Nghĩa rộng lớn tức hết thảy giáo lý trong đại tạng kinh điển, giảng giải không thể cùng tận; nghĩa tóm gọn là trong bậc siêu xuất nhất thừa giáo dùng vài câu pháp ngữ trực khế với nguồn tâm, nhiếp vô lượng diệu

ngiã. Kinh *Pháp hoa* có dạy: “Trong mười phương thế giới, chỉ có nhất Phật thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói, nhưng đó chỉ là mượn danh tự để giáo hóa chúng sanh”. Kinh *Niết-bàn* có dạy: “Chỉ có một Phật thừa, phương tiện nói có hai”. Trên phương diện bản thể, chỉ có một sự thật này. Cho nên Phật pháp quý trọng thực chứng, thực tiễn, hạnh giải tương ứng. Nếu như cầu học rộng, lấy văn tự là trợ duyên, mới chỉ là kiến giải về sự chứng ngộ, nếu phương diện công phu tu tập chứng ngộ bị thiếu sót, chỉ thành học giả mà chẳng phải là hành giả; chỉ là người đọc sách chẳng phải người tu trì. Kinh *Pháp cú* dạy: “Đọc ngàn bài kinh, không bằng thực hành một câu kinh”. Bệnh kiến giải càng nặng thì càng xa đạo, lạc vào thế trí biện thông, lâm vào trì trệ, càng nhiều chướng ngại. Mạng căn không đoạn, tức thuộc kiến tri, dừng ở văn tự là cửa dẫn vào cảnh bế tắc. Ngôn ngữ văn tự, phương tiện ban ra là để dẫn đến giải ngộ, nhân giải mà khởi hành, hành khởi thì giải tuyệt. Cho nên nói: “Phật thuyết tất cả pháp, chỉ trừ tất cả tâm, nếu ta không có tất cả tâm, làm sao nói đến tất cả pháp”. Ngôn ngữ văn tự chỉ là thiết lập tùy chỗ mà nói, tích tập phân biệt, dụng cụ để phá chấp, tùy bệnh cho thuốc, chính là dùng ngón tay chỉ mặt trăng, là thuyền đưa người qua sông. Ngón tay chỉ mặt trăng tuy có nhiều sai khác, nhưng mặt trăng chỉ có một. Quan trọng là thấy rõ mặt trăng, không nên tìm cầu ngón tay dài ngắn, thô tế, trắng đen. Ngàn kinh vạn luận đều khiến người phá trừ chấp trước thân tâm, rõ biết nguồn tâm, thấy rõ bản tánh, chỉ quy về bản thể chân không. Từ xưa đến nay Phật

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Tổ đều khuyên người y cứ nghĩa lý không y cứ ngôn ngữ. Dùng ngôn ngữ mà hiển bày nghĩa lý, dần dần chứng ngộ, đắc nghĩa thì ngôn từ đều phải đoạn tuyệt, đốn ngộ nhất tâm, đó là pháp giải thoát vậy.

(6) Hỏi nghĩa lý cao tột bản thể vạn pháp là vì lý do gì? Có lợi ích gì? Xin nói cho biết.

Trả lời: Vì mục đích sau cùng là muốn báo ân Phật và ân sư trưởng, muốn báo ân cha mẹ và ân chúng sanh, muốn độ thoát sầu khổ tất cả chúng sanh, muốn phá hết vô minh để thoát ly sanh tử, phát khởi tâm nhất thừa vô thượng Bồ-đề. Tự giác tức là xa rời tâm ô nhiễm, trở về tâm thanh tịnh vốn có xưa nay, đoạn trừ mê hoặc, chứng ngộ chân thật bản tính vốn có. Từ tất cả pháp vốn không có chỗ sanh, liễu triệt pháp chân thật chính là bản thể chân không, nhỏ sạch cái gốc sanh tử, đắc nhất thiết chủng trí.^[1] Tinh thần lợi tha là thương xót chúng sanh trong năm đường ác đang chịu cảnh trầm luân, lưu chuyển sanh tử. Mình chưa giác ngộ, nhưng nguyện độ người chưa được độ, rung tiếng chuông cảnh tỉnh, diễn xướng thật tướng, tán dương nhất Phật thừa, truyền bá tinh hoa chánh pháp cứu độ chúng sanh cho đến tương lai. Phổ nguyện chúng sanh trong vô tận thế giới hướng về đạo giác ngộ, chứng ngộ bản thể bất động, rời xa mê lầm, cắt đứt dòng sông sanh tử, thoát ly khổ não, nhập vào trí tuệ chân thật rốt ráo bình đẳng, được

1. Nhất thiết chủng trí là trí của Phật.

sự an lạc trọn vẹn. Năng lực tuy chưa đầy đủ, thường vận dụng tâm này, niệm niệm tương tục không gián đoạn, dựa vào nguyện lực đại bi và đại trí để hướng đến giác ngộ cứu cánh, đó là chứng đắc quả vị tối thượng viên mãn vậy.

Giá trị lợi ích hiện tại mà nói, Phật pháp vô cùng rộng lớn, tùy theo khả năng tiếp nhận mà thọ dụng thì không hạn định. Thông đạt tam thế nhân quả, bao cánh thẳng trầm trong năm đường; vì tránh khỏi đọa tam đồ ác đạo mà hành pháp nhân thiên như ngũ giới và thập thiện. Quán chiếu tường tận vạn pháp sanh diệt biến đổi, vốn vô thường vô ngã; mục đích để xuất ly tam giới mà tu đạo của bậc hiền thánh giải thoát, Niết-bàn. Vấn đề tự lợi thì phải nhận biết huyền để đạt bốn nguyên, ngộ pháp vô vi; hiểu đời là khổ ách, không tranh hơn thua với đời. Khiêm tốn mà quán xét rõ ràng minh bạch, đối người tiếp vật với lòng cởi mở, giữ gìn phẩm đức, nỗ lực tích lũy phước đức, ăn chay là thuận đạo lý từ bi; không sát hại thì thiện thân thù hộ, trời người lễ kính, tai họa tiêu trừ, tăng trưởng phúc đức, thiếu dục tri túc, phòng bệnh lâu dài. An lạc trong thiên định tăng trưởng trí tuệ, tâm lượng rộng rãi, hoài bão to lớn, tu tâm dưỡng tánh, ung dung tự tại, trong không chỗ đặc, ngoài không tìm cầu, không bị cảnh trần trối buộc, không bị ngũ dục mê hoặc, chí nguyện cao xa, hướng đến giác ngộ. Phát triển tinh thần đó tức là tịnh hóa lòng người, tịnh hóa xã hội, tịnh hóa thế giới. Lợi người là để báo ân, xem mọi người là chính mình, xem chính mình là mọi người, mục đích là phục vụ con người quên mình. Nhiếp hóa kẻ ương

TUỆ QUẢN NẸO VỀ CHÂN NHU

ngạnh, mở rộng phương tiện tu nhân tích đức, biết chỗ trở về, khai mở đạo lý nhân quả ba đời, khiến dừng cảnh luân chuyển trong lục đạo; lợi ích pháp Tam quy, ngũ giới, niệm Phật và phóng sanh; thường hành bố thí với tâm thanh tịnh, nhổ sạch gốc khổ, đem lại an vui. Phát triển tinh thần đó, tức là từ bi hết thảy muôn loài, mang đến lợi ích cho chúng sanh trong khắp cả tam giới. Tâm hạnh lợi mình lợi người như thế tức là kiến lập nhân sinh quan đúng theo đạo lý.

Lấy bản thể thực tướng các pháp làm trung tâm, mọi người biết tu giới, định và tuệ để diệt tham sân si. Thông đạt đạo lý vô nhiễm, vô ngã, thường tu hạnh xả ly và hạnh nhẫn nhục, dẹp bỏ bản ngã và đối tượng của ngã, trong mọi hoạt động thường dưỡng đạo tâm là tùy thuận nhân duyên, không lìa xa tự tánh. Không lãng phí thời gian, tâm không buông thả, luật nghi nghiêm chỉnh, niệm niệm định huệ, xả ly điều khó xả, làm điều khó làm thì tâm địa quang minh, bản tánh thông suốt. Nếu đem phổ cập tất cả xã hội mà nói, như thổi nguồn sinh lực vào hệ giáo dục tư tưởng siêu xuất thế tục, nêu cao phong thái thanh cao liêm khiết, đó chẳng phải là nền chính trị công minh, người dân hiền lương, quốc gia đổi mới, xã hội an ninh hay sao? Ở đây, thế gian hóa thành lương, chuyển thành đại đồng, tôn sùng sự thành tựu tốt đẹp với lý tưởng thanh tịnh. Đó là thế giới thánh thiện của Phật giáo hóa nhân gian. Đạo lý trung, hiếu, nhân, ái, lễ nghĩa, liêm sỉ, cần kiệm, chất phác, thành thật, luôn tuân thủ mọi phép tắc đó ở đời không thiếu sót.

Nếu được như thế thì ngày nay làm sao mà có quá nhiều tệ nạn trong xã hội như: sát sanh, trộm cắp, tà hạnh và nói dối; bao cảnh lừa đảo, cướp đoạt, ý thế tranh giành quyền lực, đút lót hối lộ, tham ô tư lợi, chạy theo đục lạt hưởng thụ xa xỉ, phung phí tiền của, cuộc sống đua đòi, lao tâm khổ trí, lòng dạ cuồng mê thì càng nhiều cảnh khủng bố. Cảnh sống suy đồi đọa lạc như thế, làm sao mà cứu vãn? Từng nghe rằng: Thắp sáng ngọn đèn chánh pháp tại thế gian, phá trừ bóng tối vô minh.^[1] Đó gọi là tán dương đạo lý nhất Phật thừa, áp dụng phép tắc đạo đức để ngăn chặn làn sóng tham đục lan tràn khắp bốn phương ở trong nhân gian.^[2] (Nghĩa là khiến chúng sanh lắng dừng lòng tham đục, sống với tâm thanh tịnh giải thoát). Đó là mới là hành động cứu vớt nhân loại nhiều đời.

(7)Đệ nhất nghĩa đế là căn bản của tất cả các pháp môn. Tịnh độ là chỗ quay về của các tông phái, là thắng cảnh vi diệu của sự tham học, tu luyện trước khi thành Phật để cứu độ chúng sanh. Giải thoát sanh tử, tự lợi, lợi tha cũng không ngoài con đường tắt này. Tóm lại mà nói, nhập đệ nhất nghĩa đế, tức là duy tâm Tịnh độ. Bất cứ cảnh Tịnh độ nào cũng không xa rời đệ nhất nghĩa đế. *Quán kinh* có dạy: “Không liễu rõ đệ nhất nghĩa, không đắc thượng phẩm thượng sanh”. Niệm Phật mà giải ngộ tư tưởng Bát nhã,

1. Câu này nguyên văn chữ Hán là: “Ấm thế minh đăng, đồng chiếu u hôn”
2. Câu này diễn đạt ý từ nguyên văn chữ Hán trong bản luận là: “Cuồng đảo tứ đạt, vô sở y quy”

không dễ dàng trực tiếp nhập vào cảnh giới nhất tâm và đạt đến cảnh giới thượng thừa. Thông đạt đệ nhất nghĩa không, tự mình chân thật niệm Phật. Từ sự tu mà không ngoài lý, trong lý vốn bao gồm sự. Đại sư Liên Trì dạy: “Chấp sự mà tu niệm thì có thể tương ứng, chân thật đạt đến kết quả phẩm vị; chấp lý mà tâm không thông suốt, sẽ lạc vào cái tai họa không tưởng.” Cho nên việc đầu tiên xem trọng sự tu, sau đó từ sự nhập lý, từ ít tăng thành nhiều, từ tạm thời mà đến lâu dài, từ bên ngoài nhập vào nội tâm, nương vào dấu tích mà tìm đến cảnh giới siêu việt, từ hữu niệm mà đạt vô niệm; không lạc vào hữu vi và sự tướng tức đạt đến năng niệm và sở niệm như huyễn hóa vốn không có thật thể. Lấy công phu niệm Phật, thâm hết vạn pháp vào nhất tâm. Đạo lý niệm Phật và tham thiền đều như là giữ chặt cây gậy mà bước đi, đều là thủ pháp lấy vọng dẹp vọng, đều là phương tiện để quy vạn pháp về nhất tâm. Nếu không buông gậy, không biết lia bỏ cái gọi là phương pháp và không hiểu rõ ngay cái đó chỉ là phương tiện thì chắc chắn xảy ra tình trạng chấp pháp. Cổ đức đã từng căn nhắc rằng: Dựa bờ rào, vịn bờ tường để bước đi cẩn thận!^[1] (Nghĩa bóng là tất yếu dựa vào pháp môn tu,

1. Câu này nguyên văn chữ Hán là: “Phù ly mạc bích hán”. Đồng nghĩa với câu: “Phù tường mạc bích”. Nghĩa là dựa vào bờ rào hay tường vách mà bước đi cẩn thận, nhưng khi đi đứng vững chãi rồi thì rời bỏ nó mới đi xa hơn được. Nghĩa bóng chính xác trong luận này là xem pháp môn tu đều là phương tiện để đạt đến cứu cánh là chứng ngộ đệ nhất nghĩa đế, thể nhập chân không, trực nhận bản thể các pháp.

nhưng nên hiểu đó là phương tiện, mục đích sau cùng là thể chứng đệ nhất nghĩa đế). Cho nên, cần phải có công phu thành thực, nỗ lực tinh tấn, quy về nhất tâm, nhập vào đệ nhất nghĩa không, tức là trở về bản thể chân không. Cái gọi là trở về mà không trở về mới là chân thật trở về. Trở về cố hương, trở về bảo tạng tự tánh, trở về chân lý bình đẳng, trở về bất sanh bất diệt, trở về Tỳ lô tánh hải (Tỳ lô là biển khắp tất cả, cũng gọi là thanh tịnh pháp thân phổ biến khắp mọi cảnh giới), trở về hư không pháp giới. Chính là cắt đứt tận vi tế phiền não vô minh, nhập tận hư không không ngăn mé, rõ ràng vạn pháp đồng hư không; tánh và tướng, nước và sóng đâu phải là hai, bản thể vốn tròn đầy không thêm bớt, xưa nay các pháp vốn như vậy. Nếu không trải qua mùa đông giá lạnh, nào có hoa mai tỏa ngát đất trời.^[1] (Nghĩa bóng là nếu không thể nghiệm trên sự tướng thế gian thì không có phương tiện thể nhập thật tướng). Khi đã liễu đạt tướng thế gian thì mới liễu ngộ chân như. Tất cả vạn pháp đương thể là đệ nhất nghĩa đế. Ở đây, mười phương chư Phật và Phật A Di Đà không có hai tông chỉ.

(8) Pháp môn Tịnh độ là giai đoạn tu học từ Giả nhập

1. Hoàng Bách Thiên sư, với tác phẩm “Uyển lãng lục”, nội dung này ở trong bốn câu thơ: “Trần lao quýnh thoát, sự phi thường/ Khẩn bả thăng đầu, tô nhất trường/ Bất kinh nhất phiên, hàn triệt cốt/ Tranh đắc mai hoa, phác tị hương.”

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Không (Không là đệ nhất nghĩa đế). Đó là quá trình tôi luyện hai yếu tố kết hợp từ bi và trí tuệ, tự giác và giác tha. Khi nghe pháp âm vi diệu, đạt vô sanh pháp nhẫn, thọ giáo mười phương chư Phật. Sau khi thành tựu tất cả công đức, thì từ chân xuất tục, hội nhập Ta bà, phân thân khắp mười phương, dùng thần lực tự tại và từ bi không chướng ngại; với lòng bi mẫn đồng thể biến khắp pháp giới làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Với phương tiện khéo léo, giáo hóa hết thảy chúng sanh xa rời vô minh phiền não, xuất ly biển khổ sanh tử đến bờ giác ngộ và được an lạc chân thật. Hư không vô tận, quốc độ vô tận, chúng sanh vô tận, nghiệp chướng phiền não vô tận, tận kiếp vị lai thực hành đại nguyện từ bi cứu độ chúng sanh cũng vô tận. Trong văn phát nguyện, Đại sư Liên Trì có chép: “Vì bốn ân ba cõi, cho đến khắp pháp giới chúng sanh, mà cầu đạo vô thượng Bồ-đề, chuyên tâm trì niệm vạn đức hồng danh Phật A Di Đà mong được sanh Tịnh độ”. Tức là vì chúng sanh mà cầu vô thượng Bồ-đề, vì đạo giác ngộ mà cầu sanh cõi Tịnh độ an ổn với đủ nhân duyên thù thắng làm trợ đạo. Trên thì cầu giác ngộ, dưới thì hóa độ chúng sanh. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh trong pháp giới, y theo tối thượng thừa mà phát Bồ-đề tâm. Phát nguyện sanh Tây phương, nhập vào địa vị không thối chuyển, hóa độ vô tận chúng sanh đồng chứng đạo giác ngộ.

Chương I

NGHĨA LÝ BÁT NHÃ

Với bậc tu hành
Thân tâm đạt đến
Năng lực tự tại
Trí tuệ thâm sâu
Chiếu khắp pháp giới
Thông suốt các tướng
(Trí tuệ năng quán, quán sát chân thật, thực hành
thông đạt của người tâm đạt tự tại).

Quán khắp pháp giới
Mười phương ba thời
Vô lượng cõi nước
Hiện tượng vũ trụ
Thân tâm thế giới
Lục thú tứ sanh
Y báo chánh báo
Của thánh và phàm
Núi sông biển cả

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Thảo mộc vi trần
Căn trần thức uẩn
Duyên xứ giới đế
Sanh tử Niết-bàn
Phiền não Bồ-đề
Hữu tình vô tình
Vô vi hữu vi
Thể xuất thể gian
Tam giới lục đạo
Đúng sai thiện ác
Khổ lạc tội phước
Tham sân nghi ái
Vọng niệm chấp trước
Tâm cảnh năng sở
Sắc tâm nhiễm tịnh
Vạn pháp như vậy
Đều do tích tập
Huyễn hóa mà có
Vô thường vô ngã
Duyên sanh duyên diệt
Nương nhau tồn tại
Tức giả tức không
Như huyễn như hóa
Duyên khởi vô tánh
Đồng một pháp tánh
Không sanh không diệt
Đều là rốt ráo
Không tướng nắm bắt.

Tuệ quán viên dung
Soi rõ mọi pháp
Tâm không phân biệt
Quán thông vô ngại.

(Đối tượng quán sát là tất cả pháp trong vô tận thế giới xưa nay vốn vắng lặng, quán với tâm rộng lớn vô biên, quán với tâm không chướng ngại).

Trí tuệ sáng suốt
Soi rõ cùng khắp
Thấy biết siêu việt
Thấu suốt mười phương.
Tánh nghe thường hằng
Nhĩ căn viên thông
Tâm tánh ly kiến
Trí tuệ quang minh
Chiếu khắp pháp giới
Đều là pháp tánh.
Thâu nhiếp thân tâm
An trú trong định
Biết rõ thế gian
Các tướng sanh diệt.
Thể của đại định
Diệu dụng cùng khắp
Khéo quán cảnh huyễn
Tợ kính chiếu soi
Phân biệt vạn pháp

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Tâm không loạn động.
Chân như thanh tịnh
Tỏa sáng vô tận
Thật quán lia chấp
Tự tại các pháp
Giống như gương sáng
Không lưu cảnh vật
Chỉ là phản chiếu.
Trong nhất niệm tâm
Giống như hư không
Bình đẳng không động
Giác tánh viên mãn
Pháp giới thanh tịnh
Không có giới hạn.
Hư không vô biên
Phát khởi tánh giác
Tâm khắp thái hư
Biến mãn thế giới
Nhất niệm hiện tiền
Nhận rõ tự tánh.

(Nhân quán chiếu tính không của các pháp mà an trú trong chánh kiến như như, biết tất cả pháp vốn không thật có, biết tất cả pháp đều do vô minh biến hiện. Thấy tất cả pháp vốn không sanh, thấy tất cả pháp đều bình đẳng, thấy thanh tịnh tại tâm, thấy rõ bản tánh không tịch, trong cảnh không tịch mà trí tuệ viên mãn, diệu dụng vô cùng tận. Đó chính là Niết-bàn thanh tịnh, tự thể đầy đủ trí giác ngộ của Phật).

Tự tánh vốn không
Tính nó vắng lặng
Khắp cả hư không
Thể đồng pháp giới
Thâm nhập pháp tánh
Chân cảnh tịch diệt.
Giác ngộ một niệm
Thấu triệt nguồn tâm
Khai mở thông suốt
Buông xả vô minh
Thân tâm thanh tịnh.
Tâm ý nhất như
Siêu việt ba không^[1]
Vượt thoát căn trần
Thông suốt tam quan
Phá sạch ngũ uẩn
Đường về tự tánh
Vốn thật không xa.
Giải thoát pháp rồi
Hết niệm chấp không
Dứt vọng hiển chân
Tịch diệt hiện tiền
Không còn năng sở
Chân như tự hiện.
Chứng như lai tạng
Bản lai diện mục

1. Ba không: nhân không, pháp không và không không.

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

Pháp thân hiển hiện
Mười phương trước mắt.
Viên minh bốn trí^[1]
Sáu căn tự tại
Trí tuệ phổ chiếu
Pháp nhĩn thanh tịnh
Tức là nhất thừa
Đó là đạo tràng
Gọi là hành giả
Đắc vô sanh nhẫn.
Khách trần phiền não
Phá sạch từ đây
Tức là độ tận
Vô lượng chúng sanh
Gốc rễ vô minh
Tự nhiên nhỏ sạch
Trần lao phiền não
Tự nhiên tiêu trừ.

(Nhờ có chánh tri kiến nên tâm không truy tìm quá khứ, không vọng cầu tương lai, không khởi vọng niệm, phá hết vô minh. Phiền não vốn tại thức thứ bảy, khi thức này được tịnh hóa thì pháp thân tỏa sáng, khổ ách đoạn tận. Không chấp trước quá khứ và vị lai gọi là hiện tiền; tâm không lạc vào sai biệt gọi là nhất niệm nhất; không hôn trầm, không trạo cử gọi là linh tri).

1. Bốn trí: chuyển thức thành bốn trí: tiền ngũ thức thành Thành sở tác trí, ý thức thứ sáu thành Diệu quan sát trí, thức thứ bảy thành Bình đẳng tánh trí, thức thứ tám thành Đại viên cảnh trí.

Pháp giới chân tịnh
Tánh tướng bình đẳng
Hết thấy mọi pháp
Đồng một thể tính
Quán tính các pháp
Không có hai tướng.
Từ cảnh giới đó
Thấy rõ mười phương
Dùng một tâm này
Dùng hợp vạn pháp
Biết tất cả pháp
Tự tính của tâm
Biết tất cả pháp
Tức là đạo tràng
Một là vô lượng
Vô lượng là một.
Năng sở bình đẳng
Thường trụ một tướng
Tâm tức vạn pháp
Vạn pháp tức tâm
Tâm cảnh đồng thể
Không hai không khác.
Thật cảnh không tướng
Thật trí không thức
Trí tức là cảnh
Cảnh tức là trí
Trí cảnh không hai
Thể dụng nhất như

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Cùng tận lý tánh
Chính là Niết-bàn
Sắc không đều diệt
Cảnh trí viên dung.
Sắc không vô ngại
Tâm đạt tự tại
Ở trong vạn pháp
Kiến giải không hai
Các pháp bình đẳng
Vốn có như vậy
Vạn pháp một tướng
Đó là vô tướng
Tâm không mê loạn
Thường biết rõ ràng
Bản thể vạn hữu
Thật tướng các pháp.

(Sắc là: sự, tướng, cảnh và dụng. Không là: lý, tính, trí và thể. Ở đây nói rõ sắc không chẳng phải khác, tức lý tức sự, tính bình đẳng, cảnh trí nhất như và thể dụng bất nhị. Thấy bình đẳng trong các tướng sai biệt. Đó gọi là một pháp có mặt tất cả pháp, tánh một pháp dung thông tất cả).

Tánh của pháp giới
Là tính Niết-bàn
Diệu tánh chân như
Biến khắp tất cả
Tịch diệt thanh tịnh

Thường trụ bất động
Vốn không sanh khởi
Vốn không tận diệt
Vạn pháp nhất như
Hết thấy bình đẳng
Một vị chân như
Không có tự thể
Xưa nay tịch tịnh
Tính của Niết-bàn
Xưa nay thanh tịnh
Không lìa bản thể
Tánh đó không tướng
Vốn là giải thoát.
Thật tướng các pháp
Một thể chân như
Trước sau đều như
Không có chướng ngại
Xưa cũng như nay
Không có biến hoại
Ngôn ngữ đạo đoạn
Dứt hết tâm hành
Lìa tâm phân biệt
Phổ biến cùng khắp
Bao trùm pháp giới
Viên mãn mười phương
Nhập phạm chẳng dơ

TUỆ QUẢN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Xuất phạm không sạch^[1]

Nhập lưu không được^[2]

Xuất lưu không mất^[3]

Chẳng có tướng được

Chẳng có tướng mất

Xa rời đối đãi

Không trụ phược thoát^[4]

Các pháp thường tịnh

Xa lìa ngôn ngữ

Một tướng một vị

Cứu cánh Niết-bàn

Vô lậu vô vi

Vô lượng vô biên

Đều là nghĩa không

Đồng tánh chân như.

Các tướng sai biệt

Vốn không sở đắc

Thể tính chân như

Gọi là thật tướng

Các pháp như vậy

Gọi là Niết-bàn.

1. Vì tánh vốn thanh tịnh không tướng dơ hay sạch trong mọi cảnh giới.

2. Nhập lưu: chỉ cho bậc thánh ở địa vị chứng sơ quả.

3. Xuất lưu: không dự vào hàng thánh tức là phạm phu, dù trong cảnh phạm nhưng tánh ấy không mất.

4. Phược là trói buộc, thoát là giải thoát.

Phạm trừ tánh không
Là thể bình đẳng
Vì trong tánh ấy
Không chỗ mong cầu
Trong pháp bình đẳng
Không tướng bình đẳng
Pháp nhãn thâm sâu
Không có tướng đặc
Vì nó xưa nay
Tánh thường thanh tịnh.

(Tại đây hiển bày thể tính các pháp, đó là bóng dáng cái bản thể bất động của vũ trụ vạn hữu, tức là tướng không của các pháp).

Trong tính thanh tịnh
Vốn không một vật
Vốn không hí luận
Rốt ráo không nhiễm
Vốn không tạp nhiễm
Chỉ là một tướng
Không thọ không chấp
Không đến không đi
Không xuất không nhập
Không sáng không tối
Không chỗ để thuyết
Không có chỗ trụ
Không buộc không mở
Không định không tuệ

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

Không mê không ngộ
Không thối không hương
Không nhân không ngã
Không năng không sở
Không ái không hi
Không khổ không lạc
Không phải không trái
Không nghịch không thuận
Không tham không sân
Không khiếp không sợ
Không thấy không nghe
Không giác^[1] không biết
Không bị trói buộc.
Tâm không phân biệt
Xa lìa khái niệm
Tâm không dấu tích
Không tìm đối tượng
Ba thời bình đẳng
Xa rời quái ngại
Xa rời phiền não
Không còn chấp thủ
Không tướng nắm bắt
Không còn một pháp
Có thể xa lìa
Có tu có chứng
Hay là lựa chọn.

1. Giác ở đây là tác dụng của ba quan năng mũi, lưỡi và thân.

Trong tánh chân không
Tùy thuận vô nhiễm
Tri kiến không khởi
Tâm thức tịch diệt
Không khởi hai chấp
Đoạn tận hai chướng.
Thể tính hư không
Vốn không thay đổi
Tùy thuận pháp tính
Các tướng vắng lặng
Không còn hí luận.
Tướng vốn vắng lặng
Không nên chấp trước
Không còn tướng xả
Pháp tánh vô lượng
Như nước đại dương.
Tùy theo trí lực
Thâm nhập pháp tánh
Thấy khắp pháp giới
Tận cùng cội nguồn
Tánh không viên minh
Thành pháp giải thoát
Năng chứng sở chứng
Rốt ráo thanh tịnh
Niết-bàn chân như
Cũng không có tướng
Tự thể vốn không
Xa rời các tướng

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Tánh không siêu việt
Đó là tịch diệt
Thanh tịnh như như
Không tướng chứng đắc.
Chim qua bầu trời
Không có dấu tích
Trí tuệ Bát nhã
Thể nó là không
Vốn không chỗ đắc
Giả lập phương tiện
Trong tất các thời
Không niệm chứng đắc
Niệm niệm không tướng
Niệm niệm vô vi
Không còn tướng tâm.
Chánh trí khai mở
Chánh niệm hiện tiền
Vốn không chỗ đắc
Niệm niệm viên minh
Bản nhiên thanh tịnh.
Không niệm đối đãi
Niệm niệm viên dung
Tánh không tròn đầy
Thấu rõ chân nguyên
Cảnh trí đều tịch
Đó là thanh tịnh
Bản tâm xưa nay
Trong sạch sáng suốt

Tỏa rạng muôn nơi
Khắp cả pháp giới
Không còn hạn lượng
Thoát mọi hư dối.
Không lìa sanh tử
Không trụ Niết-bàn
Trụ cảnh sanh tử
Tâm hằng tự tại
Tín giải như vậy
Nhập vào nhất thừa
Quán thành pháp này
Làm cho vọng niệm
Không còn phát khởi
Là phát Bồ-đề.
Nhập cảnh giới này
Thâm sâu bình đẳng
Đoạn tận lậu hoặc
Tâm đạt giải thoát
Trí tuệ thuần tịnh
Pháp thân hiển bày
Trong sạch tỏa rạng
Gọi là đại đạo.
Tại nhất niệm tâm
Không còn năng sở
Đoạn tận năng sở
Gọi là kiến tánh
Rõ khắp ba thời
Và khắp mọi nơi

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Biết khắp mọi pháp
Bình đẳng không hai.
Khi đạt kiến tánh
Đầy đủ trí tuệ
Quán sát thế gian
Giống như cơn mộng
Đại mộng sanh tử
Theo điên đảo sanh
Nếu đạt giác ngộ
Đoạn tận sanh tử
Chứng nhập Niết-bàn
Đạt an lạc lớn
Thấu ngộ vạn pháp
Tánh không duyên khởi.

(Đây là luận về nghĩa không, tức là từ giả nhập vào không, xa rời tứ cú tuyệt bách phi, nhiếp thể quy dụng, tức nhập bốn tế chân như, nhập đệ nhất nghĩa không, nhập vào biển giác tánh tịch diệt, nương vào trí tuệ để chứng đắc cảnh giới Niết-bàn).

Tánh vốn không sanh
Và cũng không diệt
Vạn pháp giả danh
Không trụ không chấp
Tùy duyên ứng dụng
Toàn là như huyễn
Ở trong mọi thời
Thường khởi giác chiếu

Pháp tánh thường hằng.
An trú chánh định
Đối người tiếp vật
Vận dụng lục căn
Tất cả hành vi
Không ngoài pháp tánh
Thái độ trầm tĩnh
Trong định sáng suốt
Dụng mà thường tịnh
Tịnh mà thường dụng.
Hằng ngày tùy duyên
Tùy duyên bất biến
Tự tại vô ngại
Thể dụng như như
Tánh đó viên dung
Không thể nghĩ bàn
Tất cả vạn pháp
Tức là thật tướng.
Nhất sắc nhất hương
Chính là trung đạo
Suối reo cảnh rùng
Đều đệ nhất nghĩa
Quạ kêu chim hót
Đều tối thượng thừa.
Hết thấy các tướng
Vốn không lìa tánh
Hiện tượng huyền giả
Do niệm khởi sanh

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Do vô minh biến.
Căn trần vô thể
Tức vốn là không
Tánh nó không khác
Thể nó bất biến
Bình đẳng nhất như
Là như lai tạng.
Tánh diệu chân như
Cho nên các pháp
Đều là Bồ-đề
Tùy duyên đối cảnh
Đều là đạo tràng.
Tức tục là chân
Tức có mà không
Trong sự rõ lý
Tức sự tức pháp
Nhất thiết cảnh giới
Tâm không chấp trước
Hết thấy vạn hạnh
Tâm không đắm nhiễm.
Chân như bất động
Kiến lập các pháp
Không trái giả danh
Khế hợp chân thường
Xúc cảnh tâm an
Gặp duyên vô ngại
Toàn cảnh là chân
Vạn pháp đều như

Nhập vào Niết-bàn
Không xả đại bi
Tâm hành vô tướng
Hóa độ chúng sanh
Chuyển hóa tri kiến
Thành trí tuệ Phật
Hướng đến giác ngộ
Nhập vào dòng thánh.
Trí tuệ Bát nhã
Lý sự vô ngại
Viên dung chân tục
Là hành Trung đạo
Trí ấy quang minh
Biến khắp pháp giới
Pháp tánh chân như
Cảnh trí viên mãn
Cùng tận vị lai
An trú pháp thân
Giác ngộ trọn vẹn
Thường trú pháp lạc.

(Đây là nói rõ đạo lý tùy duyên, tự tại vô ngại, từ chân như tuyệt đối mà xuất thế gian pháp làm phương tiện độ sanh. Y theo trí tuệ Bát nhã khởi tâm hành đạo, chứng đắc giác ngộ viên mãn).

Cho nên phải biết
Trí tuệ Bát nhã

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Là mẹ chư Phật
Là đường thoát khổ
Tất cả trí tuệ
Lục độ vạn hạnh
Tự giác giác tha
Gồm các pháp môn.

(Đó là phần tán dương công năng siêu việt của tuệ giác Bát
nhã)

Nguyện hết chúng sanh
Khắp cả pháp giới
Mau chóng xa rời
Hố sâu phiền não
Đoạn nhân sanh tử
Trở về chân tâm
Lên bờ giác ngộ
Vĩnh viễn an lạc.

(Đó là phần kết và hồi hướng)

Chương II

VẠN PHÁP DUYÊN SANH

Vô tận Pháp giới
Vô biên thời không^[1]
Vô số cảnh giới
Tất cả vạn pháp
Vốn không tự tánh
Do nhân duyên sanh
Từ nhân và duyên
Vô số điều kiện
Hòa hợp sanh khởi
Nương nhau tồn tại
Do cái này sanh
Cái kia phát sanh
Do cái này diệt
Cái kia cũng diệt.
Nhân không tự sanh
Theo duyên mà sanh
Duyên không tự có
Do trợ nhân thành

1. Thời không là không gian và thời gian.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Yếu tố nhân duyên
Đúng thời hòa hợp
Giả danh hình thành
Sát na biến dị
Sanh diệt tương tục.
Huyễn cảnh thế gian
Hết lực hòa hợp
Hết duyên quan hệ
Trở thành tan rã
Thành trụ hoại không
Lưu chuyển không ngừng.
Huyễn không nắm bắt
Nếu muốn vĩnh hằng
Tồn tại độc lập
Cá thể bất biến
Là không thể có.
Nhân duyên hòa hợp
Hư vọng khởi sanh
Nhân duyên biệt ly
Hư vọng tiêu diệt
Nếu nói các pháp
Tồn tại độc lập
Không hợp nhân duyên.
Vì các duyên sanh
Không có tự thể
Không có thực tướng
Chẳng có mà có
Tướng nó không thật

Vốn là hư dối
Có chẳng phải có
Đương thể là không
Các pháp duyên khởi
Không có tự tánh
Do không tự tánh
Tùy theo nhân duyên
Sanh diệt tương tục
Trong từng sát na.
Nhân quả hội tụ
Thành tướng thế gian
Nhân duyên phân biệt
Thành tướng ba cõi
Nếu không sanh diệt
Không tướng hữu vi.
Nếu nói nghĩa không
Tức thành nghĩa có
Pháp hữu vi này
Quán sát vô thường
Tất cả các pháp
Chẳng có pháp nào
Ngoài pháp duyên sanh
Duyên sanh như huyễn
Không có tự tánh
Là tướng sanh diệt
Không thể nắm bắt.
Duyên khởi tức không
Không có tự thể

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Tức là vô sanh
Nếu nói là có
Tức có cái không.
Duyên sanh không tánh
Từ xưa đến nay
Muôn sự muôn vật
Như bóng trăng hoa^[1]
Duyên hợp giả có
Giả tướng hiện khởi.
Duyên tụ có sanh
Chẳng phải thật sanh
Duyên tán thì diệt
Diệt chẳng thật diệt.
Các pháp sanh khởi
Không là ngã sanh
Các pháp hủy diệt
Không nói ngã diệt.
Tự tướng an trụ
Không đến không đi
Khởi khi duyên tụ
Diệt khi duyên tán
Ngay khi duyên khởi
Sanh diệt tương tục.
Cho nên các pháp
Do y tha khởi
Sanh tức chẳng sanh

1. *Như bóng trăng hoa*: các pháp là giả có, như bóng trăng dưới nước, như hoa đốm giữa hư không.

Chẳng thấy tướng sanh.
Diệt chẳng phải diệt
Chẳng thấy tướng diệt.
Cổ đức thường nói
Sanh mà không sanh
Diệt mà không diệt
Thể nó vắng lặng.
Kinh Đại tập dạy:
Cái thấy rõ ràng
Biết tất cả pháp
Không có hai tướng
Tánh tướng các pháp
Vốn là như vậy
Do đặc tánh đó
Nên nó không chủ.
Tất cả chúng sanh
Vô minh che lấp
Không có chánh trí
Thấy biết sai lầm
Vọng khởi phân biệt
Biến kế sở chấp^[1]
Mê lầm vạn hữu
Từ cái chân thật
Vốn nó không sanh
Vọng thấy sanh diệt
Khởi mê tạo nghiệp

1. Biến kế sở chấp.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Chịu cảnh luân hồi.
Cổ đức thường dạy:
Sanh mà không sanh
Nhân quả diễn tiến
Các duyên không thật
Chỉ là do tâm
Trong tính chân như
Vốn không mê ngộ.
Bỏ hết hí luận
Tâm cảnh vắng lặng
Ngoài tâm không pháp
Thể nó tròn đầy
Không theo duyên sanh
Và theo duyên diệt
Tánh vốn thường trụ
Không phải duyên sanh.
Tu học Bát nhã
Quán sát căn trần
Ngũ uẩn vạn pháp
Do nhân duyên sanh
Nương nhau tồn tại
Tức giả tức không
Vốn như không hoa^[1]
Không có thực tại.
Do giả nói không
Do không nói giả

1. Không hoa, nghĩa là như hoa đốm giữa hư không, vốn không thực tại.

Không giả đối đãi
Tánh ấy là trung
Một tức là ba^[1]
Ba tức là một.
Quán sát như vậy
Không còn vọng niệm
Trước mọi hiện tượng
Tâm không dao động
Không bị đắm nhiễm
Tự tại vô ngại.
Trong cảnh sanh diệt
Thấy nó không sanh
Không có duyên sanh
Không sanh hai tướng
Chấp thật nhân pháp
Chân tâm không hiện
Điền đảo vọng tưởng
Ba cõi luân hồi.
Trong cảnh không sanh
Mà thấy sanh diệt
Không ngộ duyên sanh
Lạc vào sáu cõi.
Nếu ngộ duyên sanh
Thoát duyên trói buộc
Triệt ngộ duyên khởi
Pháp tướng không tịch

1. Ba có nghĩa chỉ cho ba phạm trù là không, giả và trung.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Nếu ngộ duyên sanh
Chứng nhập chân tánh
Không ngã không sở
Tịch diệt Niết-bàn
Tức là đốn ngộ
Vô sanh pháp nhãn.
Năng ngộ nhất niệm
Duyên khởi vô sanh
Siêu việt Tam thừa
Phương tiện tu học
Kinh *Tam ma*^[1] dạy:
Ngộ tất cả pháp
Đều là duyên sanh
Trong pháp nhân duyên
Không thiếu pháp nào
Do duyên tổng hợp
Nhưng các duyên đó
Đều vốn không thật
Nếu là duyên sanh
Tức là không sanh
Nên biết các pháp
Đều vốn không sanh
Bồ-tát thông đạt
Vạn pháp không sanh
Tức được thành tựu
Các hạnh Bồ-tát.

1. Kinh *Tam Ma* gọi tắt của bộ kinh *Tam ma địa vương kinh*, hay còn gọi là *Nguyệt đăng tam muội kinh*.

Chương III

PHÁP VỐN TỊCH DIỆT

Tất cả các pháp
Từ xưa tới nay
Đều là không tịch
Thanh tịnh tịch diệt
Ngũ ấm vốn không
Lục trần chẳng có
Vốn là Niết-bàn.
Nay cũng không sanh
Vốn nó không sanh
Nên cũng không diệt
Pháp tánh thường trụ
Tịnh như hư không.
Hữu vi vô vi
Đều như hí luận
Chư pháp không tịch
Tánh linh không mê
Tâm vốn vắng lặng
Tức là Phật tâm.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Vạn pháp là giả
Do tâm thấy thật
Lục trần vốn tịch
Phàm phu chấp thật
Có tâm có pháp
Tâm không cảnh không
Sanh mà không sanh
Diệt mà không diệt
Không sanh không diệt
Đó là đạo tràng
Tướng sanh diệt đó
Chỉ là danh tự
Như hình trong gương
Không gọi là thật.
Quán sát các pháp
Sát na thay đổi
Tính nó không tịch
Rốt ráo vô thể
Pháp tánh vô ngôn
Tự thể giải thoát
Một vị vắng lặng
Thanh tịnh không động
Pháp tánh như như
Thể nó như vậy
Pháp tánh tịch diệt
Pháp thân vô tướng
Gọi là chân như
Đệ nhất nghĩa đế.

PHÁP VỐN TỊCH DIỆT

Tự tánh thanh tịnh
Sáng suốt tròn đầy
Không rõ pháp không
Hằng chịu sanh tử
Biết rõ thật pháp
Thấy vọng là không
Vốn không phiền não
Cũng không Bồ-đề
Thường rõ như thế
Tâm không tán loạn
Không còn nắm bắt
Không nhiễm thế pháp
Tức là xuất Ly
Hết thế gian pháp.

Chương IV

TÂM VỐN THANH TỊNH

Tâm tánh chúng sanh
Từ xưa đến nay
Vốn thường thanh tịnh
Không có chướng ngại
Tất cả hữu tình
Các loài sai khác
Tánh ấy không hai
Vốn là đầy đủ
Như lai tạng tánh
Trí tuệ trang nghiêm.
Tự tánh đầy đủ
Tất cả công đức
Xưa nay viên mãn
Quang minh rộng lớn
Tất cả thiện pháp
Thể vốn đầy đủ
Đều là Niết-bàn
Diệu đức thanh tịnh

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Đều là an trụ
Trong tính giác ngộ
Trí tuệ vô lậu
Ba đời chư Phật
Ba tạng giáo lý
Ở trong bản tịnh
Vốn có đầy đủ
Bản nhiên thanh tịnh.
Chân tâm tuyệt đối
Thanh tịnh viên mãn
Pháp thân chân như
Tự thể bất không
Đầy đủ vô lượng
Các món công đức.
Thể pháp không đối
Thường hằng không đổi
Thanh tịnh đầy đủ
Nên gọi bất không.
Tự tánh Bồ-đề
Vốn không sanh diệt
Xưa nay tròn đầy
Vốn không lay động
Không nhờ duyên sanh
Không do cảnh khởi
Chiếu mà thường tịch
Một pháp không sanh
Tịch mà thường chiếu
Pháp nào cũng hiện

Tánh dung vạn pháp
Ứng dụng cùng khắp
Một là tất cả
Tất cả là một.
Rời tâm phân biệt
Vạn pháp bình đẳng
Nơi nào cũng đến
Viên mãn mười phương
Rốt ráo một tướng
Không hai không khác
Trên đến chư Phật
Dưới đến vạn linh
Mỗi mỗi viên thành
Không sót sợi tơ
Giống như mặt trời
Ánh sáng tự chiếu
Thông suốt vắng lặng
An lạc chân thật.
Rốt ráo không khác
Từ nơi ngũ uẩn
Vọng tưởng phân biệt
Căn trần huân tập
Chủng tử ô nhiễm
Vọng hiện cảnh giới.
Tâm niệm chấp trước
Mây ám phiền não
Che phủ chân tâm
Không thể hiện khởi.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Tự tánh pháp tạng
Cần hành vô tướng
Nếu thường lia chấp
Tâm địa khai mở
Trí tuệ quang minh
Xa rời trần lao
Điên đảo chấp trước
Năng sở đối đãi
Không cho ô nhiễm
Thì tất cả hết
Cảnh giới sai biệt
Là trí bình đẳng.
Ngay trong hiện tiền
Tất thấy bản nguyên
Tự tâm là Phật
Công đức người này
Không thể nói hết.
Một niệm mê muội
Giả gọi chúng sanh
Phản mê là giác
Giả gọi là Phật.
Chúng sanh và Phật
Mê và giác ngộ
Đều là đối đãi
Trong tánh thanh tịnh
Đều bất khả đắc.
Trong pháp phương tiện
Tức tâm tức Phật

Trong pháp cứu cánh
Phi tâm phi Phật.
Hằng trụ chánh kiến
Diệt trừ hí luận
Chân trí thuần tịnh
Bản thể tự hiện.

Chương V

BẢN THỂ TỰ TÍNH

Thể tính vốn giác
Tâm Như Lai Tạng^[1]
Sáng suốt vắng lặng
Chiếu khắp pháp giới
Không thường không đoạn
Tánh không dơ sạch
Tướng không trần cấu
Thuần tịnh không tạp
Tánh linh viên mãn
Siêu xuất ba thời
Sanh dưỡng vạn vật.
Tâm lượng rộng lớn
Giống như hư không
Không có giới hạn
Thể tính vắng lặng
Không danh không tướng
Phàm thánh đồng thể

1. *Như lai Tạng*(如来藏), Phạn ngữ: Tathāgatagarbha; tức chỉ Phật tánh, giác tánh, pháp thân, Niết-bàn, Chân như...

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Không dơ không sạch
Không lùì không hướng
Mê chẳng phải mất
Ngộ chẳng phải được
Phàm thì không giảm
Thánh cũng không tăng
Không dính tạp nhiễm
Không tịnh do tu
Chẳng hư chẳng thực
Bất sanh bất diệt
Không đến không đi
Không một không khác
Thường có thường không
Siêu việt thiện ác
Hằng biến hằng nhiếp
Không trong không ngoài
Không duyên không tướng
Vô tu vô chứng
Không trụ ba thời
Không ly ba thời.
Không trụ ngũ uẩn
Không ly ngũ uẩn
Không trụ bốn đại
Không ly bốn đại
Không tướng thấy nghe
Không tướng nhận biết
Không ra không vào
Không sáng không tối

Không thể biết trí
Không thể biết thức
Không thể mách bảo
Chẳng phải định tuệ
Chẳng ngu chẳng trí
Không giữ không xả
Chẳng mới chẳng cũ
Không tác không khởi
Không buộc không thoát
Chẳng y chẳng trụ
Chẳng nhiễm chẳng tịnh
Chẳng sắc chẳng tâm
Lìa tướng quái ngại
Và tướng phiền não
Xa rời Niết-bàn
Hí luận điên đảo.
Không do thân biết
Không do tâm biết
Chẳng phải hi vọng
Chẳng nhân duyên tướng
Vốn ly tứ cú
Đoạn tuyệt bách phi
Vốn biến khắp nơi
Dung chứa tất cả
Từ xưa tới nay
Xa rời ngôn ngữ
Và tướng danh tự
Xa rời tâm duyên

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Hoàn toàn bình đẳng
Không có biến đổi.
Cử tâm động niệm
Không ngoài pháp tánh
Trí tuệ thông đạt
Tức quang minh hiện
Phiền não khởi lên
Thì diệu lý ẩn.
Bản thể chân không
Không động không tịnh
Trí tuệ viên tịnh
Tính không thường biến
Lặng như hư không
Trong sáng như kính
Diễn bày không hết
Khó thông nghĩa lý
Nghĩa đó không định
Không tướng nắm bắt
Ngôn ngữ đạo đoạn
Vượt thoát tâm hành
Vô lậu vô vi
Vô lượng vô biên
Vượt qua hết thảy
Hạn lượng danh ngôn
Dấu tích đối đãi.
Chân như tuyệt đối
Các tướng sai biệt
Không có khái niệm

Trong sáng vắng lặng
Diệu dụng vô song
Tự tại vô ngại
Thể dụng như như
Tuyệt đối viên dung
Không thể nghĩ bàn
Xưa nay mười phương
Không ly đương niệm
Vô lượng lục địa
Không cách sợi tơ.
Tâm tánh vô nhiễm
Vốn tự tròn đầy
Tịch diệt hiện tiền
Tịch mà thường chiếu
Chiếu mà thường tịch
Tác dụng rộng lớn
Dụng nó là như
Mặt trời mới mọc
Chiếu sáng rực rỡ.
Thể nó giống như
Trăng sáng tròn đầy
Thanh tịnh vắng lặng
Tức tịch mà chiếu
Tức chiếu mà tịch
Tịch mà hằng chiếu
Chiếu mà hằng tịch.
Nếu như nói có
Không dính bụi nhỏ

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Thế tính vắng lặng
Không bị trói buộc
Nếu mà nói không
Vạn pháp đầy đủ
Viên dung vô ngại
Biến khắp pháp giới
Chưa đặc là tánh
Đặc rồi là trí
Thanh tịnh bản nguyên
Là gốc tánh giác
Chư Phật Bồ-tát
Hết thấy sanh linh
Đều cùng tánh ấy.
Tánh đại Niết-bàn
Tức là tánh này
Gốc của vạn pháp
Nguồn của mê ngộ
Năng phát vô lậu
Thế xuất thế gian
Tất cả vạn pháp
Đều y tánh này
Mà được kiến lập
Tùy ngộ duyên tịnh
Tức là tứ thánh
Tùy mê duyên nhiễm
Trở thành lục phàm.
Chúng sanh và Phật
Đồng một thể giác

Do chỗ mê ngộ
Mà thành cách xa
Duyên sanh không tánh
Chúng sanh và Phật
Vốn là bình đẳng
Duyên sanh không tánh
Mười cõi sai biệt
Mộng lớn sanh tử
Theo điên đảo sanh
Như từ tỉnh mộng
Lìa xa mộng tưởng
Nếu ngộ chân không
Ngũ uẩn lục nhập
Tất cả đều như.
Trần lao vốn tịnh
Không đạo để tu
Không diệt để chứng
Nếu được giác ngộ
Đoạn tận sanh tử
Chứng đắc Niết-bàn
Đạt an lạc lớn.

Chương VI

BẤT GIÁC VÔ MINH

Do không thông đạt
Tất cả pháp giới
Tâm không cùng khắp
Bỗng nhiên khởi niệm
Gọi là vô minh
Vô minh này khởi
Thức thứ bảy sanh
Gọi mạt-na thức
Tính hay chấp ngã
Chủ sự phân biệt
Là gốc vô minh
Nhiễm lục bát thức^[1]
Giao thoa huân tập
Chướng ngại trí tuệ
Che lấp chân tâm
Vô minh sanh khởi
Tất cả pháp nhiễm

1. Chỉ đệ lục thức và đệ bát thức.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Từ xưa đến nay
Từ chỗ bất giác
Làm duyên si vọng
Tạo thành năng lực
Hiện cảnh giới vọng.
Y cảnh giới vọng
Làm nhân duyên hợp
Khởi tâm vọng tưởng
Huân tập chủng tử
Chứa tại bát thức
Tùy niệm tức khởi
Tự tâm giữ tướng
Theo ngã ngã sở
Vọng chấp vô cùng
Phân biệt lục trần
Hương ngoài tìm kiếm
Tâm cảnh giao nhau
Theo huyễn chọn lựa
Tâm nương cảnh huyễn
Mê lầm theo vật
Vọng thấy sanh diệt
Khởi vọng tạo tác
Phân biệt nhân ngã
Phải trái thiện ác
Vô số điên đảo
Toàn chân thành vọng
Che mất sự thật.
Sanh trụ dị diệt

Sát na tương tục
Thường ngày niệm niệm
Nhận vọng là chơn
Dần dần sắc thân
Theo niệm lưu chuyển
Do tham sân si
Từ thân miệng ý
Tạo nghiệp hữu lậu^[1]
Do mê tạo nghiệp
Tự thọ quả báo
Lưới nghiệp dẫn dắt
Thành tướng sai biệt.
Vạn pháp ba cõi
Đều có nguyên nhân
Do vọng có quả
Quả lại làm nhân
Nhân quả luân chuyển
Không có dừng nghỉ
Quả báo thiện ác
Chín muồi thành trước
Huyễn nghiệp huyễn báo
Sanh tử triển miên
Chúng sanh tương tục
Thế gian tồn tại
Như xoay vòng lửa^[2]

-
1. *Hữu lậu*: Phạn ngữ là *sāsrava*, một tên gọi khác của phiền não.
 2. Ý nói là như đóm lửa xoay liên tục thành vòng tròn lửa.

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

Tức là lục đạo^[1]
Căn bản luân chuyển
Sanh tử vô tận
Không có kỳ hạn.
Nghệp do tâm tạo
Hình tùy tâm chuyển
Sai biệt nhân quả
Thọ báo khác nhau
Nhân duyên tội phước
Lên xuống các cõi
Nhân quả thiện ác
Quả báo khổ lạc
Chỗ sanh vạn pháp
Do tâm mà hiện.
Do có vọng tình
Chấp có ngã pháp
Hướng ngoại chấp pháp
Theo đuổi không dừng
Nhiễm pháp như vậy
Đều là bất giác.
Kinh *Lăng nghiêm* dạy:
Tất cả chúng sanh
Từ xưa đến nay
Sanh tử tương tục
Đều do không biết
Chân tâm thường trụ

1. *Lục đạo*: Phạm ngữ là *kāma-dhātu*, tức là gồm: nhân đạo, thiên đạo, tu la đạo, địa ngục đạo, ngã quỷ đạo và súc sanh đạo.

Bản tính sáng suốt
Dùng các vọng tưởng
Tưởng này không thật
Thành có luân chuyển
Vì thế chúng sanh
Không được giác ngộ
Từ xưa đến nay
Niệm niệm tương tục
Chưa từng ly niệm
Ô nhiễm chân tính
Cho nên gọi là
Vô trí vô minh.
Tất cả thế gian
Tưởng các cảnh giới
Đều do chúng sanh
Vô minh vọng niệm
Mà được kiến lập.
Tất cả thiện ác
Đều xuất từ tâm
Nhiễm pháp sanh tử
Không rời chân như
Vọng niệm y đó
Hình thành tam giới
Y chánh^[1] sai biệt
Từ đó thế giới
Được hình thành nên

1. *Y chánh* là y báo và chánh báo. *Chánh báo* là thân tâm chúng sanh, *y báo* là hoàn cảnh môi trường sinh hoạt.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Cùng với thân tâm.
Từ nguồn duyên khởi
Một niệm vọng động
Tâm nhiễm cảnh trần
Hạt giống phiền não
Trói buộc vạn kiếp
Dính như keo sơn
Khó thoát ly được
Hướng đến mê lầm
Liên thành hư dối
Vọng tưởng xuất hiện
Mê lầm chân như
Từ đó mà có
Các khổ đều thành
Thân tâm trói buộc
Không còn tự tại
Nhiều kiếp đến nay
Luân hồi ba cõi.
Nhận tâm mê hoặc
Cho là thực tánh
Ra vào tứ sanh^[1]
Lưu lạc tam đồ^[2]
Đời đời kiếp kiếp
Xả thân thọ thân
Luyện ái điên đảo

1. *Tứ sanh*: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, biến hóa sanh.

2. *Tam đồ*: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Lúc ra lúc vào
Trôi nổi khắp nơi
Được mất thành bại
Buồn vui ly hợp
Lên xuống lao nhọc
Thọ thai trâu ngựa
Theo nghiệp dẫn dắt
Giống như màn kịch
Oán ghét thương yêu
Già yếu bệnh chết
Đói lạnh tai nạn
Vô thường bại hoại
Sâu khổ nung nấu
Vô số bức bách
Thọ thân hư dối
Khổ lụy thân tâm
Mà không biết rõ
Sa vào các nẻo
Theo cảnh luân hồi
Không cách ra khỏi.
Từ nẻo bế tắc
Tìm phương thoát ly
Bi thám thân này
Mất dấu chân nguyên
Lưu luyến làm chi
Thêm nhiễm trần lao
Vào vòng sống chết
Chịu khổ vô cùng

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Ba cõi không an
Giống như nhà lửa
Đêm dài vô minh
Sống chết cảnh mộng
Tràn đầy cảnh khổ
Thật quá kinh hồn.
Nghệp thiện nghiệp ác
Đều duyên sanh tử
Càng tạo nghiệp lực
Sống chết càng nhiều
Thức theo nghiệp hiện
Lại bị nghiệp chuyển.
Kẻ phạm thức nhiễm
Hiện tướng trói buộc
Khi nghiệp thành quả
Lúc nào dừng nghỉ
Mong thoát ra được
Nghệp thức vô minh
Theo trần bỏ giác
Tạo nghiệp hữu lậu
Không biết trở về
Theo nghiệp thọ thân
Không tu thiện pháp
Không có ngày ra.
Nếu muốn giải thoát
Những mối sanh tử
Nên phải thân chứng
Pháp không sanh diệt

Biết khổ đoạn tập^[1]
Tu đạo chứng diệt^[2]
Hướng đến giải thoát
Đắc vô sanh nhĩn^[3]
Thoát ly ba cõi
Không còn luân hồi.
Nên biết tâm thức
Đều là vô minh
Một niệm lia chơn
Đó là vọng tưởng
Vọng khởi tình sanh
Che lấp trí giác
Niệm niệm sanh diệt
Rời xa chơn tánh.
Nhưng tướng vô minh
Không là giác tánh
Thể giác tròn đầy
Vốn không một vật
Do vọng có sanh
Do sanh có diệt
Sanh diệt là vọng
Dứt vọng là chân.
Vô minh vọng tưởng

-
1. *Tập*: Tập đế, là nguyên nhân của khổ sanh tử, chính là vô minh và tham ái.
 2. *Diệt*: Diệt đế, đồng nghĩa Niết-bàn.
 3. Chứng trú trạng thái tâm bất động, thể nghiệm tính không sanh không diệt của các pháp.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Tánh vốn vắng lặng
Căn trần vô thể^[1]
Tâm thức vốn không
Tham sân si ái
Phiền não vô tận
Các pháp ô nhiễm
Không có tự sanh
Chỉ là vọng niệm
Phân biệt khởi lên
Vọng tưởng là trần
Tình thức cấu uế
Phân biệt vốn không
Duyên sanh như huyễn
Như con mắt bệnh
Hư không đầy hoa^[2]
Vốn thật không hoa
Khi mắt hết bệnh
Thấy rõ thật cảnh.
Nếu rời tâm niệm
Không còn vọng chấp
Không sanh thấy biết
Thì sẽ không còn
Tất cả cảnh giới
Nhất tâm không sanh

1. *Vô thể*: ý ở đây, căn trần không có chủ thể, nó là pháp duyên sanh vô ngã.

2. Ý nói khi mắt bệnh thì thấy hư không có hoa đốm, thực chất hư không vốn rỗng không.

Vạn pháp rỗng không
Ví như mắt lành
Hoa đốm không còn
Tánh hoa vốn không
Xưa nay như thế
Mê thì thấy hoa
Chẳng phải Bồ-tát.
Tâm vốn không tướng
Gọi không chỗ dừng
Trong không theo căn
Ngoài không theo trần
Xa trần dứt vọng
Liên hợp tánh giác
Niệm khởi không ngừng
Niệm không chỗ trụ
Giác tánh thanh tịnh
Tức thời hiện tiền.
Luận Khởi tín dạy:
Như nước trong biển
Gió thổi sóng dậy
Tướng nước tướng gió
Không có tách rời
Nước không tính động
Gió dừng nước lặng
Tính động không còn
Tánh ướt không mất
Chúng sanh cũng vậy
Tự tánh thanh tịnh

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Vô minh gió động
Tâm và vô minh
Không có tách rời
Tâm không tính động
Nếu vô minh diệt
Rời niệm tương tục
Trí tánh không mất.
Do thức hòa hợp
Tướng tâm tương tục
Phiền não mê hoặc
Vô thi vô minh
Đoạn trừ trọn vẹn
Tâm thể quang minh
Chiếu khắp pháp giới
Đức tướng trí tuệ
Pháp tánh chân như
Hiển bày rõ ràng
Cùng tận tương lai
An trú tịch quang
Viên mãn giác ngộ
Thường đặc pháp lạc.

Chương VII

QUÁN CHIẾU NGƯỢC DÒNG

Một niệm hiện tiền
Biến khắp pháp giới
Do từ duyên nhiễm
Bôn ba phóng dật
Toàn chân thành vọng
Tùy thuận giác tánh
Phản tỉnh quán chiếu
Toàn vọng tức chân
Liễu đạt thể tính
Không theo thức^[1] chuyển
Không có hai tướng
Các pháp như vậy.
Tất cả hành vi
Khởi tâm động niệm
Suy nghĩ phân biệt
Thấy nghe giác biết
Đi đứng nằm ngồi

1. Ở đây thức là chỉ cho sự phân biệt

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Mặc áo ăn cơm
Đều là bản thể
Khởi lên tác dụng
Đều chính là tâm
Hiện ra cảnh giả
Nên biết thân tâm
Là sản phẩm vọng
Vốn là vô tánh
Mộng huyễn không thật
Nên phải xa rời
Huyễn hóa hư dối
Từ có hóa không
Trở về chân nguyên
Vạn pháp một thể
Đồng quy chơn tịnh
Nướng vào tánh giác
Khởi tâm chánh niệm
Quán chiếu nội tâm
Vững lặng không động.
Bản thể tâm tánh
Đối với niệm khởi
Nhất định xét rõ
Quán sát niệm diệt
Và niệm động tịnh
Một niệm không khởi
Tức là vô sanh^[1]

1. Vô sanh: tâm không sanh diệt.

QUÁN CHIẾU NGƯỢC DÒNG

Như quán tướng nước
Thấy tướng sóng vỗ
Chỉ như hư không
Quán sát gió thổi
Như mèò rình chuột
Dốc cả tinh thần
Tập trung ở đó
Định tâm một chỗ
Trong từng sát na
Chớ có buông lung
Trong thể của nó
Vốn là thanh tịnh
Nó hiện từ đâu?
Nên phải xem rõ
Thác đổ đá dời
Chớ để tán tâm
Niệm khởi thì xả
Bất cứ vọng niệm
Liên nên giải hóa
Không còn tung tích
Tịnh hóa đương niệm
Tiền hậu tế đoạn^[1]
Vắng bóng tâm hành
Nhất niệm vạn niên^[2]

-
1. *Tiền hậu tế đoạn*: niệm không trụ, tác nghiệp trong ba thời quá khứ, hiện tại và tương lai.
 2. Một niệm hiện tiền dung thông thời gian, tất cả thân nhiếp trong một niệm, tác dụng sức trí tuệ do chánh định mà có.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Chánh niệm chiếu soi
Sáng suốt vắng lặng
Không vọng không ám
Hoàn toàn rõ ràng
Diệu dụng tâm tánh.
Siêng năng không ngừng
Hương đến vô niệm
Nhân duyên thành thực
Tự ngộ tâm tánh
Đây là bình đẳng
Phản quán nội tâm
Nghe từ bản tánh
Điểm chung pháp tu
Quán chiếu đầy đủ
Thấy tướng^[1] đều tịnh
Tức là thấu triệt
Bản lai diện mục
Chân như diệu tánh
Vốn là quán khắp
Vạn pháp một thể
Tánh vốn bình đẳng
Bản thể chân như
Là lý nhất như
Diệu dụng quán chiếu
Là trí như như
Y lý như như

1. Tướng đây có nghĩa bao gồm các pháp, tâm không dính mắc.

QUÁN CHIẾU NGƯỢC DÒNG

Khởi trí như như
Dùng trí như như
Quán lý như như.
Niệm trước đã diệt
Niệm sau chưa sanh
Chỉ niệm độc lập
Trí năng quán sát^[1]
Thấy rõ bản tánh
Không niệm cảnh giới
Niệm niệm đều tịnh
Tâm Liền thanh tịnh
Quán đến tận cùng
Thông đạt nghĩa tịnh
Vắng lặng thường chiếu
Phát huy tuệ quán
Đó là Ly niệm
Quán sát viên dung
Chính là chân tâm.
Chánh niệm chân như
Tâm theo cảnh ngoài
Thâu nhiếp trở về
Niệm khởi tức biết^[2]
Biết mà vô tâm
Với tâm biết này

-
1. Trí năng quán là chủ thể quán sát, chỉ hành giả đang quán.
 2. Biết ở đây có nghĩa là giác biết, thấy rõ niệm khởi, biết giác cũng là niệm để ly niệm.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Gọi là đang quán
Tâm biết khởi lên
Cũng không tương biết
Nên tâm biết này
Gọi là ly niệm.
Niệm niệm niệm giác
Tĩnh giác mỗi niệm
Niệm khởi đều biết
Niệm giác cũng không
Giác mà thường chiếu
Chiếu mà thường giác.
Ví như tấm kính
Chiếu soi là trí
Khi có cảnh vật
Phản ảnh rõ ràng
Cảnh kính^[1] không hai
Lý trí nhất như
Thể tức là dụng
Dụng tức là thể
Giống như phòng tối
Bóng tối vô tánh
Ánh đèn tỏa sáng
Bóng tối liền mất
Chơn trí chiếu soi
Vô minh liền diệt
Toàn thể chính là

1. Cảnh kính tức nói cảnh vật và tác dụng chiếu soi của kính.

QUÁN CHIẾU NGƯỢC DÒNG

Đại quang minh tạng
Đó là thời khắc
Lý trí hợp nhất
Tuệ như trăng sáng
Soi khắp hư không
Thân tâm rỗng rang
Trí tuệ khai phát
Sẽ đặc vô lượng
Nhẹ nhàng tự tại.
Năng lực ban đầu
Chớ vội vui mừng
Cảnh trí an lập
Tĩnh giác quán chiếu
Là phương tiện đầu
Vẫn thuộc tình thức
Giống như không hoa^[1]
Đều là chướng ngại
Tâm thường buông xả
Thứ lớp từ bỏ
Cảnh trí hợp nhất
Nhất tâm sáng rõ
Là đến thời khắc
Năng chiếu sở chiếu^[2]
Cả hai đều diệt

1. Như hoa đốm giữa hư không, không thật có, chỉ do lúc bệnh hoa con mắt mà thấy có mà thôi.

2. Tức là chủ thể quán chiếu và đối tượng quán chiếu đều vắng lặng.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Không biết mà biết
Biết mà không biết
Thời điểm chín muồi
Tâm địa thông suốt.
Nếu còn năng quán
Chưa rời hư giả
Năng giác sở giác
Đều là tính không
Các huyền diệt hết^[1]
Chân như hiển bày.
Chân cảnh không tướng
Chân trí vô tri
Ngoài trí không cảnh
Ngoài cảnh không trí
Trí là chân như
Không ngoài chân như
Là trí chứng ngộ.
Trí chính là cảnh
Cảnh chính là trí
Cảnh trí không hai
Dụng thể nhất như
Lý không cùng tận
Soi chiếu vô cùng
Linh diệu không mờ
Vắng lặng thường soi
Ba thời thông suốt

1. Chư huyền diệt hết là quán đạt ngũ uẩn đều không.

QUÁN CHIẾU NGƯỢC DÒNG

Mười phương đều không.
Chân như thật tánh
Chiếu rõ thường lặng
Tuệ sáng vô hạn
Biến khắp pháp giới
Mới đầu tu học
Chưa rời năng sở
Nên có cảnh trí^[1]
Quán chiếu thuận thực
Thô niệm không khởi
Sáu căn thanh tịnh
Phân biệt không còn
Thể nhập cảnh giới
Năng sở không hai.
Tịnh hóa các niệm
Giác ngộ trọn vẹn
Thức là phiền não
Vọng động sanh diệt
Các tướng niệm khởi
Sanh diệt không ngừng.
Nội tâm phiền não
Không có nguyên nhân
Hướng đến vọng tâm
Giống như nước đục
Không thấy bùn cát
Khi nước lặng yên

1. Tức là cảnh và trí, tức đối tượng quán xét và chủ thể quán xét.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Bùn cát tự hiện
Ý thức vốn tịnh
Nhưng do mặt-na
Chấp thức thứ tám
Với những thói quen
Là hạt giống nghiệp
Truyền ra ý thức
Khiến tâm ô nhiễm
Cho nên thức đó
Vi tế sanh diệt
Chưa được tịnh hóa.
Tu tập quán chiếu
Mới thấy rõ ràng
Hiện tiền cảnh này
Nỗ lực công phu
Khởi hạnh đầu đà
Tinh tấn dõng mãnh
Không để buông lung
Đầu sào trăm thước^[1]
Vượt thoát tận cùng
Thẩm sát rõ ràng
Ai tu giác ngộ?
Thể nhập vô ngã
Không tướng nghi tình.
Dẹp hết phiền não
Vận hết khí lực

1. Thiên ngữ, chỉ cảnh giới tu đạt kiến tánh nhưng còn tinh tấn để chứng ngộ trọn vẹn chân lý.

QUÁN CHIẾU NGƯỢC DÒNG

Như lên đỉnh cao
Vượt qua tường vách
Đỉnh cao lơ lửng
Buông thân thẳng xuống^[1]
Không vương ngang dọc
Diệt tận dấu tích
Không lưu tư hào.
Còn thức thứ bảy
Pháp thân không hiện
Đi đứng nằm ngồi
Không rời công phu
Tâm như gỗ đá^[2]
Như ngơ như dại
Nếu không như thế
Không thể tới cùng
Định tâm quán chiếu
Một cách liên tục
Nhận diện niệm khởi
Tham cứu nội tâm
Thấy rõ tướng tận
Cơ duyên thành thực
Tiếp xúc mọi sự
Thấy cảnh nghe tiếng
Bỗng nhiên tỉnh ngộ
Tâm tịnh kiến tánh

-
1. Dụ cho buông xả hết ngã chấp của thức thứ bảy.
 2. Tâm không dao động chấp trước.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Trở về tâm tánh
Mây tan trời sáng
Thân tâm rỗng lặng
Thể đồng hư không
Vô cùng kinh ngạc
Khai ngộ nguồn tâm
Trí tuệ tự tánh
Toàn thể hiển bày.
Phát sanh tịnh huệ
Rộng khắp mười phương
Thánh trí bao la
Chiếu rõ mọi nơi
Thông thoát Tam quan^[1]
Đốn ngộ vô sanh
Trí đồng pháp giới
Chứng đạo chân thường
Thân chứng tạng tánh^[2]
Thân kiến bản lai
Đây mới gọi là
Đại tịch diệt hải^[3]
Tính vốn tự tại
Trí tuệ quang minh
Là pháp giải thoát

1. *Tam quan*: thuật ngữ Thiền tông, chỉ cho ba giai đoạn tu hành đạt chứng ngộ tâm tánh, là sơ quan, nhị quan và tam quan.

2. *Tạng tánh*, gọi tắt là Như lai tạng tánh.

3. *Đại tịch diệt hải* tức dụ cảnh giới đại định trong kinh *Lăng nghiêm*, tức chỉ tâm như như bất động.

Không niệm sanh diệt
Gọi là tịch diệt.
Khách trần phiền não
Từ đây vắng bật
Nóng lạnh tự biết
Không lời diễn đạt
Từ chỗ ngộ này
Đối cảnh nghiệm tâm
Tùy duyên chánh niệm
Vun bồi thánh trí
Tịnh niệm sanh diệt
Chuyển thành chân trí.

Chương VIII

BIẾT HUYỄN CHẴNG THẬT

Tất cả vạn pháp
Do huyền hợp có
Phân tán thành không
Từ không thành có
Có rồi thành không
Nên biết không thật.
Người trí biết rõ
Tánh lia tướng có
Quán chiếu các pháp
Không có thường trụ
Giống như hư không
Tướng chẳng kiên cố
Từ trong thân tâm
Cho đến thế giới
Đều là huyền mộng
Không có chân thật.
Chúng sinh lục đạo
Tùy nghiệp hiện có
Như hoa hư không

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Chính là huyễn hóa
Nghịch chướng phiền não
Xưa nay vốn không
Khổ vui tội phước
Đều như mộng huyễn
Giàu sang mây khói
Âm hưởng sắc thanh
Vốn không thực tại.
Mỗi pháp đều huyễn
Huuyễn có không thật
Có chẳng phải có
Sanh chẳng phải sanh
Nên nói chẳng sanh
Diệt cũng chẳng diệt
Nên nói chẳng diệt.
Trong kinh *Bảo Tích*
Đức Phật dạy rằng:
Tất cả chúng sanh
Với điều kiện sống
Đều là huyễn mộng
Do từ nghiệp lực
Biến hóa mà có
Tam thiên đại thiên^[1]

1. Tam thiên đại thiên thế giới còn gọi là đại thiên thế giới, cách gọi đó tính như sau: một ngàn thế giới gọi là một tiểu thiên thế giới; một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là một trung thiên thế giới; một ngàn trung thiên thế giới gọi là một đại thiên thế giới. Không nên nhầm rằng tam thiên đại thiên thế giới là gồm ba ngàn đại thiên thế giới.

BIẾT HUYỄN CHẴNG THẬT

Tất cả thế giới
Cũng đều từ huyễn.
Tất cả chúng sanh
Đều do cộng nghiệp
Tất cả các pháp
Cũng là do huyễn
Nhân duyên hòa hợp
Nên gọi là huyễn
Không có ba cõi
Để mà ra khỏi
Vốn không Bồ-đề
Để mà chúng ngộ
Niết-bàn sanh tử
Đều là cơn mộng
Các cõi nước Phật
Đồng tận hư không
Trăm ngàn tam muội
Cũng như không hoa
Hết thấy mọi sự
Dấu chim không trung.
Phật là huyễn sư
Chuyển pháp luân huyễn
Thành Niết-bàn huyễn
Chuyển sanh diệt huyễn
Thế xuất thế gian
Các pháp tịnh nhiễm
Giống như tập hợp
Huyễn hóa mà có

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Y huyễn lập danh
Đều không tự tánh.
Như hình trong kính
Như trăng dưới nước
Như mây trên không
Như thấy trong mộng
Không ngoài cái tâm
Cái thấy hư vọng
Quán sát như vậy
Khi quán cũng huyễn
Quá hiện vị lai
Ba thời đều huyễn.
Tâm như huyễn sư
Thân như thành huyễn
Cửa căn nhà mộng
Không nên chấp trước
Kính A Hàm dạy:
Sắc như nước tu
Thọ như bọt nổi
Tưởng như ngựa hoang
Hành như cây chuối
Thức như pháp huyễn
Y chánh mong manh
Không có vững bền
Nếu cho là thật
Không hợp thể tính.
Bồ-tát biết huyễn
Không chấp khởi diệt

BIẾT HUYỄN CHẴNG THẬT

Thấy toàn là không
Thông đạt huyền duyên
Không chấp thấy nghe
Tam giới không hoa
Biết là không hoa
Tức không luân chuyển
Từ huyền hóa thân
Thường biết huyền hóa
Tuy hiện thế gian
Vô biên huyền pháp
Biết mọi giả danh
Thọ pháp giả danh
Đều không thực tại
Không tướng đối đãi
Ly thấy nhân ngã
Quán sát chân thật
Rõ tâm như huyền
Biết thân không thật
Như hư không hoa
Vốn không thật có
Rốt ráo vắng lặng
Không tướng để nói
Tâm không phân biệt
Vạn duyên vốn tịch
Đương thể không sanh
Xưa nay như vậy.
Do tâm như huyền
Động mà hằng tịch

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Sự vật chẳng thật
Khởi mà vô sanh
Vật chẳng phải vật
Các vật vốn không
Biết tâm vô tâm
Thể tâm vốn tịch
Không tánh không sanh
Tâm huyền không thực
Thông đạt điều đó
Là cảnh giới tuệ.
Nên biết thân tâm
Đều là huyền cấu
Tướng cấu diệt hết
Mười phương thanh tịnh
Chư Phật truyền tâm
Không rời biết huyền
Chấp huyền sẽ đọa
Vào vòng sanh tử
Biết huyền tức thuận
Niết-bàn giải thoát
Không rời huyền hóa
Chân như không hiện
Biết huyền là bỏ
Bỏ huyền là giác.
Tất cả thế gian
Các tướng huyền hóa
Đều sanh khởi từ
Như lai tạng tâm

BIẾT HUYỄN CHẴNG THẬT

Do như không hoa
Từ không mà có
Huyễn hoa tuy diệt
Không tánh thường còn.
Tâm huyền chúng sanh
Còn theo huyền diệt
Các huyền diệt hết
Tâm giác bất động
Huyền cảnh đã mất
Huyền trí không còn
Không trí không đặc
Cả hai đều rời
Vì nghĩa chứng đặc
Xa rời các huyền
Siêu thoát đối đãi
Cảnh trí đều buông
Tâm tánh chơn thật
Toả sáng mười phương.

Chương IX

TÂM KHÔNG THÌ CẢNH KHÔNG

Biết tướng là không
Tâm liền vô niệm
Nếu được vô tâm
Cảnh không còn hiện
Do tâm niệm sanh
Các pháp sanh khởi
Do vì pháp sanh
Các tâm niệm khởi.
Sắc vốn là không
Do tâm có sắc
Tâm vốn là không
Do sắc có tâm
Vạn pháp là tâm
Tâm là vạn pháp
Tâm do cảnh sanh
Cảnh do tâm hiện
Tâm không cảnh tịch
Cảnh tịch tâm diệt

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Nói có tướng diệt
Là tâm tướng diệt
Thể tâm không diệt.
Thấy nghe giác biết
Là do tiền trần
Mà có phân biệt
Vọng cảnh vọng tâm
Hai vọng nương nhau
Nhân duyên hòa hợp
Xoay chuyển cùng nhau
Tâm không rời cảnh
Cảnh không rời tâm
Nghệp hoặc quả báo
Cùng nhau sanh khởi
Hiện ra ba cõi
Lục thú tứ sanh^[1]
Nhân, thiên, địa ngục
Tu la, ngạ quỷ
Đều do tâm tạo.
Do tâm tạo tác
Ba cõi huyễn hóa
Do tâm mà hiện
Rời tâm là không

1. *Lục thú tứ sanh* tức chỉ bốn loại chúng sanh trong sáu nẻo luân hồi. Bốn loài là loài sanh bằng trứng, loài sanh từ bào thai, loài sanh do khả năng biến hóa, loài sanh nơi chốn ẩm thấp. *Lục thú* là sáu cảnh giới của chúng sanh: Trời, A tu la, Người, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục.

TÂM KHÔNG THÌ CẢNH KHÔNG

Cảnh giới lục trần
Một niệm thô động
Tức đủ món khổ
Vọng niệm không khởi
Tịch diệt thường lạc
Tâm không cảnh tịch
Nước dơ sóng đục
Nước trong trăng hiện
Bản thể không động
Các cảnh hư vọng
Biết đó tánh không
Thì tâm vắng lặng
Không khởi vọng niệm
Nội tâm thanh tịnh
Nhân pháp đều không
Các duyên đều dứt.
Tâm xa rời vọng
Cảnh giới liền diệt
Các duyên không buộc
Vốn tự giải thoát
Lục trần không nhiễm
Trở thành chánh giác
Tâm tánh không nhiễm
Pháp giới tự nhiên
Lục thông tự tại
Một hướng thanh tịnh.
Nhất niệm vọng động
Phiền não trói buộc

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Nghiệp quả ba cõi
Cảnh hiện sai biệt
Rõ tâm vô tánh
Cảnh trí chẳng thật
Gió cảnh thổi đến
Sóng thức không sanh
Cắt đứt các duyên
Chớ sanh vọng tưởng
Tự tánh thanh tịnh
Tức là Bồ-đề
Nghiệp hành sanh tử
Tự nhiên dừng lại.
Chỉ có chân tâm
Biến khắp mọi nơi
Khi ngộ thì rõ
Khi mê thì nghiệp
Cảnh vốn là không
Không đợi tướng hoại
Tâm Linh tự chiếu
Chẳng nhờ duyên sanh.
Cảnh vô tự tánh
Do thấy mà có
Thấy vô tự tánh
Do tâm có động
Động không tự tánh
Đều do bất giác
Giác thì không động
Do tâm bất động

TÂM KHÔNG THÌ CẢNH KHÔNG

Đều không sự thấy
Lìa thấy cũng không
Tướng của cảnh giới
Bản nhiên thanh tịnh
Vọng tâm đã dừng
Huyễn tướng nào sanh?
Tâm cảnh đều minh
Tự nhiên hợp đạo
Nhứt niệm hiện tiền
Ba thời vắng lặng
Trong không tướng căn
Ngoài không tướng trần
Cảnh giới vô tâm
Chiếu mà thường không
Tâm cảnh nhất như
Nào có quái ngại
Trong mỗi mỗi pháp
Trong mỗi mỗi tâm
Ngay đó tịch diệt
Tức là đạo tràng
Khế hợp pháp tánh.
Đạo lý vô sanh
Thể vốn ly tướng
Tự tánh chân như
Thanh tịnh sáng suốt
Không tâm không Phật
Không giả không thật
Tâm Phật chúng sanh

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Phương tiện giả lập
Không tướng Bồ-đề
Chẳng chấp Niết-bàn
Cũng không giải thoát
Xa rời thấy biết
Dứt hết huyễn hóa
Không chỗ nương tựa
Chẳng còn trói buộc
Liên đặc trung đạo
Tánh thường vắng lặng
Trí tuệ tự hiện
Cảnh thức đều mất
Nhập đại tổng trì^[1].

1. *Tổng trì*: Giữ hết thiện pháp, ngăn trừ ác pháp pháp sanh; đầy đủ tất cả công đức. Tổng trì còn có nghĩa khác là Mật chú.

Chương X

NGÃ KHÔNG

Ngã chấp pháp chấp
Nương nhau tồn tại
Đó là mê lầm
Do nương ngã kiến^[1]
Ngã kiến chính là
Căn bản sanh tử
Chủ nhân luân hồi
Thân tâm thế giới
Nhân duyên hòa hợp
Vốn không tự tánh
Vọng nhận tứ đại
Làm thân thể mình
Các duyên sáu trần
Làm tướng của tâm.
Nguyên nhân mê hoặc
Là do vọng chấp

1. *Ngã kiến*: Nhận thức sai lầm về các pháp, tức về hiện tượng tâm lý và vật lý.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Tất cả chúng sanh
Vướng vào bản ngã
Khởi cảnh huyễn hóa
Sáu nẻo thẳng trầm.
Nếu rời chấp này
Không còn chỗ sanh
Không chấp ngã này
Không luyến sắc thân
Nếu rời chấp ngã
Tức không sai lầm
Quán thân tâm này
Do lòng ái dục
Hòa hợp mà có
Máu huyết hôi hám
Chín lỗ ô ứ
Túi da che đậy
Ruột gan phân dãi
Vô thường tán hoại
Sinh lên bầm thối
Chỉ còn xương trắng
Thân mình đã vậy
Thân người cũng thế
Bì da che đậy.
Vọng sanh luyến ái
Mũi tên ái nhiễm
Nếu không tự nhổ
Không trừ tâm dâm
Chẳng thoát trần lao

Quán sát như thế
Các thân nam nữ
Các cảnh xấu ác
Đều là không sạch.
Biết tâm vô thường
Thân này vô ngã
Tham dục là khổ
Tâm không đắm nhiễm
Ái dục tự dứt
Thân này vốn không
Tâm này vốn tịnh
Tức là hợp đạo.
Ái dục quấy nhiễu
Chân tâm không hiện
Kinh *Lãng nghiêm* dạy:
Nếu các thế giới
Chúng sanh sáu nẻo
Dứt sạch lòng dục
Không theo lực ái
Và cảnh tái sanh.
Nên quán thân tâm
Như huyễn như mộng
Vốn không thật có
Như thân cây khô
Như tường ngói cũ
Già yếu từng niệm
Hơi thở dứt rồi
Không còn trở lại.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Kinh Viên giác dạy:
Thường ngồi tịnh tọa
Phải nghĩ thế này
Thân này của ta
Bốn đại hòa hợp
Răng móng lông tóc
Gân cốt da thịt
Tủy não cấu uế
Đều thuộc tướng đất.
Nước mũi máu mủ
Nước tiểu nước bọt
Đàn dãi tinh khí
Các chất đại tiện
Đều thuộc tướng nước.
Khí ấm thuộc lửa
Động chuyển thuộc gió
Bốn đại^[1] phân ly
Nếu thân này mất
Thì tìm chỗ nào?
Nên biết thân này
Cuối cùng vô chủ
Hòa hợp làm tướng
Thật đúng hư dối
Bốn duyên hòa hợp
Giả có sáu căn
Bốn đại sáu căn

1. *Tứ đại*: đất, nước, gió và lửa.

Trong ngoài hợp thành
Nương gá các duyên
Tích tụ bên trong
Tạo thành các duyên
Giả danh là tâm.
Nên biết các pháp
Hợp thành thân này
Bốn đại năm uẩn^[1]
Giả duyên giả hợp
Vốn không tự tánh
Khởi là pháp khởi
Diệt là pháp diệt
Bốn đại không chủ
Thân này vô ngã.
Xem xét tường tận
Ngã không thực thể
Trong tất cả pháp
Đều không có ngã
Bốn đại là không
Năm uẩn chẳng thực
Nên biết vô ngã.
Vô thường bất tịnh
Không tự tồn tại
Nên nói vô ngã.
Thân kiến điền đảo
Danh tự trống rỗng

1. Năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Nên nói vô ngã.
Cả ba thời gian^[1]
Tâm không thực tại
Nên biết vô ngã.
Tánh không các pháp
Đoạn ngã đạt đạo
Nên biết vô ngã.
Pháp tánh vắng lặng
Nên biết vô ngã
Bản chất chân như
Vốn không dấu tích
Nên biết vô ngã.
Trong thể thanh tịnh
Dứt tướng đối đãi
Nên biết vô ngã.
Các pháp đều như
Giác tánh chiếu khắp
Nên biết vô ngã.
Thực tế pháp trụ
Dứt các hí luận
Nên biết vô ngã.
Pháp giới nhất tướng
Không có trước sau
Nên biết vô ngã.
Trong Như lai tạng
Vốn không khởi diệt

1. *Ba thời gian*: quá khứ, hiện tại và tương lai.

Nên biết vô ngã.
Cái gì có tướng
Đều là hư vọng
Không nhân không ngã
Không cái của ta
Dứt hết ngã kiến
Kiến giải không sanh
Trí tuệ giải thoát
Liên được khai mở.
Đạt đến vô ngã
Tâm liền tự tại
Không buồn không vui
Không đúng không sai
Không giữ không xả
Không khổ không lạc
Không nghịch không thuận
Không hơn không thiệt
Không tham không sân
Không được không mất
Không thương không ghét
Bản tính xưa nay
Không có một vật
Viên dung tròn đầy
Chiếu soi sáng suốt
Không còn dấu tích
Của các phiền não
Mê muội quanh co.
Tức là các pháp

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Ly tất cả tướng
Ly và tướng ly
Không chỗ nắm bắt
Năng sở đều mất
Hiện tại toàn chơn
Như vậy mới hợp
Chân không vô ngã.
Duy có bản tâm
Thường hằng thanh tịnh
Biết không nhân ngã
Tức không tham dục
Không còn tướng chấp
Ai thọ luân chuyển
Tướng của thân tâm
Nhận sự sanh tử.
Bồ-tát thông đạt
Tánh không các pháp
Ngã không pháp không
Ngay không cũng trừ
Chẳng còn tướng không
Mới an trú vào
Không tánh viên minh
Thành pháp giải thoát
Ba độc^[1] tự diệt
Ba cõi^[2] rời xa.

1. *Ba độc*: tham, sân và si.

2. *Ba cõi*: cõi dục giới, cõi sắc giới và cõi vô sắc giới.

Chương XI

PHÁP KHÔNG

Pháp tánh bất hoại
Pháp vốn thanh tịnh
Pháp không chỗ đặc
Pháp không hí luận
Pháp không dấu tích
Pháp không thủ xả
Pháp là tịch diệt
Pháp là vô nhiễm
Pháp là vô tướng
Pháp là vô vi
Pháp không chỗ trú
Pháp lìa các tướng
Thấy nghe giác biết.
Tự tánh các pháp
Xưa nay tịch tịnh
Không tướng thấy nghe
Không có ngôn từ
Thật nghĩa của nó
Trực nhận như vậy

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Mới đúng thực tế
Tất cả chúng sanh
Sống chết vô tánh
Vốn không sanh tử
Nhận lầm sanh tử.
Tất cả chư Phật
Vốn không tự tánh
Thật không Bồ-đề
Cũng không Niết-bàn
Chư Phật cũng không
Chúng sanh vọng gọi
Niết-bàn Bồ-đề
Thấy biết như vậy
Gọi là phát tâm
Gọi là kiến đạo
Gọi là người giác.
Tánh đó vốn tịnh
Nếu khởi kiến giải
Nhận thức về Phật
Liên bị cách Phật
Kiến giải chúng sanh
Là cũng sai lầm
Kiến giải trung đạo
Bị ngăn trung đạo.
Chấp phàm chấp thánh
Chấp tịnh chấp uế
Đều bị chướng ngại
Ở trong cả pháp

Không bị dính mắc
Không chấp có - không
Tức là kiến pháp.
Thế xuất thế gian
Nhiễm tịnh y chánh^[1]
Hữu vi vô vi^[2]
Sanh tử Niết-bàn
Uẩn xứ giới đế
Ba môn giải thoát
Tịch tịnh viễn ly
Vô thường bất tịnh
Các pháp sắc tâm
Tất cả đều không
Ngôn ngữ âm thanh
Chương cú văn tự
Tất cả đều như
Ly tính văn tự
Không tướng văn tự
Chính là chân không.
Tất cả pháp tính
Xưa nay không trụ
Pháp đồng pháp tánh
Giống như hư không.
Phân biệt danh ngôn

-
1. *Y chánh* là y báo và chánh báo. Chánh báo là thân tâm chúng sanh; y báo là môi trường hay thế giới chúng sanh tồn tại.
 2. *Hữu vi vô vi*: Hữu vi là pháp sanh diệt, vô vi là pháp không sanh không diệt.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Giả lập câu cú
Là pháp quy ước
Đều là ứng cơ
Công cụ phá chấp
Từ huyễn mà nói
Phương tiện dẫn đạo
Không hiểu thật nghĩa
Phân biệt chấp trước
Nên bị pháp buộc.
Các pháp như mộng
Chấp huyễn phân biệt
Khởi tâm động niệm
Tâm cảnh năng sở
Đều là phiền não
Câu đại Niết-bàn
Bỏ cấu giữ tịnh
Có đắc có chứng
Không ngoài đối trị
Bệnh nghiệp sanh tử.
Chấp có chấp không
Chấp khổ chấp lạc
Chấp phàm chấp thánh
Đều là thất bại.
Khởi tâm quán tịnh
Lại chấp tướng tịnh
Trụ không mê tịnh
Tức là đả trước
Vào các pháp tướng

Tùy thuận thế gian
Khởi niệm phân biệt
Theo huyễn luân chuyển
Tâm hành xứ hiện
Là tâm sanh tử
Tâm hành xứ diệt
Là chân tâm hiện.
Nếu khởi thấy biết
Thấy rõ các pháp
Vốn là thật tướng
Nhất thể chân như
Pháp không so sánh
Không tướng đối đãi
Nếu đối các pháp
Mà được bất động
Không tướng nắm bắt
Thì không chướng ngại
Pháp vốn là không
Không pháp là pháp
Ngay pháp rời pháp
Pháp lia có không
Pháp vốn không tánh
Pháp không tự thành
Nhân vọng có pháp
Dứt vọng không pháp
Lúc mê tự buộc
Ngộ rồi thoát ly
Dứt mê là Phật

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Phân biệt là ma.
Còn có chấp trước
Đều là hư vọng
Ngoài tâm thấy pháp
Tức là ngoại đạo
Nếu ngộ tự tâm
Tức là Niết-bàn
Tất cả mọi thời
Đều học vô tâm
Chánh niệm hiện tiền
Niệm niệm vô sanh
Không có phân biệt
Và tâm nương gá
Không trụ không chấp
Tâm như hư không
Năng lực tuệ giác
Chứng các pháp không
Hai chấp^[1] không khởi
Hai chướng^[2] đoạn trừ
Ngoài không chấp cảnh
Trong không chấp trí
Buông xả vạn duyên
Không chấp thân tâm
Niệm niệm lưu nhập
Tuệ giác của Phật.

1. Hai chấp là chấp có thực ngã và chấp có thực pháp.

2. Hai chướng là phiền não chướng và sở tri chướng.

Chương XII

TRIỆT ĐỂ KHÔNG

Quét sạch phiền não
Không còn mây may
Không còn chấp tướng
Không vướng bụi trần
Tâm không ràng buộc
Thanh tịnh như như
Tâm ý đoan nghiêm
Tự tại vô ngại
Tuyệt đối tính không
Triệt để vắng lặng
Tâm không vọng động
Không sanh tĩnh tướng^[1]
Biết tâm thanh tịnh
Không khởi niệm tịnh
Và niệm không tịnh
Mới gọi thật tịnh.^[2]

1. *Không sanh tĩnh tướng*: trạng thái tánh tướng nhất như.

2. Tuyệt đối tánh không siêu việt khái niệm thanh tịnh và không thanh tịnh.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Không chứng không đắc
Chẳng phải không chứng
Chẳng phải không đắc.^[1]
Chẳng không chẳng định
Chẳng phải chấp không
Chẳng phải chấp định.^[2]
Chẳng có giải thoát
Và không giải thoát.
Mỗi niệm rõ ràng
Trụ chỗ không trụ.^[3]
Thấy chỗ không thấy.^[4]
Đắc chỗ không đắc
Không đắc pháp nào
Gọi là chuyên tâm.^[5]
Nhận rõ tâm này
Không tâm không đắc
Ngay chỗ liễu đạt
Không có nhận thức

-
1. Chứng đắc là phương tiện nói, thực chất sau cùng là đạt đến chân không tuyệt đối, ngoài quan niệm ngôn ngữ diễn đạt.
 2. Tự tánh vốn là không, vốn là định, vốn đầy đủ giới-định-tuệ; đến cảnh giới đó thì không suy luận trong phạm vi có và không.
 3. Mỗi niệm tâm khởi đều quán chiếu rõ ràng, chẳng trú vào niệm nào cả, chuyên tâm như thế gọi trụ chỗ không trụ.
 4. *Kiến vô sở kiến*: thấy chỗ không thấy, vì thể tánh là không thì có gì để mà thấy.
 5. *Chuyên tâm*: được hiểu là trạng thái chánh niệm tỉnh giác chuyên cần.

Và không nhận thức
Cũng không chỗ đặc
Như chim bay qua
Không để dấu tích
Bát nhã thanh tịnh
Tuyệt đối sau cùng
Không thể nghĩ bàn
Tâm nhiệm không đạt
Liễu ngộ mới hợp
Với lẽ chân thật.
Với trí chứng đắc
Và lý chứng đắc
Hoàn toàn hợp nhất
Nhất niệm tương ứng
Vô minh xóa sạch
Thiện căn khai mở
Sáu căn thông lợi^[1]
Chánh niệm chuyên cần
Tâm tánh thường hiện
Như chim thoát lồng^[2]
Không còn ràng buộc.
Từng bước thể nhập
Trí tuệ vi tế^[3]

1. Đây là trạng thái kiến tánh.

2. Thoát lồng tức thoát ly ngũ uẩn, tức quán triệt sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là không.

3. Được hiểu là tuệ giác của hàng Bồ-tát

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Thăng tiến lên cao
Thể nhập trí Phật
Gọi là tự giác
Trí tuệ tự giác
Chính là cảnh thiện^[1]
Chớ có sanh khởi
Tâm niệm vui mừng
Cũng không tâm niệm
Có chỗ chúng đắc
Không chấp vào pháp
Không sanh hí luận
Biết tất cả pháp
Đều là Niết-bàn.
Với tâm chúng sanh
Vọng niệm sanh khởi
Niệm niệm phân biệt
Không thể tương ưng
Nên nói là không.
Nếu rời vọng tâm
Không thể nói không^[2]
Vì nói vô vi
Cũng chấp ngôn từ
Theo huyễn nói giác
Giác cũng không lập

1. Vì tự giác thánh trí cùng với từ, bi, hỉ, xả tương ưng nên gọi là cảnh thiện.

2. Vì lìa cái tướng tâm vọng tưởng chứ không phải lìa cái thể tánh của tâm, nên không thể nói là không.

Căn trần đều thoát
Chân tánh chiếu soi
Đầy đủ tịnh pháp
Thường hằng bất biến
Chân tịnh vi diệu
Không thể nghĩ bàn
Không tướng phân biệt
Diệu dụng vô cùng
Trú tại tánh không
Thiết lập chánh pháp
Là thiện tri thức.

Chương XIII

ĐẠO KHÔNG THUỘC TU

Bản chất Phật tánh
Vốn có đầy đủ
Vốn là thanh tịnh
Không do tạo tác
Không có thứ lớp
Không dựa tu trì
Không đợi tu thành
Thể tính như như
Muôn đức viên mãn
Biết rõ nguyên lý
Không nên khởi tâm
Mong cầu chứng đắc
Nhưng đối các duyên
Tâm không dính mắc
Không để ô nhiễm
Không pháp để đắc
Không hạnh còn tu
Là đạo vô thượng
Đâu dụng lao nhọc.

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHƯ

Ngôn ngữ tư duy
Dùng tâm dùng lực
Tạo pháp hữu vi
Khởi tâm cầu đạo
Bao kiếp trần lao
Giữ thiện bỏ ác
Quán không nhập không
Có tu có chứng
Đều là chướng ngại.
Lòng cầu chứng ngộ
Tự tánh Bồ-đề
Là còn chấp tướng
Chưa phải thật chứng
Tồn tại quan niệm
Thể nhập vào đó^[1]
Một niệm thô khởi
Ngàn dặm mây che
Mong muốn tìm cầu
Cho nên lạc lối
Lao nhọc bao kiếp
Cũng không đạt được.
Khởi công dụng tu
Theo thứ lớp chứng
Nhiều kiếp tìm cầu
Cũng khó thành đạt
Muốn rõ tâm này

1. Ý nói, thực chất thể của đạo là không có chỗ để nhập, rốt ráo không tính, chân như, vô tướng...

Muốn thấy tánh này
Tức là lạc vào
Đường tà điên đảo.
Do chưa liễu đạt
Bản chất tâm tánh
Giả lập tên gọi
Mộng huyễn chẳng thật
Nếu do tu thành
Thành rồi trở hoại
Nếu nói không tu
Tức đồng phạm phu
Còn tu còn thối
Buông thả càng đọa
Gấp cũng không thành
Chậm cũng không đạt
Tu học sai lệch
Sẽ gặp thất bại.
Siêng năng quán chiếu
Không thể bỏ qua
Niệm niệm vô tướng
Đương niệm vô niệm
Rốt ráo vô tâm
Nhất niệm hiện tiền
Không cầu không chấp
Không sanh không diệt
Niệm niệm vô vi
Đó là triệt để.
Chẳng tâm chẳng Phật

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Thân tâm đều không
Thanh tịnh sáng suốt
Đó là đại đạo.
Không còn khái niệm
Về việc tu trì
Vì trong thể tính
Thường hằng tự tại
Tùy thời tùy chốn
Tâm ý thành thoi
Tu mà không tu
Không tu mà tu
An trú thanh tịnh
Kiến tánh khởi tu
Xứng tánh khởi tu
Tự nhiên thành đạt
Như vậy là tu
Không thấy tướng tu.
Trong bốn oai nghi
Tĩnh giác chuyên cần
Trong thể thanh tịnh
Tùy thuận không nhiễm
Xa rời huyễn hóa
Không sanh thấy biết
Rời tâm ý thức
Thường trụ chánh giác
Chân trí thuần tịnh
Pháp thân tự hiện
Bản thể hiện tiền

ĐẠO KHÔNG THUỘC TU

Như vậy rõ nghĩa
Không tu không chứng
Không còn khái niệm
Phật và chúng sanh
Hiện tiền vắng lặng
Trở về chân nguyên.
Trong đệ nhất nghĩa
Không có mê ngộ
Mê ngộ đối đãi
Có mê nói ngộ
Nếu không có mê
Cũng không nói ngộ
Nói tu nói chứng
Cũng là hí luận.

Chương XIV

SIÊU VIỆT KIẾN GIẢI

Có ngôn giáo thuyết
Là biết Như Lai
Phương tiện khéo léo
Diễn đạt đạo lý
Giáo hóa chúng sanh
Mục đích chủ yếu
Đều là ly niệm
Qui về chân như.
Tất cả ngôn từ
Giả danh không thật
Tùy theo thế tục
Giải trừ mê hoặc
Nhân bệnh cho thuốc
Mà có ngôn từ
Tất cả các pháp
Ngôn ngữ diễn đạt
Không thể đến được.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Tất cả ngôn từ
Ở trong các pháp
Cũng không chân thật
Văn tự tánh không
Cần lia văn tự
Chỉ nương vào đó
Triệt ngộ tự tâm.
Biết nhiều giải nhiều
Chạy theo văn tự
Trở thành chướng ngại
Tham cầu kiến giải
Tâm chấp thấy biết
Lại thành mê đạo
Tự cho hiểu pháp
Nuôi lớn ngã mạn
Có năng có sở^[1]
Đều là phàm phu.
Chỉ dựa danh số^[2]
Phiền não không buông
Giải nghĩa càng nhiều
Ngã kiến càng lớn
Chưa thật chứng ngộ
Đều là độc dục.
Y văn kiến giải

1. *Có năng có sở*: tức là còn tướng đối đãi không phải chân thật.

2. Căn cứ vào danh số, y theo danh tự định nghĩa diễn bày ý nghĩa Phật pháp.

Thuộc tướng sanh diệt
So đo phân biệt
Đều là thấy biết
Của hàng phàm tình
Tình sanh trí cách^[1]
Kiến giải càng nhiều
Càng xa đạo lý
Phàm có ngôn từ
Đều không thật nghĩa
Theo văn giải nghĩa
Oan ba đời Phật
Xa rời kinh giáo
Thì như ma thuyết.
An tịnh chấp không
Thánh hiền đã bỏ
Biết nhiều cuồng giải
Là điều Phật trách
Tâm chương trích cú
Đâu sanh chánh định
Thấy biết phân biệt
Sao sanh diệu trí?
Bám chặt ngôn từ
Càng thêm hư vọng
Chấp cho là thật
Không rõ phương tiện
Tâm tướng phàm thánh

1. Tâm niệm phàm tình chấp trước khởi lên thì xa rời trí chân thật.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Đều lạc pháp trần
Nội tâm chấp trước
Thành pháp sanh diệt.
Có tâm phân biệt
Thì sanh cảnh tướng
Chỉ là mộng huyễn
Không phải chân thật
Việc dùng ngôn ngữ
Phá chấp ngôn ngữ
Phương tiện ngôn từ
Để chỉ nghĩa lý
Đạt nghĩa lia ngôn^[1]
Nghĩa tức là không
Không tức là đạo.
Chứng đạt chân thật
Không còn chấp quán
Từ đó thâm nhập
Chân thật dụng công
Cắt dòng kiến giải
Không còn vướng mắc
Trong tánh thanh tịnh
Lìa xa suy lường
Ngôn ngữ động tịnh
Lý sự nhất như
Thấy nghe giác biết
Đều là thanh tịnh.

1. *Lia ngôn*: xa rời ngôn ngữ diễn đạt, vì ngôn ngữ chỉ là công cụ mà thôi.

Trong mọi thời khắc
Tâm không nắm bắt
Tâm cảnh đều tịnh
Tâm tánh hiển bày
Từ xưa đến nay
Hoàn toàn trong sạch
Chiếu soi cùng khắp
Định tuệ viên dung
Phá sạch vọng chấp
Thể tính trùm khắp
Đầy đủ muôn đức
Chứng nhập thật trí.

Chương XV

LÀ VỌNG CHẤP

Không chấp hai bên
Thường và vô thường
Tịnh và bất tịnh
Không và bất không
Thật tướng các pháp
Vốn là như mộng
Cho nên các pháp
Không tướng nghĩ bàn.
Tất cả các tướng
Pháp cấu pháp tịnh
Chúng sanh Niết-bàn
Không còn khởi niệm
Với lòng mong cầu
Để độ để chứng
Không thấy một pháp
Lập nên hay phá
Tướng thành tướng hoại

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Hoặc ích hoặc tổn
Không thấy một pháp
Sanh diệt tăng giảm
Không thấy tương ứng
Hoặc không tương ứng
Không tướng để lập
Không tên để đặt
Không chấp các pháp
Tướng vốn hư huyền.
Quán không các pháp
Tính của chân như
Vì tính các pháp
Vốn đã chân thật
Tự tánh chân như
Thanh tịnh sáng suốt
Phi tướng phiền não
Hay không phiền não
Phi tướng có thiện
Hay tướng không thiện
Phi tướng tịch tịnh
Hay không tịch tịnh
Phi tướng có ngã
Hay không có ngã
Phi tướng xa rời
Và chẳng xa rời
Phi tướng biết khắp
Và không biết khắp
Không nói hết nghĩa

Dứt tướng ngôn từ.
Xả ly tất cả
Trong ngoài thân tâm
Thấy nghe giác biết
Ý thức sanh diệt
Cảnh thiện cảnh ác
Phân biệt suy lường
Bồ-đề Niết-bàn
Chân như giải thoát
Phàm tình thánh giải
Tâm niệm vướng mắc.
Xa rời tâm niệm
So đo chấp trước
Như từ đỉnh cao
Xả thân lao xuống
Buông bỏ sanh mạng
Lòng không sợ hãi
Rơi vào rỗng không
Không chỗ bám víu
Thanh tịnh hiển bày
Thân tâm an lạc
Thoát ly căn trần
Năng sở đều mất
Ba thời đều xả
Tâm như hư không
Cùng tận pháp giới
Đều là giác tánh
Vạn vật hiện tượng

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Chẳng ngoài tự tâm
Chẳng phải là không
Nhưng từ không hiện.
Dòng thức thứ bảy^[1]
Mạt-na vô minh
Nay đã tử vong
Pháp thân thanh tịnh
Tự tánh quang minh
Đến nay hiển bày
Soi sáng rõ ràng
Thấy biết cùng khắp
Trùm cả thái hư
Không có giới hạn
Không chấp vào có
Chẳng chìm tại không
Không lạc vô kí^[2]
Chẳng chấp đoạn diệt.
Nếu tâm khởi vọng
Tức thời nhiếp lại
An trú chánh niệm
Thể chân như này
Vốn là như thế
Vì tất cả pháp
Đều là chân như

1. Thất thức tức chỉ thức thứ bảy hay còn gọi là mạt-na thức, tánh của nó chấp ngã, chướng ngại tánh đức giải thoát.

2. Vô kí, tức chỉ trạng thái tâm lý chẳng thiện chẳng ác, lòng dạ mơ hồ.

Không thể thiết lập
Vi tất cả pháp
Vốn là thanh tịnh
Các pháp đối đãi
Phàm phu thấy hai
Người trí thông đạt
Tánh đó không hai
Tánh vốn không hai
Tức là thật tánh.
Dẹp bỏ phàm tình
Không còn kiến giải
Tức là thánh nhưn
Nếu khởi kiến giải
Phân biệt danh tướng
Tức là không thấy
Thật tướng các pháp.
Do có bất giác
Sanh tâm vọng tưởng
Nên nói chân giác
Nếu rời bất giác
Không còn chân giác
Không tướng để nói.
Không còn năng sở
Là hạnh của Phật
Lìa xa là pháp
Biết lìa là Phật
Nếu ly tại niệm
Gọi là đặc nhập

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Thoát ly ngôn từ
Nóng lạnh tự biết
Trong mọi thời khắc
Tự tánh như như
Niệm niệm không sanh
Tâm thường tự tại
Uế tịnh đều như.
Lấy đệ nhất nghĩa
Trang nghiêm thân tâm
Đó là Bồ-tát
Tu hành Bát nhã
Ba la mật đà.
Kinh *Viên giác* dạy:
Muốn hành viễn ly
Tất cả huyễn hóa
Cảnh giới hư vọng
Thì siêng năng trì
Tâm niệm viễn ly.
Tâm như huyễn hóa
Cũng lại viễn ly
Viễn ly là huyễn
Cũng phải viễn ly
Tướng rời viễn ly
Cũng phải viễn ly
Đạt không chỗ ly
Tức trừ các huyễn
Các huyễn diệt tận
Phi huyễn hằng còn.

Chương XVI

VÔ NIỆM VÔ TRỤ

Tâm thể vô niệm
Niệm do tưởng sanh
Tưởng này hư vọng
Lưu chuyển sanh tử
Thường quán vô niệm
Là hương Phật trí.
Quán vô niệm là
Dứt bỏ vạn duyên
Một niệm không sanh
Xả ly là giác
Một niệm đã dừng
Thẳng đến vô sanh
Một niệm nhiều kiếp
Nhiều kiếp một niệm^[1]
Dài ngắn do tâm
Ba thời bình đẳng.

1. Ý nói là thời gian không có tự tính, thời gian là quy ước từ vọng tưởng của nhân loại.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Yếu chỉ nhất thừa
Vô niệm làm tông
Vô trụ làm bản
Chân không là thể
Diệu hữu là dụng
Tùy tâm khởi niệm
Tất cả các pháp
Đều từ duyên sanh
Không có tự tính
Biết tất cả pháp
Huyễn hóa không thật
Sáu căn không nhiễm
Đối cảnh thanh tịnh
Không chấp không nhiễm
Niệm niệm không trụ
Trong mỗi niệm niệm
Tự thấy bản tính
Thanh tịnh không nhiễm
Tức là tu hành.
Lìa tâm mà chiếu
Chẳng niệm mà biết
Tự nhiên được nhập
Tâm thể thanh tịnh
Biết sanh không sanh
Biết vọng không vọng
Giác tâm không tâm
Không kẹt tướng không
Tức niệm không niệm

Tức định không định
Tức huệ không huệ
Tức hành không hành
Bồ-đề không đắc
Bát nhã không tướng
Niệm niệm không mê
Tâm không tâm sở
Tâm không chỗ trụ
Tức không có tâm
Chẳng phải không tâm
Có không đều không.
Thân tâm đều hết
Ngã pháp thể không
Xa lìa vạn cảnh
Vạn cảnh như như
Hợp thể nhất như
Thể ấy chiếu soi
Thanh tịnh khắp nơi
Lấy tịch làm thể
Thể chính là không
Rộng lớn vô cùng
Thông suốt pháp giới
Tức được tùy thuận
Nhập vào chân như.
Chân như vô niệm
Vượt tâm thấy biết
Thật tướng chân không
Thức không thể đạt

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Có tướng tịch lặng
Tức là tác ý
Chấp thủ u nhàn
Sẽ lạc pháp trần.
Xa rời hí luận
Vượt ngoài vọng thức
Như như bất động
Động dụng vô cùng
Dụng mà thường không
Không mà thường dụng
Đi đứng ngồi nằm
Tâm không khởi diệt
Trong mọi thời khắc
Hoàn toàn thanh tịnh.
Vọng dứt sanh tịnh
Tịnh sanh trí hiện
Trí sanh xả tịnh^[1]
Thật tướng giác ngộ
Bồ-đề tâm sanh
Sanh diệt tâm diệt
Sanh diệt đều hết
Đắc đại giải thoát
Tự do tự tại
Cùng khắp mọi nơi
Vạn đức đầy đủ
Diệu dụng vô cùng.

1. Ý đây là trí tuệ sanh khởi phát sanh đại dụng, xả bỏ trạng thái an trú tịch tịnh của hàng nhị thừa.

Chương XVII

NHẤT TƯỚNG BÌNH ĐẲNG

Tánh không duyên khởi
Muôn ngàn sai biệt
Tánh không duyên khởi
Một thể tịch tịnh
Hư không vạn hữu
Huyền tướng tuy khác
Bản thể chân như
Thật không sai biệt
Các uẩn khác nhau
Chỉ một tướng không.
Cấu tịnh là hai
Tánh nó không hai
Pháp giới chân tịnh
Tánh tướng bình đẳng
Tất cả các pháp
Đồng một thể tính.
Hư không đại địa
Hữu vi vô vi
Lục đạo ba cõi
Các pháp nhiễm tịnh
Căn bản ly tính

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Xưa nay vắng lặng
Rốt ráo một tướng
Sánh như hư không
Vốn tự giải thoát
Xưa nay thanh tịnh
Rốt ráo bình đẳng
Không có cao thấp
Tất cả thế gian
Các pháp trong đó
Đều là Bồ-đề.
Chân tâm diệu minh
Đều là chân như
Diệu tánh nhất tâm
Tánh năng hiện pháp
Tánh năng dung tướng
Y thể khởi vọng
Không sanh mà sanh
Nhiếp dụng quy thể
Sanh mà không sanh
Bản giác diệu minh
Các pháp nương tựa
Tướng tuy sai biệt
Thể nó là một.
Thanh trước tuy khác
Tánh nó không hai
Cùng thể chân như
Mà thành các tướng
Dung hợp các pháp

NHẤT TƯỚNG BÌNH ĐẰNG

Nguyên một chân như
Tánh đức vô tận
Trú trong các tướng.
Hội tướng quy tánh
Tánh tướng như như
Một tức tất cả
Tất cả trong một
Trong tất cả pháp
Không thấy hai tướng
Vạn pháp bình đẳng
Tuy là một tướng
Tính tướng nhất như
Thể dụng không hai.
Không tướng thường biến
Đồng với thực tướng
Tướng vốn sai biệt
Không thể suy lường
Chỉ tâm ấn tâm
Như không hợp không
Tịch chiếu rõ ràng
Động tịnh vô ngại
Vô niệm mà niệm
Niệm vốn là không.
Không pháp có pháp
Pháp vốn thanh tịnh
Vốn không vốn tịch
Ứng dụng cũng không
Pháp không thấy pháp

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Pháp không nghe pháp
Pháp không hiểu pháp
Pháp không biết pháp
Không nhập vào không
Tịch không nhập tịch
Pháp tánh bình đẳng
Không thấy bình đẳng^[1]
Xưa nay không cùng
Hí luận không đạt
Không đạt lý tánh
Chân lý không hiện.
Giải thoát Niết-bàn
Tức đồng pháp thân
An trú trong đó
Tịch tịnh an lạc
Chân như thanh tịnh
Tuyệt đối bình đẳng
Vạn pháp một tướng
Hoàn toàn thanh tịnh
Không sanh không diệt
Chẳng có chẳng không
Lưu xuất không nhiễm
Ngược dòng ô nhiễm
Không đến không đi
Thường trụ bất biến
Xa rời đối đãi

1. Bình đẳng nhưng không thấy tướng bình đẳng, tánh nó vốn như vậy.

NHẤT TƯỚNG BÌNH ĐẲNG

Không trụ phược thoát^[1].

Cảnh giới chư Phật

Cảnh giới chúng sanh

Cội nguồn các pháp

Đều đồng hư không.

Tất cả chúng sanh

Từ xưa tới nay

Từ vô thủy đến

Không nhận tâm này

Sao tỏ chánh đạo

Điên đảo chấp tướng

Vọng sanh kiến giải

Mê lầm sanh diệt

Tăng thêm ác pháp

Niệm khởi pháp sanh

Nhập vào trần lao

Giống như bệnh mắt

Thấy tướng không hoa^[2]

Nhân không chân thật

Thọ quả sai biệt

Không y chánh kiến

Tạo tác không thật

Tự cho tu hành

Vẫn còn tạo nghiệp.

1. *Không trụ phược thoát*: siêu việt đối đãi trói buộc và giải thoát.

2. Ý này là nói khi con mắt bệnh thì mới thấy hoa đốm giữa hư không, kỳ thực tướng hư không trống rỗng.

Chương XVIII

ĐỊNH HUỆ VIÊN DUNG

Quán sát vạn pháp
Duyên khởi tánh không
Một tướng bình đẳng
Không lạc hai bên
Một niệm không sanh
Tâm cảnh vô ngại
Tùy phân biệt trí
Ứng dụng tự tại.
Vạn duyên đều xả
Mới thật bố thí
Thanh tịnh không nhiễm
Gọi thật trì giới
Không tùy không hoại
Mới là nhẫn nhục
Niệm niệm không vọng
Mới thật tinh tấn
Chiếu soi không động
Mới là thiên định

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Quán chiếu rõ ràng
Gọi là trí tuệ.
Sáu pháp^[1] một thể
Tam học^[2] đầy đủ
Vạn pháp viên dung
Chiếu soi thường tịch
Trong định có tuệ
Trong tuệ có định
Định tuệ đầy đủ
Thể dụng tự tại
Định là tuệ thể
Tuệ là định dụng
Từ định sanh tuệ
Tuệ quy về định
Ngay trong tướng tuệ
Định tức tại tuệ
Ngay trong tướng định
Tuệ tức tại định
Nghĩa này chính là
Định tuệ viên dung.
Nhiếp tâm an định
Pháp tánh vắng lặng
Tịnh năng phát trí
Pháp tánh thường chiếu

1. *Sáu pháp* (Lục độ): bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tin tấn, thiên định và trí tuệ.

2. *Tam học*: ở đây nói đủ là Tam vô lậu học, tức giới, định và tuệ.

Định nhiều tuệ ít
Không là vô minh
Định ít tuệ nhiều
Tăng thêm tà kiến
Có tuệ không định
Tâm sanh loạn động
Sanh nhiều suy tưởng
Lạc vào cuồng tuệ.
Có định không tuệ
Trầm lặng vô ký
Dễ nhập hôn ám
Dễ lạc không định
Tịch^[1] phá tán loạn
Tĩnh^[2] trị hôn trầm
Tịch sanh hôn trầm
Tĩnh sanh tán loạn.
Cố chấp mất chiếu^[3]
Tịch chiếu thông suốt
Chấp sanh mê lầm
Liễu tri^[4] trừ chấp^[5]
Tức chẳng chấp không^[6]

-
1. *Tịch*: an tịnh, vắng lặng
 2. *Tĩnh*: thông minh, tỉnh táo, hoạt dụng.
 3. *Chiếu*: quán chiếu, soi tỏ
 4. *Liễu tri*: quán chiếu tỏ rõ mọi diễn biến của tâm.
 5. *Chấp* (ngoaan): cố chấp, chấp trước.
 6. *Chấp không*(ngoaan không)

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Thì lia đoạn diệt
Tánh giác hiện tiền
Soi sáng khắp nơi
Một niệm không sanh
Chiếu soi rõ ràng
Vẳng lặng sáng suốt
Tịch mà thường chiếu
Khi đối vạn duyên
Không trụ vào tướng
An trú tự tính
Tâm thường tịch tịnh
Như như bất động
Duy trì không mất
Chiếu không ly tịch
Tịch không ly chiếu
Chiếu mà thường tịch
Tịch mà thường chiếu
Thường tịch thường chiếu
Gọi thường tịch quang.^[1]

1. Theo tác giả Trương Thường Đức trong tác phẩm “Trung Quốc Nhân Thị Chân Đích” Đại Lục Bản, quyển 1 tr.387, giải thích rằng: “Ly sanh diệt gọi là thường, sạch hết phiền não gọi là tịch, vĩnh viễn đạt trí tuệ tối cao, thường và tịch hợp nhất gọi là thường tịch quang.”

Chương XIX

GIẢI THOÁT DO TÂM

Liễu đạt các pháp
Là như mộng huyễn
Vô y vô trụ^[1]
Không thủ không xả
Vốn không trói buộc
Vốn là giải thoát
Đối cảnh vô tâm
Lợi suy hủy dự
Xưng cơ khổ lạc^[2]
Không bị trói buộc
Tám ngọn gió độc
Tâm luôn bất động
Gọi là Như Lai.

1. Không nương tựa bất cứ một pháp nào gọi vô y, không chấp trước vào tướng duyên khởi gọi vô trụ.

2. Tám điều này gọi là bát phong: lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc. Nghĩa là: lợi lộc, mất mát, hủy báng, danh dự, khen ngợi, chê trách, khổ sâu, sung sướng.

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

Niệm niệm không trụ
Tức không trói buộc
Vô tâm chính là
Giải thoát triệt để
Chấp tức phiền não
Ly tức Bồ-đề
Thành tướng tức tâm
Ly tướng tức Phật
Không tâm không cảnh
Ly cảnh không tâm
Trói buộc do tâm
Giải thoát do tâm
Trói buộc giải thoát
Đều từ tâm này.
Chẳng chỗ nào khác
Nước trong trăng hiện
Tâm tịnh Phật hiện
Tánh giác diệu minh
Vốn là thanh tịnh
Thường ngày tùy duyên
Chớ khởi phân biệt
Tâm cảnh nhất như
Chánh trí chiếu soi
Trong mọi động tác
Tâm thường tỉnh giác
Đạt lý dứt tình
Trí tuệ giác ngộ
Thường cùng pháp tánh

Tương ứng tương hợp.
Lộ trình giải thoát
Chính là quán tâm
Quán tâm thành tựu
Thông đạt tất cả
Tâm không chỗ trụ
Không buộc không thoát
Vô biên tự tại
Tâm tánh khai thông
Đó là ra khỏi
Căn nhà ba cõi^[1]

1. Nguyên văn là *Tam giới chi gia*. Căn nhà ba cõi là ẩn dụ chỉ cho ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới ở trong căn nhà lửa của tham, sân và si.

Chương XX

THẬT NGHĨA TINH TẤN

Tất cả mọi thời
Luôn giữ chánh niệm
Chuyên chú tại tâm
Liên tục tinh tấn
Gặp lúc ăn uống
Tâm không chấp trước
Đi đứng đó đây
Thong dong tự tại
Nhìn như không thấy
Nghe như không nghe
Không màng ăn ngủ
Dốc chí tu hành
Buông xả vạn duyên
Dứt bỏ phân biệt
Chuyên tâm chánh niệm
Việc gì cũng thành.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Giống như nấu trà
Thổi lửa quá yếu
Lúc đỏ lúc tắt
Nước không thể sôi
Thổi lửa mạnh thêm
Ngọn lửa liên tục
Không cho gián đoạn
Thì nước mau sôi.
Như gà ấp trứng
Liên tục giữ ấm
Tự chứng thánh trí
Cũng lại như thế
Quý trọng tâm hành
Không từ miệng nói
Luôn tự sửa mình
Niệm niệm tương tục
Quán chiếu sâu sắc
Để đạt mục đích
Trong cả mọi thời
Chánh niệm hiện tiền
Đi đứng quán không
Thể nhập tự tánh
Nhãn nhục tinh tấn
Lòng dạ bền bỉ
Chứng đạt giác ngộ
Như trở bàn tay.
Vô tư vô niệm
Bất sanh bất diệt

Đoạn tận phiền não
Tâm tánh bình đẳng
Chánh niệm ly vọng
Lòng không tự mãn
Cũng không thối tâm.
Nỗ lực tu trì
Tinh tấn miên mật^[1]
Niệm niệm không trụ
An trú liên tục
Càng thêm tinh tấn
Quán chiếu rõ ràng
Đạt đến vi tế
Tịch mà thường chiếu
Khi đủ nhân duyên
Bỗng nhiên thông suốt
Vô minh dứt sạch
Thân tâm đều tịch
Thoát ly năm uẩn.

1. Dụng công quán chiếu tu niệm không gián đoạn.

Chương XXI

TÁNH NHƯ HƯ KHÔNG

Vạn hữu như huyễn
Không buộc không thoát
Tâm tánh vắng lặng
Thân tâm không tướng
Xa rời tướng niệm
Sánh như hư không
Pháp thân thanh tịnh
Không hai không khác
Đại đạo vô biên
Không tướng suy lường
Bao trùm khắp nơi
Pháp giới bình đẳng
Tịch chiếu vô niệm
Hàm chứa vạn tướng
Soi sáng vạn pháp
Dụng lớn vô cùng
Như mặt trời lớn
Thường tại không trung
Chiếu khắp mười phương

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Không có chướng ngại.
Như kính soi hình
Không có dính mắc
Như nước trong veo
Hiện rõ cảnh tượng
Thể chiếu vốn không
Năng hiện ảnh vật
Tâm thể sáng suốt
Chiếu soi bất động
Vô tâm phản chiếu
Chiếu mà thường không
Không chấp cảnh vật
Tánh thường sáng suốt
Thường khởi tác dụng.
Giống như gương sáng
Phản chiếu rõ ràng
Tất cả cảnh vật
Gặp hình hiện bóng
Tâm tính rộng lớn
Biến khắp pháp giới
Chiếu soi rõ ràng
Thấy biết cùng khắp
Đến đi tự tại
Thể tâm vô ngại
Tánh giác tròn đầy
Khởi tâm tác dụng
Gọi đó là tâm.
Như một niệm khởi

TÁNH NHƯ HƯ KHÔNG

Chẳng phải ở giữa
Chẳng phải trong ngoài
Không rời ở giữa
Không rời trong ngoài
Giống như hư không
Bình đẳng bất động
Giác tánh biến khắp
Pháp giới thanh tịnh
Không còn chướng ngại.
Hư không vô biên
Tánh giác hiển bày
Bao hàm hư không
Phổ khắp pháp giới
Hư không rộng lớn
Không sánh giác tánh
Giống như đám mây
Không sánh hư không
Như một bọt nước
Không sánh biển lớn.
Nếu như muốn biết
Cảnh giới chư Phật
Thanh tịnh tâm ý
Tánh thường rộng lặng
Xa rời vọng tưởng
Cùng các chấp trước
Khiến tâm thông đạt
Tất cả vô ngại.

Chương XXII

TÂM CỦA BẠC THÁNH

Nếu có thấy biết^[1]
Còn chỗ không biết
Tâm của bậc thánh
Lìa xa thấy biết^[2]
Nên gọi bất tri^[3]
Tự tính bất tri^[4]
Thấy biết tất cả
Là tâm bình đẳng.
Tâm ấy thanh tịnh
Nên rất sáng suốt

1. *Thấy biết*: tri kiến phân biệt, còn có tướng đối đãi chấp trước, không phải sự thấy biết của bậc thánh giải thoát.

2. *Lìa xa thấy biết*: tức dứt đi động niệm chấp trước vào kiến giải và tâm phân biệt.

3. *Bất tri*: tức vô tri, đồng nghĩa vô tâm, đó là tâm không nên diệu dụng cùng khắp, thấy biết cùng khắp nên nói: “Vô sở bất tri”, tức không chỗ nào mà không biết, đó là sự thấy biết chân thật, trọn vẹn của bậc thánh giải thoát.

4. *Nguyên văn*: “Bất tri chi trí”. *Bất tri* là thể, *chi tri* là dụng. Nghĩa là theo thể mà khởi dụng.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Thường ngày thấy biết
Không thấy cái biết^[1]
Tự tính vốn không
Vốn lia ngôn giáo^[2]
Thực chất không tánh
Không tướng chứng đắc^[3]
Dùng tâm phân biệt^[4]
Biết có thể tính
Còn có nhờ duyên
Không phải thật trí.
Tự tánh biết tịch^[5]
Không do năng tri
Không do sở tri
Mà lập cái biết
Tự tánh không phải

-
1. Vì tự tánh đầy đủ sự thấy biết rồi, không còn có cái thấy biết do từ năng sở mà lập nên.
 2. Nghĩa này: vì không chính là tự tính, không thể dùng ngôn từ diễn đạt được, kinh giáo, thuyết giảng chỉ là phương tiện như ngón tay chỉ mặt trăng, thực chất ngón tay không phải là mặt trăng.
 3. Nghĩa này: tự tính không thì không tướng chứng đắc, vì năng chứng hay sở chứng đều không hợp nghĩa chân không.
 4. Nguyên văn: dĩ tri tri tịch. Dĩ tri có nghĩa là lấy cái trí phân biệt mà biết có thể tánh (tri tịch); tịch là đồng nghĩa bản thể, không tính... Cái biết đó là nhân duyên chứ không phải cái biết của tự tánh thanh tịnh.
 5. Nguyên văn: “Bất tri tri tịch”. Bất tri là tự tánh thanh tịnh; tri tịch là biết tự tâm tịch diệt, thanh tịnh. Tóm lại, tự tánh thanh tịnh đầy đủ mà biết nên gọi là bất tri tri tịch.

Sự vật vô tri.^[1]
Chánh trí xuất hiện
Pháp giới vô sanh
Bồ-đề tâm sanh
Dứt trí phân biệt
Nhất niệm hiện tiền
Đó là Như Lai
Không nên nói rằng
Có đặc Như Lai^[2]
Không nên nói rằng
Có đặc Bồ-đề^[3]
Khác gì năng kiến
Lập thêm sở kiến
Ví như trên đầu
Lại đặt thêm đầu^[4]
Đem tâm tìm tâm
Tức là nhận sai
Về cảnh hiện lượng

-
1. Cái vô tri là vô phân biệt trí, phát sanh cái biết từ cái dụng tự tánh, không phải vô tri như cỏ cây, đất đá...
 2. Ý nói, vì vốn có bản tâm thanh tịnh rồi, đó chính là Như Lai, không nên nói có tướng đặc Như Lai.
 3. Vì tự tâm vốn thanh tịnh là Bồ-đề rồi, Không nên nói có tướng đặc Bồ-đề
 4. Luận giả dùng thuật ngữ nguyên văn: “Đầu thượng an đầu”, chỉ nghĩa vô ích. Pháp dụ là tâm tánh thanh tịnh đầy đủ sự thấy biết chân thật, không cần lập tri kiến, năng sở, phân biệt đối đãi, vì như vậy khác nào đem tâm mà tìm tâm.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Càng bị chôn sâu
Vào hố ngã kiến.^[1]
 Biết tức là tâm
Tâm tức là biết
Chẳng có năng biết
Lập cái sở biết
Thấy tức là tâm
Tâm tức là thấy
Chẳng có năng thấy
Lập cái sở thấy.
Chẳng do tâm biết
Chẳng do tâm thấy
Dao không thể nào
Tự cắt thân dao
Tay không thể nào
Tự xúc chính tay
Đúng vào thời nào
Hiện lên pháp đó
Ngay niệm hiện tại
Không có hai tướng.
Chứng ngộ không tịch^[2]
Không chấp không tịch
Tự tánh vô tri^[3]

1. *Ngã kiến*: sự thấy biết sai lầm của trí phân biệt, tâm chấp ngã.

2. *Không tịch* chỉ cho bản thể chân không tuyệt đối.

3. *Tự tánh vô tri*: Tự tánh thanh tịnh, không có tri kiến phân biệt nên gọi vô tri, cho nên tri và tịch vốn không có hai.

Tri tịch không hai
Tâm không chỗ trụ
Thể trí không chấp
Tự nhập tánh không.
Giác không chỗ đắc
Giác đến trọn vẹn
Là chỗ vô đắc^[1]
Không có tướng giác
Không còn năng giác
Và tướng sở giác
Khác với gỗ đá
Vô tình vô tri.
Năng sở không còn
Tâm sạch tướng chấp
Tâm tánh không tịch^[2]
Thể tính chân thật
Sanh diệu dụng trí
Không như gỗ đá
Vô tình vô tâm.
Trong pháp nhân duyên
Khởi lập quan niệm
Không thấy thực tướng
Lại rời thể tính
Chướng ngại giác ngộ.

1. Câu này nghĩa nó là giác chân thật là cái giác đến trạng thái vô sở đắc.

2. Nghĩa này tâm tánh thanh tịnh hợp với không tánh.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Sáu căn không nhiễm
Sáu thức không sanh
Thanh tịnh chân như
Chiếu sáng vô cùng
Trí tuệ chân thật
Pháp thân không tướng
Chính là thực tướng
Trí không phân biệt
Nguồn tâm vốn tịnh
Dứt vọng tánh hiện
Vô niệm quán chiếu
Biết từ thể tính
Phật thường hiện tiền.
Thấy lia hai bên^[1]
Thấy khắp mười phương
Nghe không năng sở^[2]
Thông suốt không ngại
Chánh niệm hiện tại
Toàn do tính thấy
Trú tính chân như
Ngay khi đang nghe
Toàn do tính nghe
Thể dụng tương ứng.
Do phân biệt biết

1. Cái thấy biết lia chủ thể và đối tượng, không có hai tướng, như năng sở, sanh diệt..

2. *Năng sở*: chỉ phạm trù đối đãi, năng nghe và sở nghe.

Khởi niệm kiến giải
Với sự giác ngộ
Không thể tương ưng
Nếu lia tự tánh
Khởi trí phân biệt
Thì đó chính là
Cái gốc vô minh.
Trực nhận chân tâm
Không lập kiến giải
Chính là Niết-bàn
Diệu dụng thể trí
Cái biết cùng khắp
Trực nhận chân trí
Siêu việt cái thấy
Thấy khắp mọi nơi.
Trí không sanh diệt
Đó là Niết-bàn
Thanh tịnh Niết-bàn
Chính là trí tuệ.
Tâm không phân biệt
Đầy đủ diệu dụng
Thấy biết rõ ràng
Mà không dao động
Thể tâm thanh tịnh
Phát sanh diệu dụng
Không còn trạng thái
Vọng tưởng mê mờ
Thường hằng tỉnh giác.

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

Cái biết rõ ràng
Là do tính biết
Chính cái biết này
Mâu nhiệm vô cùng
Tâm lìa kiến chấp
Trí tuệ quang minh
Biến khắp pháp giới
Không sanh không diệt.
Như gương có bụi
Cảnh vật không hiện
Chúng sanh tâm nhiễm
Pháp thân không hiện.
Thanh tịnh Niết-bàn
Siêu việt thấy biết
Còn cảnh còn trí^[1]
Chẳng phải Phật trí
Chánh niệm quán sát
Đệ nhất nghĩa không
Là thấy chân thật
Lìa tướng quán chiếu
Tánh như hư không.
Tâm có chỗ đặc
Và không chỗ đặc
Tướng có và không
Đều không thực tại.
Có tướng tu hành

1. Trí ở đây là trí phân biệt, sanh diệt.

Và không tu hành
Đều không chấp trước
Chư Phật Như Lai
Hết thấy hữu tình
Rốt ráo là không.
Tất cả các pháp
Hết thấy vô tình
Rốt ráo là không.
Kinh *Nhân vương* dạy:
Khi chưa thành Phật
Thấy biết phân biệt
Là không chánh kiến
Chỉ bậc giải thoát
Đầy đủ trí tuệ
Thấy đúng như thật
Gọi là chánh kiến.

Chương XXIII

THƯỜNG GIỮ CHÁNH NIỆM

Từ xưa đến nay
Mọi sự mọi vật
Chỉ do duyên khởi
Do tâm thức biến
Sự vật mộng huyễn
Sanh diệt vô thường
Như bọt nước trôi
Như chớp lửa qua
Vốn chỉ là không
Vốn không thực tại
Nhân không pháp không
Vạn pháp bình đẳng
Tùy duyên đối cảnh
Tâm không vướng mắc
Thường niệm xả ly
Rỗng như hư không.
Như gương soi vật
Tùy duyên hiện bóng

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Đến không sắp đặt
Đi không lưu giữ
Không lạc mê cảnh
Niệm không trói buộc.
Tự tánh thanh tịnh
Không thuộc duyên sanh
Không ly duyên sanh
Không trụ pháp nào
Không niệm phân biệt
Không lập năng thấy
Không ngại pháp nào
Không giữ không xả
Không tham không mê
Không niệm chấp trước
Không theo duyên biến
Không hoại pháp tu
Không lập các pháp
Không thọ pháp nào
Giữ tâm bất động
Không tướng đoạn trừ
Không nhân không ngã
Không mê không tán
Chỉ giữ sáu thức
Thoát ly căn trần
Không bị tạp nhiễm
Chánh niệm hiện tiền

THƯỜNG GIỮ CHÁNH NIỆM

Trú vô sở đắc^[1]
Niệm niệm tỉnh giác.
Tánh vốn thanh tịnh
Không chấp tướng quán
Không chấp tướng tịnh
Không bị pháp buộc
Không theo cảnh chuyển
Tâm tánh tự tại
Tùy duyên vô ngại
Mọi nơi mọi chốn
Chân tâm thường tịnh
Động tịnh nhất như
Tánh vốn vô ngại
Tịnh quán pháp huyễn
Không niệm phân biệt
Tâm thường bất động
Tùy theo các duyên
Không bị chướng ngại
Tâm địa sáng suốt
Diệu dụng vô cùng.
Khi dụng công tu
Như người ngu dại
Tâm thường an định
Người chưa tu tập
Biết mình hay không
Lòng không quái ngại

1. Trú vô sở đắc là tâm không chỗ trụ, tự tại vô ngại.

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

Ứng dụng sáu căn
Không nhiễm vạ cảnh
Các pháp sanh diệt
Không nhiễm vào tâm
Giống như hư không
Dung đủ cảnh vật
Đối các cảnh giới
Tâm không phân biệt
Chân tánh thường trụ
Linh diệu sáng suốt
Tu hành kiến tánh
Thể nhập diệu tâm
Tâm tịnh hợp đạo
Hạnh giải tương ứng
Chuyên cần gìn giữ
Tức gọi bảo trì
An tịnh bên hồ
Hay ở gốc cây
Nuôi dưỡng thánh thai.^[1]
An trú thiền định
Từ giả nhập không
Quán tất cả pháp
Tự tánh không sanh
Pháp tánh thường trụ
Thể chứng không sanh
Dứt các hí luận

1. *Thánh thai*: chỉ gia đoạn đầu khi người tu kiến tánh.

THƯỜNG GIỮ CHÁNH NIỆM

Diệt nhân sanh tử.
Từ chơn xuất tục
Quán tất cả pháp
Nhân duyên hòa hợp
Nhân quả không mất
Khởi tâm từ bi
Giáo hóa hữu tình
Dứt nẻo khổ sầu
Sống vui chân thật
Năng lực nội chứng
Giải thoát sanh tử
Ngoài tu vạn hạnh
Phát tâm nguyện lớn
Đến tận tương lai
Dùng lực trí tuệ
Tùy thuận chúng sanh
Khuyến phát giác ngộ
An trú pháp lạc
Tức đạt giải thoát.
Thương xót chúng sanh
Thành tựu đại bi
Đó là công hạnh
Thành tuệ Bát nhã
Xa rời vọng kiến
Không trụ sanh tử
Khởi tâm đại bi
Không trụ Niết-bàn
Tự giác giác tha

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Bi trí song hành
Là hạnh của Phật
Nhập cảnh giới Phật
Phương tiện trí tuệ
Biết đời huyễn mộng
Thị hiện thế gian
Vô biên huyễn pháp.
Không rời phương tiện
Tất cả trí tuệ
Mà hiện thế gian
Tại cảnh mê lầm.
Không rời phương tiện
Siêu xuất thế gian
Mà hiện thế gian
Tại cảnh trói buộc.
Không rời phương tiện
Cảnh giới Bồ-tát
Hiện vào thế gian
Tại cảnh phàm phu.
Không rời phương tiện
Chân thật vô sanh
Mà hiện thế gian
Tại cảnh huyễn mộng.
Không rời phương tiện
Niết-bàn thanh tịnh
Mà hiện thế gian
Tại cảnh ồn náo.
Không rời phương tiện

THƯỜNG GIỮ CHÁNH NIỆM

Thiên định thâm sâu
Mà hiện thế gian
Tại cảnh rối rắm.
Không rời phương tiện
Một tướng bình đẳng
Mà hiện thế gian
Cảnh giới sai biệt.
Tất cả thế gian
Với mọi hoàn cảnh
Đối với Như Lai
Là cảnh chân thật
Không có sai biệt
Không có chướng ngại
Không có giới hạn
Không có suy lường.
Trong sự hiển lý
Tức sự tức lý
Tức giả tức không
Không tướng cách biệt
Trúc xanh hoa vàng
Chính là Bát nhã
Non xanh nước biếc
Đều là chân như
Diệu tánh chân như
Không bị trói buộc
Về tướng có không
Trong mọi sự vật.
Người trí chứng biết

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Mọi sự đều chân
Người mê không biết
Càng cầu càng xa
Niệm niệm hợp đạo
Mỗi niệm không sanh^[1]
Tâm thường thanh tịnh
Ứng dụng tự tại
Tâm thường an lạc
Tâm không chấp trước
Tiếp xúc vạn duyên
Đều là diệu dụng
Các pháp thế gian
Tức là Niết-bàn
Tức là chánh đạo
Mỗi pháp hiển bày
Tương ứng vô lậu^[2]
Đạt trí vô lậu
Ngay thân tâm này
Tự tại giải thoát
Tâm thường tịch diệt
Giác tánh hiện tiền
Tự nhiên thể nhập
Trí tuệ của Phật.

1. *Không sanh*: mỗi niệm đều hướng về vô sanh.

2. *Vô lậu*: trạng thái tâm không còn phiền não ô nhiễm.

Chương XXIV

NGĂN NGỪA MA CHƯỚNG

Bản thể chân như
Thoát ly căn trần
Căn trần tiếp xúc
Nên sanh tâm thức
Trong Định Hyện ra
Các cảnh giới lạ
Không ngoài vọng thức.
Nếu tâm nhiễm trước
Tức là cảnh chuyển
Ma nhập vào tâm
Rất nhiều ma sự
Nói không hết được
Đang tu thấy hiện
Yêu ma quấy phá
Các cảnh thuận nghịch
Mê hoặc tâm người
Phá hoại Chánh pháp
Khiến mất thiện căn

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Khởi dậy phiền não
Khiến tâm người tu
Tham dục sân hận
Ưu sầu sợ hãi
Tâm thần cuồng loạn
Nhập vào tà pháp
Thân tâm mắc bệnh.
Tâm và các cảnh
Đều là mộng huyễn
Nên biết duyên khởi
Vốn không thật cảnh
Phải liền nhiếp tâm
Kiên cố chánh niệm
Chuyên tâm nội quán
Tâm năng thấy biết
Vốn không xứ sở
Phiền não do đâu?
Phàm có các tướng
Đều là hư vọng
Trong tính thanh tịnh
Không có ô nhiễm
Ma không Phật không
Chớ có sầu lo
Mê muội khiếp đảm
Như như bất động
Giữ tâm an tịnh
Ma tự biến mất
Các bậc tu cao

Mới biết ma nhiều
Những loài ma mị
Năng lực có hạn
Niệm niệm tương tục
Niệm niệm vô tướng
Thấy sự kì dị
Lòng không quái ngại
Ma quái thất bại
Giữ tâm buông xả^[1]
Tức Phật đạo tịnh
Khởi niệm phân biệt
Thì ma càng mạnh
Không tự xưng thánh
Là cảnh giới tốt.
Nếu sanh kiến giải
Tức lạc đường tà
Tâm tánh ly kiến
Nhất tâm thanh tịnh
Không thấy sai biệt
Các tướng cảnh giới.
Khởi tín luận dạy:
Nếu có chúng sanh
Không đủ thiện căn
Tức là các ma
Quý thân ngoại đạo
Đến để mê hoặc

1. Ý này không theo các duyên khởi mà sanh tâm chấp trước.

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

Trong lúc thiền định
Ma chương xuất hiện
Hoặc hiện đọa chánh
Các tướng nam nữ
Nên biết do tâm
Tướng ma liền mất.

Chương XXV

ĐẠI BI BÌNH ĐẲNG

Tâm Phật chúng sanh
Cả ba không khác^[1]
Tất cả chúng sanh
Là Phật sẽ thành
Tánh linh chúng ta
Cùng với chư Phật
Bình đẳng không khác
Kính Phật bên ngoài
Trọng Phật trong tâm
Chúng sanh cùng Phật
Đều là bình đẳng
Thấy phàm thánh Tăng
Như được thấy Phật
Chớ nên coi thường
Những vị chưa học
Kính như các bậc
Thiện hữu tri thức.

1. Tâm, Phật và chúng sanh cả ba đều không có khác biệt.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Ngã mạn không trừ
Tu đạo khó thành
Nội tâm khiêm cung
Ngoài giữ lễ phép
Chớ có khinh người
Tôn trọng bình đẳng
Không rời tự tánh
Ứng dụng không nhiễm
Niệm niệm không đoạn
Tâm thường chánh trực.
Tu sửa thân tâm
An trú tánh giác
Không đề cao mình
Tâm không đố kỵ
Tự xét lòng mình
Chớ nhìn lỗi người
Đối với chúng sanh
Phụng sự bình đẳng
Như hầu chủ nhân
Gặp sự não hại
Tâm không thù oán
Dù bị nhục mạ
Không khởi nóng giận
Nếu khởi tâm giận
Tức bị tổn đức.
Kinh *Bát nhã* dạy:
Tính chất sân hận
Phá hại công đức

Của người tu hành
Như cảnh rừng núi
Ngọn lửa phát khởi
Đốt sạch không còn
Theo các hữu tình
Chịu khổ luân hồi
Không thể thành tựu
Vô thượng chánh giác.
Nội tâm như người
Mù điếc cảm ngộ
Bất cứ lúc nào
Tâm như hư không
Tất cả vạn vật
Đều dung chứa hết
Đối với chúng sanh
Oán thân bình đẳng
Không nuôi lòng ác
Không ghét người ngu
Phát tâm đại bi
Coi như thân thuộc
Ở trong hiểm nạn
Thệ nguyện cứu giúp
Nghĩ nợ oan trái
Sanh tâm hổ thẹn
Nhẫn nại trả hết
Xem như cha mẹ^[1]

1. Ý câu này là xem chúng sanh như cha mẹ mình, kính trọng và hết lòng giúp đỡ.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Dùng các phương tiện
Khiến thoát sanh tử
Hành pháp Đại thừa
Chứng đạo vô thượng
Xa rời thương ghét.
Bình đẳng xả ly
Nghĩ đến chúng sanh
Từ trước đến nay
Huân tập vô minh
Theo tâm sanh diệt
Trôi nổi luân hồi
Thân tâm chịu khổ
Vô lượng bức bách
Không có thời hạn
Mà không hay biết.
Ta nay phát nguyện
Hành pháp Đại thừa
An trụ tánh không
Tâm rời phân biệt
Khắp cả mười phương
Cần tu công đức
Cho đến vị lai
Dùng các phương tiện
Cứu độ chúng sanh
Hướng đến giác ngộ
Xa rời chướng khổ
Nhàm chán sanh tử
Vui cầu Niết-bàn.

Tùy theo căn tánh
Nhiếp hóa lợi ích
Tất cả chúng sanh
Đầy đủ công đức
Để sớm thành tựu
Viên mãn đại bi
Dùng tâm lân mẫn
Tùy thuận chúng sanh
Cầu sớm chứng ngộ
Quả vị vô thượng.
Vì muốn lợi lạc
Tất cả chúng sanh
Tu hành tinh tấn
Tâm không thối chuyển
Điều phục tâm ý
Không nhân không ngã
Không tướng có không
Không tướng chúng đặc
Tất cả mọi nơi
Tâm không chướng ngại
Chúng đặc pháp lạc.

Chương XXVI

TU TỊNH ĐỘ

Trăm ngàn pháp môn
Hương tâm tu hành
Hằng sa công đức
Đều từ nguồn tâm
Pháp tối thượng thừa
Thông rõ trung đạo
Pháp môn căn bản
Nhanh chóng an ổn
Là pháp niệm Phật
Để chúng bất thối.
Trung đạo tánh không
Cương yếu Tam tạng
Tất cả pháp môn
Đều nhập vào pháp
Đệ nhất nghĩa đế.
Kinh Viên giác dạy:
Tất cả chư Phật
Ban đầu tu học
Đều y Pháp quán

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Thể giác thanh tịnh
Đoạn hết vô minh
Mới thành Phật đạo.
Dùng tâm quán sát
Sẽ được giải thoát
Không dùng quán sát
Mãi bị trói buộc
Pháp này gọi là
Bí mật thù thắng
Của các chư Phật.
Pháp môn tâm địa
Cũng được gọi là
Tất cả phạm phu
Nhập cảnh giới Phật
Pháp môn đốn ngộ
Thánh trí tự giác.
Cảnh giới nội chứng
Thiền, Tịnh, Mật, Luật
Cùng chung một điểm
Phương tiện pháp môn
Quy về không hai.
Các pháp bình đẳng
Không có cao thấp
Chứng ngộ nhanh chậm
Đều do khả năng
Đoạn trừ tình chấp^[1]

1. Tình là phạm trừ thương và ghét, chấp là ngã chấp và pháp chấp.

Khai Phật tri kiến
Tâm ngôn tuyệt xứ^[1]
Tâm tánh tương ứng.
Đệ nhất nghĩa đế
Y cứ vạn pháp
Pháp yếu chư Phật
Thâm sâu vô lượng
Khó thể nghĩ bàn
Pháp môn trí tuệ
Khó giải khó nhập
Công đức chân thường^[2]
Pháp thân vô lậu^[3]
Vô lượng thậm thâm
Chỉ Phật chứng biết.
Kinh *Pháp hoa* dạy:
Chỉ Phật và Phật
Chứng ngộ triệt đế
Thật tướng các pháp.
Chư Phật Bồ-tát
Khởi điểm tu hành
Trải muôn ngàn kiếp
Thượng căn lợi cơ^[4]

1. *Tâm ngôn tuyệt xứ*: chỉ sự chứng ngộ tuyệt đối, cảnh giới không thể nghĩ bàn.

2. Công đức chân thường đồng nghĩa Niết-bàn

3. Pháp thân vô lậu là pháp thân thanh tịnh, pháp không sanh diệt.

4. *Thượng căn lợi cơ*: bậc có căn tánh lanh lợi, thông đạt.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Vừa nghe liền ngộ
Siêu việt tri kiến.
Triệt ngộ trọn vẹn
Do qua nhiều kiếp
Tiệm tu^[1] mà thành
Công phu vô lượng.
Y giáo tu quán
Dù được phát ngộ
Tập khí chưa hết
Trăm kiếp tịnh tu
Tam kiếp^[2] mới ngộ.
Nhất thời khai ngộ
Thông triệt tam quan^[3]
Thành tựu bốn trí^[4]
Đoạn hoặc chứng chân
Giải thoát sanh tử
Tượng pháp mặt pháp
Chứng sanh căn cơ

1. *Tiệm tu*: tu hành có thứ lớp, tích lũy công đức dần dần mới thành tựu giác ngộ, khác với đốn ngộ.

2. *Tam kiếp* nói đủ là tam đại kiếp. Đây là đơn vị thời gian trong kinh Phật dạy, ước tính cứ 20 tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Tam đại kiếp chỉ thời gian dài vô cùng tận.

3. *Tam quan*: Thiên ngữ, gồm sơ quan, trùng quan và sanh tử quan, chỉ ba giai đoạn trong quá trình từ khi kiến tánh cho đến khi chứng ngộ pháp thân thanh tịnh, gọi là thông triệt tam quan.

4. *Bốn trí*: diệu quan sát trí, bình đẳng tánh trí, thành sở tác trí và viên thành thật trí.

Quá ư chậm lụt
Xa bậc thánh nhơn
Nghiệp chướng nặng nề
Chưa chứng vô sanh
Sẽ đọa luân hồi.
Tâm thức chưa sạch
Đều đọa luân hồi
Chưa xuất tam quan
Phải lạc luân hồi
Phiền não mê hoặc
Chưa thể trừ hết
Chuyển kiếp còn mê
Theo nghiệp tái sanh
Mê muội nhập thai
Vào cảnh phàm phu
Phải bị tùy thuộc
Ta bà ô trược.
Trong cảnh sanh tử
Thọ mạng dài ngắn
Ác duyên vây bủa
Khổ sâu bức bách
Tâm lý khiếp nhược
Không được gặp Phật
Sẽ bị thối đọa
Trôi vào biển nghiệp
Đường mê khó thoát
Trong biển sanh tử
Cách xa bờ giác.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Nếu không cầu sanh
Vào cõi Tịnh độ
Nương nhờ Phật lực
Công tu khó thành
Lỗi lầm kiếp này
Thì sẽ đọa lạc
Vào trong ba cõi.^[1]
Một niệm sai lạc
Trăm luân nhiều kiếp
Bốn đại cách ly
Nương tựa vào đâu
Không được gặp Phật
Dễ gặp La sát
Không sanh Tịnh độ
Dễ đọa địa ngục
Không sanh Liên trì
Dễ vào súc sanh
Khổ ba đường ác^[2]
Dễ vào khó ra.
Cõi người ô trược
Cõi trời hết phước
Phải theo nghiệp quả
Thành nạn khó thoát
Lạc bước sai đường
Cam tâm chịu khổ

1. Ba cõi gọi là tam giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

2. Ba đường ác là chỉ ba cảnh giới: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Vô phương cứu thoát
Thật là hãi hùng.
Hư không vô tận
Pháp giới vô tận
Tịnh độ uest độ
Cũng là vô tận
Mười phương Tịnh độ
Trang nghiêm thắng diệu
Chúng sanh vãng sanh
Không còn thối đọa.
Khởi tín luận dạy:
Nên biết chư Phật
Phương tiện thù thắng
Nhiếp hộ tín tâm
Vậy nên tinh tấn
Phát tâm niệm Phật
Tùy nguyện vãng sanh
Vào cõi Tịnh độ
Thường được gặp Phật
Xa rời ác đạo.
Đức Phật từ bi
Quán sát trình độ
Ban bố giáo pháp
Phương tiện nhiệm mầu
Khai mở Tịnh độ
Ngay chỗ hiện rõ
Các cõi Tịnh độ
Chỉ cõi Tây phương

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Tịnh độ Di Đà
Ân cần khuyến hóa
Hiển bày trang nghiêm
Đại nguyện Di Đà
Thương xót chúng sanh
Với mọi căn cơ
Như mẹ nhớ con.
Nếu chúng sanh nào
Tín nguyện trì danh
Tưởng Phật niệm Phật
Như con nhớ mẹ
Tâm niệm thâm tín
Tâm hợp đại nguyện^[1]
Cảm ứng đạo giao
Tức được nhiếp thọ
Thoát ly sanh tử
Sanh vào cảnh Phật.
Từ tâm phàm phu
Nhập vào tuệ Phật
Đơn giản dễ dàng
Đón ngộ viên mãn
Chư Phật tán thán
Kinh luận khai mở
Các tông trở về^[2]

-
1. Ý này nghĩa là người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, hợp với đại nguyện tiếp độ của Phật.
 2. Tu theo các tông môn khác cũng có thể phát nguyện sanh về cõi Tịnh độ.

Thánh hiền hướng đến.
Nhưng tin các pháp
Đều ở trong tâm
Chữ Phật chúng sanh
Cũng tại trong tâm
Tịnh độ uest độ
Cũng tại trong tâm.
Thông hiểu như thế
Nghiêm trì tịnh giới
Ba nghiệp thanh tịnh
Chuyên tu định tuệ
Quán lý vô sanh
Đắc trí thanh tịnh
Tu tập thiện pháp
Độc tụng Đại thừa
Nương vào tuệ giác
Của đức Văn Thù
Kiến lập đại nguyện
Của đức Phổ Hiền
Nhất tâm niệm Phật
Phát nguyện vãng sanh
Mười nguyện Phổ Hiền
Quy về Cực lạc
Không còn thối chuyển
Không đợi nhiều kiếp.
Cực lạc an nhàn
Coi đời khổ nạn
Không tin điều này

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Tức đồng gỗ đá
Vô tình vô tri.
Pháp môn Tịnh độ
Thoát ly Ta bà
Giống như ngồi thiền
Thoát ly não động
Bờ nước hàng cây
Khắp nơi nhàn tịnh
Tùy chốn tu niệm
Đều là hướng về
Điều kiện trợ đạo
Để tu tinh tấn.
Tại cõi Tây phương
Đây đủ phương tiện
Điều kiện ưu việt
Duyên lành tiến đạo
Đất vàng cây ngọc
Cung điện lầu gác
Chuỗi ngọc hương hoa
Cùng màn lưới báu
Quang cảnh kỳ diệu
Không lạnh không nóng
Thời tiết điều hòa
Đủ điều trân quý
Âm thanh trang nhã
Hương vị thanh khiết
Phương tiện ăn mặc
Nghĩ đến liền có.

Có ao bảy báu
Tẩy sạch tâm nhiễm
Có loài chim quý
Phát âm nhiệm mầu
Vạn loại âm điệu
Khiến tâm thanh tịnh.
Có gió công đức^[1]
Rung hàng lưới báu
Diễn nói vô lượng
Phật pháp vi diệu
Hiển bày Chánh pháp
Đệ nhất nghĩa không
Sáu căn thanh tịnh
Không có phiền não
Nghiệp cảm trần lao
Tự nhiên không khởi
Thân tâm điều hòa
Thấm nhuần pháp lạc
Thần thông tự tại
Tùy ý qua lại
Các cõi nước khác
Trí tuệ siêu việt
Thông đạt pháp tánh.
Nương nhờ Phật lực
Đổi nghiệp vãng sanh
Chưa hết mê hoặc

1. Công đức đây là phẩm chất từ, bi, hỷ và xả.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Được dự bỏ xứ^[1]
Xa rời đường ác
Không lạc cảnh ma
Thân cận tri thức
Huân tập pháp tánh
Đạt tâm thanh tịnh
Thấy nghe Chánh pháp
Chứng vô sanh nhĩn^[2]
Phụng giáo chư Phật
Liên được thọ ký
Đầy đủ công đức
Chứng đắc quả Phật
Quả vị tối cao
Chuyển diệu pháp luân
Trang nghiêm cõi Phật
Thành thực chứng sanh.
Văn Thù, Phổ Hiền
Cùng cả thánh chúng
Trong Hoa tạng giới
Đều nguyện vãng sanh
Mã Minh, Long Thọ

1. Theo kinh điển Đại thừa, sau khi vãng sanh và dự bỏ xứ, tức chứng đến quả vị tối cao của hàng Bồ-tát, theo nguyện lực và sự thọ ký để thành Phật một thế giới khác. Giống như Phật Di Lạc, tương lai sẽ thành Phật tại cõi Ta bà này.

2. Luận Đại trí độ giải thích rằng: Vô sanh nhĩn tức chứng thật tướng các pháp không sanh không diệt, tín thọ thông đạt, không ngại và không thối chuyển gọi là vô sanh nhĩn.

Tổ sư các tông
Đều sanh Tịnh độ
Ta bà Cực lạc
Cho đến khắp cả
Mười phương ba đời
Tất cả thế giới
Quá trình tu hành
Không có hai đường.
Tây phương cực lạc
Nhân duyên thù thắng
Tu tại Ta bà
Rất khó chứng ngộ
Nguyện sanh Tây phương
Thành Phật chẳng xa
Việc tu thành tựu
Không có sơ suất.
Kinh *Đại tập* dạy:
Trong thời mạt pháp
Ức người tu hành
Hiếm có người đắc
Chỉ theo niệm Phật
Đều được độ thoát.
Bốn nguyện Di Đà
Giống như trăng sáng
Chúng sanh niệm Phật
Như hồ nước trong
Nước dừng yên lặng
Bóng trăng liền hiện

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

Tâm tịnh Phật hiện
Niệm Phật thuần thực
Cảm thông tương ứng
Nhờ nguyện lực Phật
Đắc sanh Tịnh độ.
Pháp môn niệm Phật
Có nhiều phương pháp
Cổ nhân hiền triết
Đã từng chứng nghiệm
Đơn giản vi diệu
Không qua trì danh
Một pháp niệm Phật
Thông triệt trên dưới
Phổ cập tam căn^[1]
Hàm nhiếp chín phẩm
Trí tuệ kiến giải
Có cạn có sâu
Phát tâm tu học
Có rộng có hẹp
Nếu cùng chí hướng
Nhất tâm niệm Phật
Không xen vọng tưởng
Là sự trì danh.
Không tâm không Phật
Nhất tâm bất loạn

1. *Tam căn* chỉ cho ba trình độ chúng sanh là bậc thượng, bậc trung và bậc hạ.

Là lý trì danh.^[1]
Dứt trừ mọi pháp
Sanh diệt thế gian
Bỏ tâm phan duyên^[2]
Nhiếp dụng quy thể^[3]
Tâm không buông lung
Tin sâu Tịnh độ
Lập nguyện vãng sanh.
Chuyên tâm niệm Phật
Thành khẩn tha thiết
Lắng nghe âm thanh
Tâm mình đang niệm
Niệm ít đến nhiều
Từ cạn đến sâu
Từ miệng vào tai
Chú tâm rõ ràng
Tâm đang niệm Phật
Sáng suốt không mê
Danh Phật đang niệm
Chuyên chú rõ ràng
Tâm không rời Phật
Phật không rời tâm
Niệm niệm tương tục

-
1. Lý trì danh còn gọi là đạt đến vô tướng niệm Phật
 2. Tâm chấp thủ, tâm hướng ngoại theo sự tình.
 3. Dụng tức tác dụng của thể tánh hiện ra khả năng thấy nghe hiểu biết. Chánh niệm là nhiếp dụng, quy thể là sự thấy biết lưu xuất từ thể tánh, không phải sự thấy biết, phân biệt đối đãi.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Không bị tạp loạn
Và không gián đoạn.
Như gà ấp trứng
Giữ ấm liên tục
Trừ bỏ phiền não
Chánh niệm niệm Phật
Âm thanh tại tâm
Tâm tại âm thanh
Từng câu từng từ
Tâm và âm thanh
Tương hợp không hai
Như mèo bắt chuột
Không dừng chuyên chú
Nghe thanh vốn không
Thấy sắc là không
Trụ vào giác tánh.
Chánh niệm hiện tiền
Ngay trong mỗi niệm
Vui mừng, ghét bỏ^[1]
Mỗi câu Phật hiệu
Tội nguyện vãng sanh
Nguyện Phật từ bi
Gia hộ tiếp độ
Nguyện Phật thương xót
Dang tay tiếp dẫn
Một dạ chí thành

1. Vui mừng là niệm Phật với tâm vui mừng phát nguyện sanh Cực lạc;ghét bỏ là niệm Phật sanh tâm lia cõi đời ô nhiễm.

Cầu sanh Cực lạc
Như mong thoát khỏi
Cảnh khổ lao ngục
Giặc cướp truy đuổi
Nạn nước nạn lửa
Địa ngục nung nấu
Cực lạc trước mắt
Một lòng cầu cứu
Nguyện thoát luân hồi
Mau đạt giác ngộ
Tiếp độ chúng sanh.
Thiết nghĩ vô thường
Việc lớn sanh tử
Đường hiểm luân hồi
Dắt vào khổ thú^[1]
Khắc sâu chữ tử
Vào tận tâm can
Ở trong mọi thời
Tưởng cảnh lâm chung
Có vậy niệm Phật
Tâm mới tha thiết
Niệm Phật là chủ
Việc đời là khách
Khách không thay chủ
Chủ không theo khách.
Gặp cảnh thuận nghịch

1. *Khổ thú*: Chỉ ba đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Nhớ niệm Di Đà
Pháp âm diễn nói
Đều do biến hóa
Tất cả thanh trần
Là câu niệm Phật
Chim hót ve kêu
Như là Pháp âm
Nhạc trời vi diệu
Của cõi Tây phương.
Cỏ cây rào trúc
Như là kim đài
Lầu gác tốt đẹp
Của cõi Tây phương.
Rừng cây khe suối
Như là ao ngọc
Lưới báu trang nghiêm
Của cõi Tây phương.
Thầy hiền bạn tốt
Là hàng Bồ-tát
Của cõi Tây phương.
Tùy chỗ thấy nghe
Chính là Cực lạc
Tức chuyển Ta bà
Thành cõi Tịnh độ.
Mọi thời trong ngày
Kinh hành tịnh tọa
Một câu niệm Phật
Thường trú tại tâm

Bảo trì chánh niệm
Trong mọi chương duyên
Hoàn cảnh điều linh
Không quên niệm Phật.
Cần ngồi xếp bằng
Điều hòa hơi thở
Nhiếp tâm mặc niệm
Không phát âm thanh
Nên đếm mười niệm
Từ một đến mười
Chuyên niệm như thế.
Hoặc theo hơi thở
Mà niệm danh Phật
Tâm hòa hơi thở
Không chậm không nhanh
Niệm theo hơi thở
Rõ ràng minh bạch
Liên tục không đoạn
Không bị hôn trầm
Và không tán loạn
Nhiếp thân miệng ý
Không để buông lung
Thời khóa mỗi ngày
Quyết đừng bỏ sót
Cho đến suốt đời
Nguyện không thay đổi.
Do tâm chuyên niệm
Nhiếp cả sáu căn

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Sáu thức tồn tại
Tức là chưa đạt.
Tiếp tục niệm Phật
Tâm tánh hợp nhất
Không còn đối đãi
Tu niệm thuần thực
Vọng vô tự tánh
Thực hành lâu ngày
Tâm như hư không.
Không còn chấp ngã
Cũng không chấp pháp
Chân như không tướng
Tâm tánh quang minh
Huệ nhãn khai thông
Tam muội hiện tiền
Khi chưa đắc định
Mượn duyên buộc tâm.
Khi đã đắc định
Không còn duyên cảnh
Như hồ đóng băng
Phật như trăng thu
Cảm thông chiếu hiện
Thanh tịnh không động
Siêng năng không ngừng
Ao sen công đức
Nhụy hoa tươi tốt
Cánh hoa rục rở
Tuy nhờ thần lực

Của Phật gia bị
Nương tựa trưởng thành
Quyết phải chuyên tâm
Đạt sự nhất tâm
Dự phần vãng sanh.
Theo lý trung đạo
Thực hành niệm Phật
Tại cảnh động loạn
Mà tâm không động
Tại chỗ nhiễm ô
Mà tâm không nhiễm
Trong cảnh trói buộc
Tâm lý tự tại
Tùy duyên bất biến
Bản tâm thanh tịnh
Mới được gọi là
Thâu nhiếp sáu căn
Tịnh niệm tương tục.
Một pháp trì danh
Gồm đủ pháp môn
Vì tâm niệm Phật
Nhập vô sanh nhẫn^[1]
Nhất niệm Di Đà

1. *Trí độ luận*, quyển 5 giải thích: “Vô sanh pháp nhẫn: tin nhận, thông đạt thật tướng vô sanh vô diệt của các pháp một cách vô ngại bất thối gọi là vô sanh”. *Thừa nghĩa chương*, quyển 12 cũng nói: “Lý lặng lẽ chẳng khởi gọi là vô sanh. Huệ an trụ trong lý này thì gọi là vô sanh nhẫn”.

TUỆ QUÁN NẸO VỀ CHÂN NHU

Đạt thiên cao tột^[1]
Gồm đủ ba tạng^[2]
Thâu nhiếp sáu độ.^[3]
Tâm không vương mắc
Là đại bố thí
Không khởi tham sân
Là đại trì giới
Không chấp nhân ngã
Là đại nhẫn nhục
Không phí thời gian
Là đại tinh tấn
Đối cảnh vô tâm
Là đại thiên định
Không bị mê hoặc
Là đại trí tuệ.
Tâm thường nội quán
Chuyên tâm nhất cảnh
Xả ly Ta bà
Khế hợp chân không
Vui thích Cực lạc
Khế hợp diệu hữu
Thường ngày nhớ nghĩ

1. Ý này được hiểu là: pháp trì danh niệm Phật là pháp thiên tối thượng, tức đạt đến sự liễu ngộ tâm tánh.

2. Ba tạng gồm kinh, luật và luận.

3. Sáu độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tin tấn, thiên định và trí tuệ.

Y báo chánh báo^[1]
Cực lạc trang nghiêm
Ngay ở tâm ta
Đem cái tâm này
Trú cõi Cực lạc.
Chánh báo y báo
Pháp giới do tâm
Tánh dung vạn pháp
Rời tâm không cảnh
Rời cảnh không tâm
Y chánh tây phương^[2]
Vốn do tâm này
Vô số thế giới
Không ngoài nhất tâm
Pháp giới chư Phật
Dung nhiếp tất cả
Một niệm vô lượng
Thể hợp hư không
Tâm niệm Di Đà
Là niệm tất cả
Mười phương chư Phật.
Vô lượng quang thọ^[3]

-
1. Chánh báo được hiểu là thân tâm này, y báo là hoàn cảnh sống hay cõi nước.
 2. Nghĩa này nói chánh báo và y báo cõi Tây phương. Chánh báo chỉ cho Phật, Bồ-tát, bậc được vãng sanh, y báo chỉ cho cảnh giới Cực Lạc trang nghiêm.
 3. *Quang* là không gian, *thọ* là thời gian, tức thời gian và không gian vô cùng tận, vô lượng.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHƯ

Thâu nhiếp tất cả
Mỗi niệm biến khắp
Tất cả cảnh giới
Mỗi niệm phổ biến
Hư không pháp giới.
Niệm Phật niệm tâm
Niệm tâm niệm Phật
Toàn tâm là Phật
Toàn Phật là tâm
Rõ cảnh do tâm
Rõ tâm tức Phật
Niệm niệm niệm Phật
Tâm này là Phật
Niệm niệm tương tục
Ngoài tâm niệm Phật
Không còn niệm khác
Phật chính tại niệm
Không phải bên ngoài.^[1]
Tự tánh niệm Phật
Phật là tự tánh
Phật tánh chính mình
Phật chính là niệm
Niệm chính là Phật
Niệm mà vô niệm

1. Bốn câu này có nghĩa là: Niệm Phật đạt đến nhất tâm, không còn tướng năng niệm (chủ thể là người niệm) và tướng sở niệm (đối tượng Phật để niệm), thuộc lý bất nhị (không hai), Phật và tâm dung nhiếp trong trạng thái nhất tâm, không còn đối đãi của năng và sở.

Không còn năng sở^[1]
Cái gọi năng sở
Đều không tự tánh
Tuy suốt ngày niệm
Mà chưa từng niệm
Niệm vốn là không
Niệm mà không niệm
Niệm vốn không tướng
Không niệm tự niệm
Vạn pháp nhất như
Tâm Phật không hai
Tịch tịnh thường chiếu
Khắp cả mười phương
Chiếu mà tịch tịnh
Mạng sống vô cùng
Siêu việt ba thời^[2]
Ánh sáng vô lượng
Thọ mạng vô lượng
Vốn là thể giác.
Của cả chúng sanh
Trì danh niệm Phật
Khôi phục tánh giác
Vốn có xưa nay
Gọi là thủy giác

1. Hai câu này nghĩa là, niệm Phật đạt đến vô niệm thì xa lìa năng và sở.

2. Ba thời còn gọi là tam tế, tức chỉ quá khứ, hiện tại và tương lai.

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Hợp với bốn giác
Bốn thủy không hai
Chúng sanh và Phật
Vốn không có hai
Y báo chánh báo
Cũng không có hai.
Sạch dơ khổ vui
Mừng ghét thủ xả^[1]
Phiền não Bồ-đề
Sanh tử Niết-bàn
Đều là bình đẳng
Không có hai tướng.
Lấy thật tướng tâm
Niệm thật tướng Phật
Lấy pháp giới tâm
Niệm pháp giới Phật
Một niệm thật tướng
Một niệm là Phật
Niệm niệm thật tướng
Niệm niệm là Phật
Tức là chứng ngộ
Một niệm hiện tại
Là vô lượng quang
Là vô lượng thọ.
Thể của pháp giới
Vốn là bình đẳng

1. Thủ là tâm nắm bắt, chấp trước; xả là tâm buông bỏ, xa ly.

Khắp cả thời gian
Và cả không gian
Mười phương Tịnh độ
Đều tại nhất tâm
Nhất tâm biến khắp
Mười phương Tịnh độ
Không thể nghĩ bàn
Thoát ly căn trần.
Tâm không cảnh tịch
Tâm Phật nhất như
Niệm mà vô niệm
Quả Phật không tướng
Không tướng chứng đắc
Niệm niệm đều hợp
Chân không thật tướng
Niệm niệm viên dung
Hợp với tánh không
Trở về chân tâm
Thoát ly năm uẩn
Giải thoát tự tại
Chính là đến thời
Chơn tánh sáng tỏ
Không còn mê lầm
Bản thể xưa nay
Chứng đắc tam muội
Trăm ngàn pháp môn
Vô lượng diệu nghĩa
Đều có đầy đủ

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Pháp thân niệm Phật
Trực chỉ tự tánh
Không rời tâm này
Mà thành chánh giác
Đó là nhất thừa
Trung đạo thật tướng.
Đạt lý nhất tâm
Chứng đắc thượng phẩm
Từ sự đạt lý
Lý kiêm cả sự
Dụng công tu niệm
Mới đạt tánh đức
Cơ duyên thuận thực
Thành tựu trí tuệ
Chứng nhập chánh định
Trong định thấy Phật
Đạt được vô sanh
Tức là kế hợp
Đệ nhất nghĩa đế.
Hương quả vị Phật
Thành tựu tịnh nghiệp
Hết một đời này
Biết được vãng sanh
Thân không bệnh khổ
Từ già cuộc đời
Như nhập thiền định
Đức Phật Di Đà
Cùng cả thánh chúng

Phóng quang tiếp dẫn
Với hương thơm lạ
Cùng cả nhạc trời
Là các điểm lành
Không còn trói buộc.
Sanh về cõi Phật
Thoát ly luân hồi
Không còn thối chuyển
Dự vào thánh quả
Tại cõi Cực lạc
Cùng các Bồ-tát
Sống chung một cảnh
Nhân duyên tốt đẹp
Để nghe Chánh pháp
Nói nghĩa thật tướng
Khai mở Phật thừa
Được ngộ thâm sâu
Đệ nhất nghĩa không.
Thâm nhập các pháp
Thấu triệt diệu nghĩa
Nhờ sức nghe pháp
Thông đạt thật tướng
An trú pháp lạc
Thông đạt tất cả
Chứng vô sanh nhẫn
Nhập vào chánh vị
Thần thông vô ngại
Các căn thông lợi

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Gặp Phật thọ ký
Công đức thành tựu.
Với tâm đại bi
Trở lại Ta bà
Hóa thân vô số
Biến khắp mười phương
Dùng sức phương tiện
Hoằng pháp lợi sanh
Khiến cả chúng sanh
Phát tâm Bồ-đề
Đều được thoát khổ
Vận dụng bi trí
Hưng thịnh Tam bảo
Trang nghiêm quả Phật.
Nay gặp duyên lành
Quyết chí thọ trì
Dốc hết tâm lực
Tinh tấn trọn đời
Phát nguyện chân thành
Muôn đời không đổi
Nhất tâm xưng niệm
A Di Đà Phật
Là đạo giác ngộ
Cầu sanh Tịnh độ
Không còn thối chuyển
Chánh tín không đời
Phát khởi triệt để
Đại Bồ-đề tâm

Đầy đủ lòng bi
Khai mở ruộng phước
Đầy đủ trí lực
Năng lực trí đó
Triệt ngộ nhất tâm
Viên mãn công đức.
Hết thấy nhân lành
Hồi hướng khắp nơi
Tận hư không giới
Hết thấy chúng sanh
Mau chóng thoát ly
Vực sâu phiền não
Đoạn tận vô minh
Không nhiễm cõi tục
Hồi phục tánh giác
Chứng ngộ Niết-bàn
An lạc tuyệt đối
Được vãng sanh về
Thế giới Cực Lạc
Của Phật Di Đà.
Trú vô sở đắc
Giáo hóa chúng sanh
Phát khởi tâm nguyện
Bồ-đề như huyễn
Quy về bờ giác
Biến giác như huyễn
Đều sanh an dưỡng
An dưỡng như huyễn

TUỆ QUÁN NÈO VỀ CHÂN NHU

Phát tâm giáo hóa
Tất cả hữu tình
Hữu tình như huyễn
Hư không có thể
Thành tướng giới hạn
Tâm nguyện giải thoát
Không có giới hạn
Đó là chân thật
Báo đáp bốn ân
Sau cùng thành tựu
Quả vị giác ngộ.

TỰ QUÁN NỂO VỀ CHÂN NHƯ

Thích Đức Trí dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM
88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1 - TP.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419

Fax: (08) 39142890

Email: nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

Biên Tập:

Kim Phước

Sửa bản in:

Bảo Bảo

Trình bày, bìa:

Phương Niệm

Liên kết xuất bản:

Nguyễn Hiệp

In lần thứ nhất. Số lượng: 1000 cuốn, Khổ 14x20 cm

Tại: Công ty TNHH Pháp Uyển

Số đăng ký KHXB: 730-2013/CXB/11-38/VHVN

Quyết định xuất bản số: 197/QĐ-NXBVHVN.

Ngày 10/06/2013

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2013